

Bộ sách **CẨM NANG ỨNG DỤNG**



CẨM NANG ỨNG DỤNG

PHONG TỤC DÂN GIAN

Xây cất
Văn khấn
Xem ngày
Phong thủy
Nghỉ lễ đời sống



NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

TUẤN KHANH - THANH THỦY

CẨM NANG ỨNG DỤNG PHONG TỤC DÂNG GIÀN

**NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG
CÔNG TY VĂN HOÁ VÀ TRUYỀN THÔNG VÕ THỊ**

Cùng bạn đọc

Bạn đang cầm trên tay cuốn đầu tiên của Bộ sách "Cẩm nang ứng dụng" gồm nhiều cuốn, được tổ chức do nhu cầu tham khảo và tra cứu của đông đảo bạn đọc. Bộ sách này sẽ đưa ra nhiều nội dung phong phú và bao quát mang tính ứng dụng thực tiễn của người Việt Nam trên các lĩnh vực cơ bản của cuộc sống.

Và đi từ cội nguồn, tại cuốn sách này chúng tôi bắt đầu ứng dụng phong tục. Cuốn cẩm nang đầu tiên này đến với bạn như một từ điển giản dị, dễ tra cứu về cách tổ chức và lễ nghi phong tục của các trường hợp không thể thiếu trong thường nhật như: các loại lễ tiết, cách thực hiện các nghi lễ trong đời sống như: lễ đón con sơ sinh, lễ đầy tháng đầy năm, cho đến tục đặt tên cho con, tục cho, nhận con nuôi, việc học hành chọn bạn cho con, việc giáo dục con cái xưa và nay, nghề nghiệp, lễ yến lão, lễ sinh nhật cho cha mẹ... Chưa kể, cuốn cẩm nang này còn hướng dẫn các hôn lễ, lễ hợp cẩn, nghi lễ tang ma, xây cất nhà cửa, cách thờ cúng tại gia, các bài văn khấn gia tiên; tập tục và quan niệm ứng dụng phong thủy, ngày hoàng đạo hắc đạo, câu đối cổ truyền... Thậm chí, quan niệm về biểu tượng các loài hoa khi người ta tặng nhau cũng được đề cập đến trong cuốn cẩm nang này.

Mong rằng cuốn sách này sẽ giải đáp giúp bạn nhiều trường hợp khó xử và khiến bạn trở thành người chu đáo, lịch lãm trong gia đình và ngoài xã hội.

Võ Thị giới thiệu.

CHƯƠNG I

CÁC LỄ TIẾT TRONG NĂM

I. TẾT NGUYÊN ĐÁN

Nguyên là bắt đầu, *Đán* là buổi sớm. *Tết Nguyên Đán* tức là Tết mở đầu cho một năm mới, là tiết lễ đầu tiên của năm. Tết Nguyên Đán là tết cổ truyền đã hình thành từ rất lâu đời, người Việt ta quen gọi là Tết.

Tết được bắt đầu vào khoảnh khắc hai năm: cũ – mới gặp nhau và ly biệt gọi là Giao thừa. Điểm hội tụ và phân ly ấy xảy ra vào đúng nửa đêm, và là thời khắc thiêng liêng nhất của một năm. Vào thời khắc này, những lễ tục cầu mong cho mọi sự của năm mới đều tốt đẹp được tiến hành: trong các đường làng ngõ xóm, từng đoàn trẻ con nghèo hát “Xúc sắc xúc xẻ” chúc mừng mọi gia đình, lệ giữ lửa qua đêm Giao thừa, lễ trảm tự (chém chữ), tục gọi gạo...

Tết Nguyên Đán là lễ hội truyền thống lớn

nhất, tiêu biểu nhất của người Việt nên được gọi là Tết Cả để phân biệt với các tết khác như: Tết mừng 5 tháng 5, Tết Trung thu, Tết Cơm mới... Lễ hội toàn dân này đã mở màn cho mùa lễ hội kéo dài từ xuân cho tới hết thu trên khắp các miền quê của đất nước. Trong dịp Tết, người Việt sống trong lễ thức tôn nghiêm cùng đạo đức cộng đồng. Rồi ngay sau đó, khắp các làng quê đâu đâu cũng mở các cuộc vui, trò chơi, hội thi tài... vừa để giải toả nỗi nhọc nhằn của cuộc sống năm qua, vừa để cầu mong Tổ Tiên và các vị Thần linh phù hộ, để con cháu đi vào năm mới với một tâm niệm thiết tha: năm mới phải tốt đẹp, may mắn, hạnh phúc hơn năm cũ.

Các lễ hội diễn ra trong dịp Tết chứa đựng nhiều phong tục đẹp đẽ của người Việt. Nội dung của nó thường giản dị, mộc mạc nhưng bộc lộ đầy đủ tấm lòng nhân ái với đồng loại, với đạo lý “uống nước nhớ nguồn” cùng tinh thần đoàn kết dân tộc sâu sắc. Đây chính là sợi dây vô hình gắn kết vững bền mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng, giữa gia đình với xã hội.

Tết không chỉ là ngày hội lớn, ngày vui của toàn dân tộc mà còn là dịp để con người và vạn vật trong thiên nhiên, vũ trụ giao hoà; là dịp để người sống tưởng niệm đến người đã chết; là dịp để mỗi cá nhân cộng cảm với gia đình, làng xóm và dân tộc. Vì vậy, nhân dân ta mới có quan niệm: Tết là cuộc “hợp mặt” của nhiều thế hệ; là lễ hội của cả người

đang sống và những người đã chết.

Tết Nguyên Đán của người Việt Nam có rất nhiều lễ tiết và nghi lễ đặc sắc, được mở đầu bằng Tết ông Táo hay còn gọi là Tết Táo Quân.

1. TẾT TÁO QUÂN

** Ý nghĩa:*

Theo quan niệm của người Việt Nam: Trong mỗi gia đình đều có vị Thần Bếp (còn gọi là Thần Táo Quân - Vua Bếp) trông nom cuộc sống của họ. Hàng năm, cứ vào ngày 23 tháng chạp (Âm lịch), là Thần Táo Quân sẽ lên châu Trời để tâu lại với Ngọc Hoàng về mọi việc tốt xấu diễn ra ở các gia đình dưới trần gian trong suốt một năm qua. Vì vậy nhân dân ta gọi ngày này là ngày Tết Táo Quân. Vào ngày Tết Táo Quân (23 tháng Chạp) hàng năm, nhà nào cũng thành kính sắm sửa lễ vật để tiễn ông Táo lên châu Trời.

Văn khấn Tết Táo Quân:

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Con kính lạy 9 phương trời, 10 phương Phật

Con lạy Chư Phật 10 phương

Kính lạy ngài Đông trù Tư mệnh Táo phủ Thần

Quân.

Tín chủ chúng con là.....

Ngụ tại.....

Nhân ngày 23 tháng Chạp tín chủ chúng con thành tâm sửa biện hương hoa phẩm vật xiêm hài áo mũ, nghi lễ cung trần, dâng lên trước án, dâng hiến Tôn Thần, đốt nén tâm hương dốc lòng bái thỉnh.

Chúng con kính mời:

Ngài Đông trù Tư mệnh Táo phủ Thần Quân giáng lâm trước án thụ hưởng lễ vật.

Phỏng theo lệ cũ

Ngài là vị chủ

Ngũ tự gia thần

Soi xét lòng trần

Táo quân chứng giám

Trong năm sai phạm

Các tội lỗi lầm

Cúi xin Tôn Thần

Gia ân châm chước

Ban lộc ban phước

Phù hộ toàn gia

Trai gái trẻ già

An ninh khang thái.

Dãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

2. LỄ TẤT NIÊN

** Ý nghĩa:*

Người Việt Nam ta rất tôn kính Tổ Tiên, vì vậy mà vào ngày cuối cùng trong năm (tức ngày 30 Tết), các gia đình thường làm lễ rước vong linh Gia tiên về dự hưởng Tết. Lễ này còn gọi là lễ Tất niên.

Có hai cách rước Gia tiên như sau:

- Cách thứ nhất là con cháu làm cỗ dâng cúng Gia tiên vào trưa (giờ Ngọ) ngày 30 Tết, khấn vái mời các cụ về ngự ở nơi thờ phụng tại nhà.

- Cách thứ hai là chiều ngày 30 Tết, gia chủ cùng người thân trong gia đình ra mộ, dọn sạch cỏ, nhổ hết chân nhang cũ đốt đi, rồi thắp nhang mới khấn mời Gia tiên về nhà cùng con cháu đón Tết. Sau khi rước các cụ về, cúng cỗ xong, cả nhà quây quần ăn bữa Tất niên vui vẻ.

Kể từ sau lễ Tất niên, trên bàn thờ lúc nào cũng phải giữ cho đèn nhang khỏi tắt, vì từ lúc này Gia Tiên luôn ngự ở đó cho đến hết ba ngày Tết. Người ta thường dùng hương vòng, hoặc hương sào để thắp. Hai loại hương này cháy được, thơm và có thể cháy được suốt đêm.

** Lễ vật dâng cúng:*

Mâm lễ cúng Tất niên phải được chuẩn bị chu đáo, đầy đặn; bày biện đẹp và trang trọng bao gồm các lễ vật sau:

Hương hoa, đèn nến, trầu rượu, bánh chưng, vàng mã, cỗ mặn với đầy đủ các món ngày Tết.

** Văn khấn:*

Văn khấn khi đi viếng mộ:

Nam mô A Di Đà Phật

Nam mô A Di Đà Phật

Nam mô A Di Đà Phật

- *Kính lạy Ngài Kim niên Đương cai Thái tuế Chí đức Tôn thần, Kim niên hành binh, Công tào Phán quan.*

- *Kính lạy Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương.*

- *Kính lạy Ngài Bản xứ thần linh Thổ địa tôn thần.*

- *Kính lạy các ngài Ngũ phương, Ngũ thổ Long mạch Tôn thần. Tiền Chu tước, Hậu Huyền vũ, Tả Thanh long, Hữu Bạch hổ cùng liệt vị Tôn thần cai quản trong xứ này.*

Kính lạy Chư gia Cao Tăng Tổ khảo tỷ tiên linh nội ngoại.

Hôm nay là ngày 30 tháng Chạp, nhằm tiết cuối

đông sắp sang năm mới.

Chúng con là.....

Ngụ tại.....

Sắm sanh phẩm vật, hương hoa phù tâu lễ nghi, trình cáo Tôn thần, kính rước vong linh bản gia Tiên Tổ chúng con là:.....

Có mộ phần tại đây về với gia đình đón mừng năm mới, để cho cháu con phụng sự trong tiết xuân thiên, báo đáp ân thâm, tỏ lòng hiếu kính. Cúi xin Tôn thần, phủ thủy doãn hứa. Âm dương cách trở, bát nước nén hương, biểu tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

Văn khấn Gia tiên tại bàn thờ gia đình:

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Hôm nay!

Ngày..... tháng..... năm.....

Tại thôn..... xã..... huyện..... tỉnh.....

Tín chủ con là... vâng lệnh cha mẹ và các chú, cùng với anh chị ruột, anh rể và các em trai gái dâu rể, con cháu nội ngoại toàn gia kính bái.

Nay nhân ngày 30 tháng Chạp năm.....

Chúng con kính cẩn sắm một lễ gồm.... gọi là lễ mọn lòng thành, kính dâng lên: Đông trù Tư mệnh Táo phủ thần quân, bản gia Tiên sư, bản viên Thổ công, liệt vị Tôn thần.

Trước linh vị của.....

Và các vị Tổ bá, Tổ thúc, Tổ cô, cùng các vong linh phụ thờ theo Tiên Tổ.

Kính cẩn thưa rằng: năm cũ sắp hết, ngày Tết tới gần, chuẩn bị mừng xuân.

Kính cáo: Thổ địa, chư vị Linh Thần.

Kính mời: Vong linh Tổ Tiên về với gia đình để cháu con phụng sự.

Cẩn cáo.

3. LỄ GIAO THỪA (LỄ TRỪ TỊCH)

Tết Nguyên Đán bắt đầu từ lúc Giao thừa, vì vậy người Việt ta rất xem trọng lễ cúng Giao thừa. Theo quan niệm xưa, lễ trời đất có khởi thủy phải có tận cùng, một năm có bắt đầu ắt phải có kết thúc. Nhưng điều đặc biệt ở lúc *Giao thừa* là vừa có kết thúc, vừa có bắt đầu: kết thúc năm cũ và bắt đầu năm mới.

Đối với người Việt, đêm giao thừa gọi lên những kỷ niệm thấm thiết, những tình cảm thiêng liêng và trang trọng. Người ta gọi khoảng thời gian hết giờ Hợi ngày 30 tháng Chạp sang giờ Tý mở đầu ngày mồng Một Tết là lúc Giao thừa. Đó là thời

điểm đất trời giao cảm, âm dương hoà quyện, chấm dứt sự yên lặng tạm thời của vạn vật để bùng lên sức sống mới. Vào thời khắc thiêng liêng này, mọi gia đình người Việt đều bày cỗ cúng quan Hành khiển và Gia tiên. Có nơi sau khi cúng Giao thừa ở gia đình mọi người còn đi chùa, đền để hái lộc cầu mong sự may mắn trong năm mới.

Lễ cúng Giao thừa được tiến hành vào lúc hết giờ Hợi ngày 30 tháng Chạp sang giờ Tý ngày mồng Một Tết – cũ mới tiếp nhau, bắt đầu sang ngày khác.

A. Lễ cúng Giao thừa ngoài trời

** Ý nghĩa:*

Lễ này là để tiễn vị thần năm cũ, đón vị thần năm mới. Thần cũ giao lại công việc, thần mới tiếp nhận. Vì vậy còn gọi là lễ Trừ tịch (Trừ: có nghĩa là trao lại chức quan; Tịch: có nghĩa là ban đêm).

Tục xưa tin rằng, mỗi năm có một vị Hành khiển coi việc nhân gian, mỗi vị có tên riêng với vương hiệu và cũng gọi là Đương niên Chi thần (mỗi vị có một phụ tá là Phán quan). Có 12 vị Hành khiển luân phiên từ năm Tý đến năm Hợi là 12 năm. Hết lượt lại quay trở lại. Vương hiệu của 12 vị Hành khiển và các Phán quan là:

Năm Tý: Chu Vương Hành khiển, Thiên Ôn hành binh chi thần, Lý Tào phán quan.

Năm Sửu: Triệu Vương Hành khiển, Tam Thập lục Thương hành binh, Khúc Tào phán quan.

Năm Dần: Ngưu Vương Hành khiển, Mộc Tinh hành binh chi thần, Tiêu Tào phán quan.

Năm Mão: Trĩ Vương Hành khiển, Thạch Tinh hành binh chi thần, Liễu Tào phán quan.

Năm Thìn: Sở Vương Hành khiển, Hoả Tinh hành binh chi thần, Biểu Tào phán quan.

Năm Tỵ: Ngô Vương Hành khiển, Thiên Hao hành binh chi thần, Hứa Tào phán quan.

Năm Ngọ: Tân Vương Hành khiển, Thiên Mao hành binh chi thần, Ngọc Tào phán quan.

Năm Mùi: Tống Vương Hành khiển, Ngũ Đạo hành binh chi thần, Lâm Tào phán quan.

Năm Thân: Tê Vương Hành khiển, Ngũ Miếu hành binh chi thần, Tống Tào phán quan.

Năm Dậu: Lỗ Vương Hành khiển, Ngũ Nhạc hành binh chi thần, Cự Tào phán quan.

Năm Tuất: Việt Vương Hành khiển, Thiên Bá hành binh chi thần, Thành Tào phán quan.

Năm Hợi: Lưu Vương Hành khiển, Ngũ Ôn hành binh chi thần, Nguyễn Tào phán quan.

Trong các bài văn khấn Giao thừa khi dâng hương ngoài trời đều khấn danh vị của các vị quan Hành khiển cùng các vị Phán quan nói trên. Năm nào thì khấn danh vị của vị ấy.

** Lễ vật dâng cúng:*

Lễ vật cúng quan Hành khiển ngoài những phẩm vật không thể thiếu: hương, nến, rượu, trầu, vàng mã... còn có lễ mặn: thủ lợn luộc, gà trống luộc, xôi, bánh chưng... Tất cả lễ vật được bày lên một chiếc mâm kê cao đặt trước cửa nhà.

** Văn khấn:*

Đúng thời điểm giao thừa, gia chủ thắp đèn hương, đốt pháo rồi khấn (thời xưa có tục đốt pháo vào đêm Giao thừa nhưng ngày nay tục lệ này không còn nữa). Nếu viết văn khấn vào giấy để đọc thì ngay sau khi đọc xong sẽ hoá (đốt) cùng tiền và vàng dâng cúng.

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Con kính lạy 9 phương trời, 10 phương Phật

Con lạy Chư Phật 10 phương!

Kính lạy Đức Đường lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật.

Kính lạy Hoàng Thiên, Hậu Thổ, chư vị Tôn thần

Kính lạy ngài Cửu niên Đường cai Hành khiển

Kính lạy Đường niên thiên quan (năm nào khấn danh vị của vị Hành khiển năm ấy) năm...

Kính lạy các ngài Ngũ phương, Ngũ thổ, Long

mạch, Táo quân, chư vị Tôn thần.

Nay là phút Giao thừa năm.....

Chúng con là.....

Ngu tại:.....

Nhân phút thiêng liêng giao thừa vừa tới, năm cũ qua đi, đón mừng năm mới, tam dương khai thái, vạn tượng canh tân. Nay ngài Thái Tuế tôn thần trên vâng lệnh Thượng đế giám sát vạn dân, dưới bảo hộ sinh linh tảo trừ yêu nghiệt. Quan cũ về triều cửa khuyết, lưu phúc lưu ân. Quan mới xuống thay, thể đức hiếu sinh, ban tài tiếp lộc. Nhân buổi tân xuân, tín chủ chúng con thành tâm, sửa biện hương hoa phẩm vật, nghi lễ cung trần, dâng lên trước án. Cúng dâng Phật Thánh, dâng hiến Tôn thần, đốt nén tâm hương dốc lòng bái thỉnh.

Chúng con kính mời: Ngài Cựu niên đương cai, Ngài Tân niên đương cai Thái tuế chí đức Tôn thần, Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương, Ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa, Phúc đức chính thần, các ngài Ngũ phương, Ngũ thổ, Long mạch, Tài thần, các bản gia Táo quân và chư vị thần linh cai quản ở trong xứ này. Cúi xin giáng lâm trước án, thụ hưởng lễ vật.

Nguyên cho tín chủ: Minh niên khang thái, trú dạ cát tường. Thời thời được chữ bình an, gia đạo hưng long thịnh vượng.

Dãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

B. Lễ cúng Giao thừa trong nhà:

** Ý nghĩa:*

Sau khi dâng hương ngoài trời xong thì gia chủ vào nhà làm lễ dâng hương Tổ Tiên. Đây là một nghi lễ thành kính và trang trọng, toàn thể thành viên trong gia đình đứng trước bàn thờ Gia tiên cầu khẩn cho một năm mới được mạnh khoẻ, vạn sự may mắn, tốt lành.

** Lễ vật cúng Gia tiên:*

Hương, nến, rượu, trầu, vàng mã, bánh kẹo, bánh chưng và mâm cỗ mặn ngày Tết đầy đặn, thơm ngon tinh khiết.

** Văn khấn:*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Đức Đường lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật.

Kính lạy Hoàng Thiên, Hậu Thổ, chư vị Tôn thần

Kính lạy Long mạch, Táo quân, chư vị Tôn thần.

Kính lạy các cụ Tổ Tiên nội ngoại, chư vị tiên linh

Nay nhân phút Giao thừa năm.....

Chúng con là.....

Ngụ tại:.....

Phút Giao thừa vừa tới, nay theo vận luật, tống cựu nghênh tân, giờ Tý đầu xuân, đón mừng Nguyên Đán, tín chủ chúng con thành tâm sửa biện hương hoa phẩm vật, nghi lễ cung trần, dâng lên trước án, cúng dâng Phật Thánh, dâng hiến Tôn thân, tiến cúng Tổ Tiên, đốt nén tâm hương, dốc lòng bái thỉnh.

Chúng con xin mời:

Ngài Bản cảnh Thành hoàng chư vị Đại Vương, Ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa, Phúc đức chính thần, các ngài Ngũ phương, Ngũ thổ, Long mạch Tài thần, các ngài bản gia Táo quân và chư vị thần linh cai quản ở trong xứ này. Cúi xin giáng lâm trước án thụ hưởng lễ vật. Con lại kính mời các cụ tiên linh Cao Tăng Tổ khảo, Cao Tăng Tổ tỷ, Bá thúc huynh đệ, Cô di tỷ muội, nội ngoại gia tộc, chư vị hương linh, cúi xin giáng về linh sàng..... hưởng lễ vật.

Tín chủ lại kính mời các vị vong linh tiền chủ hậu chủ, y thảo thụ mộc ở trong đất này.

Nhân tiết Giao thừa, giáng lâm trước án chiêm ngưỡng tân xuân, thụ hưởng lễ vật.

Nguyện cho tín chủ: Minh niên khang thái, trú dạ cát tường. Thời thời được chữ bình an, gia đạo hưng long thịnh vượng.

Dãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

4. LỄ CHÍNH ĐÁN

** Ý nghĩa:*

Vào sáng ngày mồng một Tết, các gia đình bày một mâm cỗ để cúng Thần linh trong nhà và cúng Gia tiên tại bàn thờ gia đình, gọi là lễ chính Đán. Lễ này mang ý nghĩa là con cháu mời Thần linh và Gia Tiên dự hưởng bữa cỗ Tết đầu tiên của gia đình, qua đó thể hiện lòng thành kính.

** Lễ vật dâng cúng:*

Lễ vật dâng cúng gồm tất cả những thứ đã chuẩn bị từ trong Tết. Đây là lễ cúng long trọng nhất mở đầu cho cả một năm nên được các gia đình rất chú trọng.

** Văn khấn lễ Chính Đán:*

Văn khấn Thần linh trong nhà:

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Đức Đường lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật.

Kính lạy Phật Trời, Hoàng Thiên Hậu Thổ.

Kính lạy Chư vị Tôn thần.

Hôm nay là ngày mồng Một tháng Giêng, nhằm

ngày Tết Nguyên Đán đầu xuân, giải trừ gió đông lạnh lẽo, hung nghiệt tiêu tan, đón mừng Nguyên Đán xuân thiên, mưa móc thấm nhuần, muôn vật từng bừng đổi mới. Nơi nơi lễ tiết, chốn chốn tường trình.

Tín chủ con là.....

Ngụ tại.....

Nhân tiết minh niên sắm sửa hương hoa, cơm canh lễ vật bày ra trước án, dâng cúng Thiên Địa Tôn thần.

Thiết nghĩ Tôn thần hào khí sáng lòe, ân đức rộng lớn. Ngôi cao vạn trượng uy nghi, vị chính mười phương biến hiện. Lòng thành vừa khởi, Tôn đức cảm thông. Cúi xin giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật. Nguyện cho chúng con mọi người hoan hỉ vinh xương, con cháu cát tường khang kiện. Mong ơn Đương cảnh Thành hoàng, đội đức Tôn thần bản xứ. Hộ trì tín chủ, gia lộc gia ân, xá quá trừ tai. Đầu năm chí giữa, nửa năm chí cuối, sự nghiệp hanh thông, sở cầu như ý.

Dãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

Văn khấn Gia Tiên:

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Đức Đương lai hạ sinh Di Lặc Tôn Phật.

Kính lạy các cụ Tổ khảo, Tổ tỷ, bá thúc huynh đệ, đường thượng tiên linh và các hương hồn nội tộc, ngoại tộc.

Nay theo tuế luật, âm dương vận hành, tới tuần Nguyên Đán, mồng Một đầu xuân, mưa móc thấm nhuần, đón mừng năm mới. Con cháu tưởng niệm, ân đức Tổ Tiên như trời cao biển rộng, khôn đem tác cớ báo ba xuân. Do đó chúng con cùng toàn thể con cháu trong nhà sửa sang lễ vật, oản quả hương hoa kính dâng lên trước án.

Kính mời các cụ Cao Tăng Tổ khảo, Cao Tăng Tổ tỷ, Bá thúc huynh đệ, Cô di tỷ muội, nam nữ tử tôn nội, ngoại. Cúi xin thương xót con cháu, linh thiêng giáng về linh sàng, phù hộ độ trì con cháu năm mới an khang, mọi bề thuận lợi, sự nghiệp hanh thông. Bốn mùa không hạn ách nào xâm, tám tiết có điềm lành tiếp ứng. Tín chủ lại mời: Các vong linh, tiên chủ, hậu chủ ở trong đất này cùng về hâm hưởng.

Dãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

5. LỄ CÚNG ĐUA

*** Ý nghĩa:**

Người Việt Nam luôn quan niệm rằng người chết cũng như người sống, đã có mời về thì phải có

tiền đưa mới là đúng lễ nên mới làm “Lễ cúng đưa”.
 Chiều 30 Tết cúng mời các cụ về ăn Tết thì đến ngày
 mồng Ba lại cúng để tiễn đưa các cụ trở về cõi âm.

** Lễ vật dâng cúng:*

Lễ vật chính trong lễ cúng đưa là những thứ đã
 bày biện trong ba ngày Tết. Ngoài ra người ta còn
 sắm thêm đĩa xôi, con gà luộc và thay mới hương
 hoa, cau, trầu.

** Văn khấn:*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn thần.

*Kính lạy Ngài Đường niên, Ngài Bản cảnh
 Thành hoàng, các ngài Thổ địa, Táo quân, Long
 mạch, Tôn thần.*

*Kính lạy các cụ Tổ khảo, Tổ Tỷ, nội ngoại tiên
 linh.*

*Hôm nay là ngày mồng Ba tháng Giêng
 năm.....*

Tín chủ chúng con:.....

Ngụ tại:.....

*Thành tâm sửa biện hương hoa, phẩm vật, phù
 tửu, lễ nghi, cung trần trước án. Kính cẩn thưa*

trình: tiệc xuân đã mãn, Nguyên Đán đã qua, nay xin thiêu hoá kim ngân, lễ tạ Tôn thần, rước tiền tiên linh trở về âm giới.

Kính xin: Lưu phúc lưu ân, phù hộ độ trì, dương cơ âm mộ, mọi chỗ tốt lành. Cháu con được chữ bình an, gia đạo hưng long thịnh vượng. Lòng thành kính cẩn, lễ bạc tiến dâng, lượng cả xét soi, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

II. CÁC LỄ TIẾT KHÁC

1. TẾT NGUYÊN TIÊU

** Ý nghĩa:*

Người Việt Nam ta có câu: “*Lễ Phật quanh năm không bằng rằm tháng giêng*” để nói về ngày Thượng Nguyên, ngày trăng tròn đầu tiên của một năm mới. Người ta còn gọi ngày Thượng Nguyên là Tết Nguyên tiêu hay Tết Rằm tháng Giêng.

Tục ta tin rằng, trong ngày rằm tháng Giêng, đức Phật giáng lâm tại các chùa để chứng độ cho lòng thành của các tín đồ Phật giáo. Vì vậy mà trong dịp này, chùa nào cũng đông người tới lễ bái.

Vào ngày Rằm tháng Giêng, ngoài việc đi lễ chùa, các gia đình cũng sắm cỗ cúng gia tiên ở nhà.

** Lễ vật dâng cúng:*

Người ta thường sắm hai mâm lễ để dâng cúng

vào ngày Tết Nguyên tiêu: mâm lễ mặn (hương hoa, đèn nến, trầu rượu, xôi gà...) dâng cúng Gia tiên và mâm lễ chay (hương hoa, phẩm oản, trái cây...) dâng cúng Phật. Một số gia đình cẩn thận cũng lập đàn tràng tại gia để làm lễ dâng hương Trời, Phật, Tiên, Thánh và giải hạn sao. Đàn tràng lập ở ngoài sân.

** Văn khấn tết Nguyên Tiêu:*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn thần

Kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản xứ Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

Kính lạy Tổ Tiên, Hiền khảo, Hiền Tỷ, chư vị Hương linh (nếu bố mẹ còn sống thì thay bằng Tổ khảo, Tổ tỷ).

Hôm nay là ngày Rằm tháng Giêng năm... Gặp tiết Nguyên tiêu, tín chủ con cảm nghĩ thâm ân trời đất, chư vị Tôn thần, nhớ đức cù lao Tiên Tổ, mỗi niệm không quên. Do đó chúng con sắm sanh lễ vật, sửa sang hương đăng, trần thiết trà quả dâng lên trước án.

Chúng con kính mời:

Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương.

Ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa.

Ngài Bản gia Táo quân, Ngũ phương, Long mạch, Tài thần.

Cúi xin giáng lâm trước án chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ khảo, Tổ tỷ, chư vị hương linh gia tiên nội ngoại trong họ, cúi xin thương xót con cháu giáng về linh sàng chứng giám tâm thành thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ con lại kính mời các vị vong linh, tiền chủ hậu chủ ở trong nhà này, đất này đồng lâm án tiền, đồng lai hâm hưởng, độ cho chúng con thân cung khang thái, bản mệnh bình an. Bốn mùa không hạn ách nào xâm, tám tiết hưởng vinh quang thịnh vượng.

Dãi tẩm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

2. TẾT HÀN THỰC

** Ý nghĩa:*

Tết Hàn thực được làm vào ngày mồng 3 tháng Ba (âm lịch). Xưa kia, vào ngày này, mọi nhà kiêng nổi lửa mà ăn đồ ăn đã được chuẩn bị từ hôm trước nên gọi là Hàn thực (nghĩa là đồ ăn nguội). Ngày nay, vào ngày này, nhân dân ta không kiêng nổi lửa mà vẫn đun nấu bánh trôi bánh chay để cúng

lễ và ăn uống. Hai thứ bánh này là tượng trưng cho đồ ăn nguội (Hàn thực). Vì vậy người Việt còn gọi Tết Hàn thực là Tết bánh trôi – bánh chay.

** Lễ vật dâng cúng:*

Mâm lễ cúng ngày tết Hàn thực gồm: hương hoa, trầu cau và 5 (hoặc 3 đĩa) bánh trôi, 5 (3 bát) bánh chay.

** Văn khấn tết Hàn thực:*

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn thần

Kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản xứ Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

Kính lạy Tổ Tiên, Hiển khảo, Hiển Tỷ, chư vị Hương linh (nếu bố mẹ còn sống thì thay bằng Tổ khảo, Tổ tỷ).

Hôm nay là ngày.....

Gặp tiết Hàn thực, tín chủ con cảm nghĩ thâm ân trời đất, chư vị Tôn thần, nhớ đức cù lao Tiên Tổ, mỗi niệm không quên. Do đó chúng con sắm sanh lễ vật, sửa sang hương đăng, trần thiết trà quả dâng lên trước án.

Chúng con kính mời:

Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương.

Ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa.

Ngài Bản gia Táo quân, Ngũ phương, Long mạch, Tài thần.

Cúi xin giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ khảo, Tổ tỷ, chư vị Hương linh gia tiên nội ngoại trong họ, cúi xin thương xót con cháu giáng về linh sàng, chứng giám tâm thành thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ con lại kính mời các vị vong linh, tiền chủ hậu chủ ở trong nhà này, đất này đồng lâm án tiền, đồng lai hâm hưởng, độ cho chúng con thân cung khang thái, bản mệnh bình an. Bốn mùa không hạn ách nào xâm, tám tiết hưởng vinh quang thịnh vượng.

Dãi tẩm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Kính cáo!

3. TIẾT THANH MINH

** Ý nghĩa:*

Thanh minh là dịp tiết trời mát mẻ, trong sáng. Nhân dịp tiết Thanh minh, người ta tổ chức Tết Thanh minh vào khoảng ngày mồng 5, mồng 6 tháng Ba - Âm lịch.

Trong ngày tết Thanh minh, các gia đình

thường đi thăm viếng tất cả các mộ phần của người thân, ông bà, Tổ Tiên. Tục lệ này gọi là tảo mộ.

Vào dịp Tết Thanh minh, họ nào cũng làm lễ tế Tổ, mọi nhà làm lễ cúng Gia tiên. Ở nhiều nơi người ta còn tổ chức hội Đạp Thanh (dẫm lên bãi cỏ xanh) để thể hiện sự an vui, thanh thản trong ngày xuân.

** Lễ vật dâng cúng:*

Lễ vật trong tiết Thanh minh là một lễ mọn gồm: hương đèn, trầu cau, tiền vàng, rượu, thịt (chân giò, gà luộc hoặc một khoanh giò nạc độ vài lạng) và hoa quả.

Khi đến nghĩa trang hay khu vực có để mộ phần của gia đình mình thì gia chủ đặt lễ vào chỗ thờ chung. Sau đó thắp đèn nhang, khấn vái vị linh thần Thổ địa nơi chôn cất mộ phần người thân; rồi mới đến thắp hương, lễ vong linh trước mộ.

** Văn khấn:*

Văn khấn Thần linh Thổ phủ nơi chôn cất mộ:

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

- Kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn thần.

- Kính lạy các ngài Thần linh bản xứ cai quản ở trong khu vực này.

Hôm nay là ngày.....

Tín chủ chúng con là.....

Ngụ tại.....

Nhân tiết Thanh minh, thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng bày ra trước án, kính mời chư vị Tôn thần lai lâm chiếu giám.

Tình cờ chỉ kỳ vì: chúng con có ngôi mộ của.....

Táng tại xứ này, nay muốn tảo mộ, vì vậy chúng con xin kính cáo các đấng Thần minh, Thổ địa, Thổ phủ long mạch, Tiền Chu tước, Hậu Huyền vũ, Tả Thanh Long, Hữu Bạch hổ và Liệt vị Tôn thần cai quản ở trong khu vực này. Thiết nghĩ: Tôn thần thông minh chính trực, đức lớn công cao, nhân từ hiếu sinh, hộ nhân giúp vật, nay xin thương xót tín chủ chúng con, tới đây chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, độ cho vong linh được an nhàn yên ổn, siêu thoát. Lại phù trì cho tín chủ chúng con toàn gia mạnh khỏe an bình, tám tiết bốn mùa thịnh vượng, khiến cho tất cả đều được thắm nhuần, tắm gội ánh quang của chư vị phúc thần.

Dãi tẩm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

Văn khấn vong linh Gia tiên, người thân ngoài mộ:

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Kính lạy hương linh.....

(Hiển khảo, Hiển tử hoặc Tổ khảo, Tổ tử...)

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Nhân tiết.....

Tín chủ con là.....cùng toàn thể gia đình con cháu, nhờ công ơn vô lượng, nên đức cao dày, gây dựng cơ nghiệp của..... chạnh lòng nghĩ đến âm phần ở nơi hoang vắng, thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng, cáo yết Tôn thần, hiến cúng hương linh..... Lại xin sửa sang phần mộ, bồi xa, bồi thổ, cho được đầy đặn, tu sửa mình đường hậu quả cho thêm vững chắc. Nhờ ơn Phật Thánh phù trì, đôi đức trời che đất chở, cảm niệm thần linh phù hộ, khiến cho được chữ bình an, âm siêu dương thái.

Con cháu chúng con xin vì hương linh..... phát nguyện tích đức tu nhân, làm duyên làm phúc, cúng dâng Tam Bảo, giúp đỡ cô nhi quả phụ, tế bần cứu nạn, hiếu thuận tông nhân để lấy phúc này hướng về Tiên Tổ.

Cúi xin linh thiêng chứng giám, thụ hưởng lễ vật, phù hộ độ trì cho con cháu, qua lại soi xét cửa nhà. Che tai cứu nạn, ban tài tiếp lộc, điềm lành mang đến, điềm dữ xua đi. Độ cho gia đạo hưng

long, quế hoè tươi tốt, cháu con vui hưởng lộc trời, già trẻ nhuần ơn Phật Thánh.

Dãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

4. TẾT MƯA ĐÔNG (LỄ PHẬT ĐẢN)

Ngày Tết Mưa Đông hay còn gọi là lễ Phật Đản hàng năm là ngày mồng 8 tháng 4 - Âm lịch.

Vào ngày này, người ta mài trầm hương hoà với nước, đem tắm tượng Phật. Sau đó dùng bánh tròn tinh khiết dâng cúng.

Lễ Mưa Đông không chỉ tắm tượng Phật mà còn tắm cho cả các tượng khác và bài vị Thánh Thần. Tế lễ, ăn uống xong, người ta đem chậu nước trầm hương đã tắm tượng Phật lúc trước, theo thứ tự trên dưới, mỗi người nhúng tay vào chậu nước xoa lên mặt gọi là “quân chiêm thần huệ” đội ơn mưa móc. Còn cái khăn vải màu đỏ dùng để thấm nước tắm tượng thì được xé ra chia cho mỗi người một mảnh để lấy khước, cầu phúc. Người ta thường khâu mảnh vải này vào áo cho trẻ con để cầu mong chúng được Phật chở che luôn bình yên, khoẻ mạnh.

5. TẾT ĐOAN NGỌ

** Ý nghĩa:*

Tết Đoan Ngọ được tổ chức vào ngày mồng 5 tháng Năm (theo Âm lịch) hàng năm, còn gọi là tết “giết sâu bọ” hay Tết mồng 5 tháng Năm.

Theo quan niệm xưa, trong cơ thể con người, nhất là bộ phận tiêu hoá thường có sâu bọ, nếu không trừ khử thì chúng sẽ ngày càng sinh sôi nảy nở làm hại đến sức khoẻ và tính mạng của con người. Chúng chỉ lộ diện vào ngày mồng 5 tháng 5 nên phải làm lễ vào ngày này để diệt trừ.

Cách giết sâu bọ: Sáng mồng 5, khi vừa ngủ dậy phải súc miệng bằng nước thơm (thường là nước cây mùi già) để giết sâu trong miệng. Sau đó ăn thức ăn gồm hoa quả và rượu nếp để giết sâu bọ ở trong ruột.

Tết Đoan Ngọ là lễ tết lớn của người Việt Nam nên nhà nào cũng làm lễ cúng Gia tiên. Lễ cúng được tiến hành vào chính giờ Ngọ – giữa trưa ngày mồng 5 tháng năm Âm lịch hàng năm.

** Lễ vật dâng cúng:*

Lễ vật dâng cúng gồm: hương, hoa, các loại trái cây (dưa hấu, vải, mận, chôm chôm...) và một món không thể thiếu là rượu nếp.

** Văn khấn:*

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Kính lạy Hoàng thiên Hậu thổ chư vị Tôn thần

Kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài

Bản xứ Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

Kính lạy Tổ tiên, Hiển khảo, Hiển tỷ, chư vị hương linh (nếu bố mẹ còn sống thì thay bằng Tổ khảo, Tổ tỷ).

Hôm nay là ngày.....

Gặp tiết Đoan Ngọ, tín chủ con cảm nghĩ thâm ân trời đất, chư vị Tôn thần, nhớ đức cù lao Tiên Tổ, mỗi niệm không quên. Do đó chúng con sắm sanh lễ vật, sửa sang hương đăng, trần thiết trà quả dâng lên trước án.

Chúng con kính mời:

Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương.

Ngài Bản xứ thần linh Thổ địa.

Ngài Bản gia Táo quân, Ngũ phương, Long mạch, Tài thần.

Cúi xin giáng lâm trước án chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ khảo, Tổ tỷ, chư vị Hương linh gia tiên nội ngoại trong họ, cúi xin thương xót con cháu giáng về linh sàng, chứng giám tâm thành thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ con kính mời các vị vong linh, tiền chủ hậu chủ ở trong nhà này, đất này đồng lâm án tiền, đồng lai hâm hưởng, độ cho chúng con thân cung

khang thái, bản mệnh bình an. Bốn mùa không hạn ách nào xâm, tám tiết hưởng vinh quang thịnh vượng.

Dãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

6. TẾT TRUNG NGUYÊN

Ngày Rằm tháng Bảy (Âm lịch) hàng năm, nhân dân ta gọi là ngày Tết Trung Nguyên hay ngày lễ “Xá tội vong nhân”.

Theo tín ngưỡng truyền thống của người Việt Nam, tết Trung Nguyên là dịp “Xá tội vong nhân” nơi Âm Phủ. Vào ngày này, mọi tội nhân ở cõi Âm, trong đó có những vong linh của người thân, họ tộc mình đang bị giam cầm nơi địa Phủ được xá tội và ra khỏi Âm Phủ lên Dương Gian. Bởi vậy các gia đình đều làm cỗ bàn, đốt vàng mã cúng Gia tiên, cầu siêu để độ trì cho các vong hồn.

Ngoài cúng Gia tiên ngày “Xá tội vong nhân”, người ta còn bày lễ cúng chúng sinh ở ngoài sân, ở cầu, quán, đình chùa để cúng cô hồn, ma đói là những vong linh không có người thờ phụng.

* Lễ vật dâng cúng:

+ Lễ cúng Gia tiên: hương, hoa, vàng mã, quần áo, rượu, xôi và mâm cỗ mặn đầy đặn, thơm ngon.

+ Lễ cúng chúng sinh: Bánh đa, bỏng, ngô, khoai lang luộc, trứng luộc, kẹo bánh, xôi chè và

nồi cháo hoa. Ngoài ra còn có vàng mã, tiền Âm Phủ, quần áo...

** Văn khấn:*

Văn khấn Thần linh (tại nhà):

Nam mô A-Di-Đà Phật!

Nam mô A-Di-Đà Phật!

Nam mô A-Di-Đà Phật!

Kính lạy Đức Địa Tạng Vương Bồ Tát

Kính lạy Đức Mục Kiền Liên Tôn Giả

Hôm nay là ngày Rằm tháng Bảy năm.....

Tín chủ chúng con là.....

Ngụ tại.....

Thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng bày lên trước án.

Chúng con thành tâm kính mời:

Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát, Ngài Mục Kiền Liên Tôn Giả.

Chúng con thành tâm kính mời Ngài Kim Niên Đương cai Thái tuế chí đức tôn thần. Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư Vị Đại Vương. Ngài Bản xứ thần linh Thổ địa. Ngài Bản gia Táo quân và tất cả các vị Thần linh cai quản trong khu vực này.

Cúi xin các ngài giáng lâm án tọa, xét soi chứng

giám. Nay gặp tiết Vu Lan ngày vong nhân được xá tội. Chúng con đội ơn Tam bảo Phật trời phù hộ, thần linh các đấng chở che, công đức lớn lao nay không biết lấy gì đền báo. Do vậy kính dâng lễ bạc, dãi tỏ lòng thành nguyện mong nạp thụ. Phù hộ độ trì cho chúng con và cả gia đình người người mạnh khoẻ, già trẻ bình an hưởng về chính đạo. Lộc tài vượng tiến, gia đạo hưng long.

Dãi tám lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

Văn khấn lễ Tổ Tiên:

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Kính lạy Tổ Tiên nội ngoại và chư vị hương linh!

Hôm nay là ngày Rằm tháng Bảy năm.....

Gặp tiết Vu Lan vào dịp Trung Nguyên, nhớ đến Tổ Tiên ông bà cha mẹ đã sinh thành ra chúng con, gây dựng cơ nghiệp, xây đắp nền nhân, khiến nay chúng con được hưởng âm đức. Do vậy cho nên nghĩ đức cù lao khôn báo, cảm công trời biển khó đền. Chúng con sửa sang lễ vật, hương hoa kim ngân và các thứ lễ nghi bày trước linh toạ. Thành tâm kính mời:

Các cụ Cao Tăng Tổ Khảo, Cao Tăng Tổ Tỷ, Bá thúc huynh đệ, Cô di tỷ muội, và tất cả các hương hồn trong nội tộc, ngoại tộc của họ....

Cúi xin thương xót con cháu, linh thiêng giáng về linh sàng chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, phù hộ cho con cháu mạnh khoẻ bình an, lộc tài vượng tiến, gia đạo hưng long, hướng về chính giáo.

Tín chủ lại mời: các vị vong linh y thảo phụ mộc, phảng phất ở trong đất này. Nhân lễ Vu Lan giáng tới linh toạ, chiêm ngưỡng Tôn thân, hâm hưởng lễ vật, độ cho tín chủ muôn sự bình an, sở cầu xứng ý.

Dãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

Chú ý: Nếu văn khấn viết ra giấy để đọc thì ngay sau khi đọc xong phải hoá (đốt).

Cuối tuần hương, thắp thêm mấy nén nữa rồi đốt các đồ vàng mã dâng cúng. Các đồ này cần được chia ra làm nhiều lễ cho mỗi vong linh của gia đình. Hoặc nếu để chung thì phải ghi rõ họ tên của mỗi vong linh vào đồ lễ. Khi hoá phải hoá riêng các lễ và khấn mỗi lần hoá lễ.

Văn khấn chúng sinh:

Nam mô A-di-đà Phật

Nam mô A-di-đà Phật

Con kính lạy 9 phương trời, 10 phương Phật

Con lạy Chư Phật 10 phương!

Con lạy đức Phật Di-Đà,

Con lạy đức Phật Thích Ca giảng trần

Con lạy Bồ Tát Quan Âm,

Con lạy Táo Phủ Thần quân chính thần.

Tiết trời tháng 7 thu phân

Ngày rằm xá tội vong nhân hải hà

Âm cung mở cửa ngục ra

Vong linh không cửa không nhà bơ vơ

Đại Thánh Khảo giáo - A Nan Đà Tôn giả

Tiếp chúng sinh không mả không mồ

Gốc cây, xó chợ, đầu đường

Không nơi nương tựa đêm ngày lang thang

Quanh năm đói rét cơ hàn

Không manh áo mỏng che làn heo may

Cô hồn Nam, Bắc, Đông, Tây

Trẻ, già, trai, gái về đây hợp đoàn

Dù rằng chết uống, chết oan

Chết vì nghiện hút, chết ham làm giàu

Chết tai nạn, chết ốm đau

Chết đâm, chết chém, chết đánh nhau tiền tình
Chết bom đạn, chết đao binh
Chết vì hoả hoạn, chết vì sản sinh giống nòi
Chết vì sét đánh giữa trời
Chết vì chó dại, đâm dò chết trôi
Nay nghe tin chủ thỉnh mời
Lai lâm nhận hưởng mọi lời trước sau
Cơm, canh, cháo, nẻ, trầu cau
Tiền vàng, quần áo đủ màu đỏ xanh
Gạo, muối, quả, thực, hoa đăng
Mang theo một chút để dành nay mai
Phù hộ tin chủ lộc tài
An khang thịnh vượng hoà hài gia trung
Nhớ ngày xá tội vong nhân
Lại về tin chủ thành tâm thỉnh mời
Bây giờ nhận hưởng xong rồi
Dắt nhau già trẻ về nơi âm phần
Tin chủ tiêu hoá kim ngân
Cùng với áo quần đã được phân chia
Kính cáo Tôn Thần
Chứng minh công đức

Cho tín chủ con tên là.....

Cùng vợ là.....

Con trai là.....

Con gái là.....

*Ngụ tại số nhà..... đường phố.... Phường
(xã)..... quận (huyện)..... Thành phố (Tỉnh).....*

Nam mô A-di-đà Phật.

* Chú ý: Khi đốt tiền vàng, quần áo... thì đồng thời rắc vung gạo, muối rải ra khắp hướng.

7. TẾT TRUNG THU

** Ý nghĩa:*

Tết Trung thu là tết được tổ chức vào đêm Rằm (15) tháng Tám, nên còn gọi là tết Trông Trăng. Vì theo tục truyền, trăng đêm rằm tháng Tám là to nhất và trong sáng nhất so với rằm các tháng khác trong năm.

Theo phong tục dân gian, vào ngày Tết Trung Thu nhà nhà đều treo đèn kết hoa và dâng bánh dẻo, bánh nướng để cúng Tổ Tiên. Đây là dịp để các em thiếu niên, nhi đồng trên khắp các tỉnh thành trong cả nước vui chơi rước đèn, ngắm trăng và phá cỗ Trung thu.

** Lễ vật dâng cúng:*

Mâm lễ cúng Tổ Tiên vào ngày tết Trung thu

ngoài hương, hoa, đèn, nến và những món truyền thống thì bao giờ cũng phải có: bánh nướng, bánh dẻo, chuối, bưởi, na, hồng, cốm... Nhân dịp tết Trung thu, mọi người đều gửi biếu bánh Trung thu cho ông bà, cha mẹ, người thân, người mà mình mang ơn... để tỏ lòng biết ơn, quý trọng.

* Văn khấn:

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn thần.

Kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản xứ Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

Kính lạy Tổ tiên, Hiển khảo, Hiển tỷ, chư vị Hương linh (nếu bố mẹ còn sống thì thay bằng Tổ khảo, Tổ tỷ).

Hôm nay là ngày Rằm tháng Tám gặp tiết Trung thu, tín chủ con cảm nghĩ thâm ân trời đất, chư vị Tôn thần, nhớ đức cù lao Tiên Tổ, mỗi niệm không quên. Do đó chúng con sắm sanh lễ vật, sửa sang hương đăng, trần thiết trà quả dâng lên trước án.

Chúng con kính mời:

Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương.

Ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa.

Ngài Bản gia Táo quân, Ngũ phương, Long Mạch, Tài Thần.

Cúi xin giáng lâm trước án chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật.

Chúng con kính mời các cụ Tổ khảo, Tổ tỷ, chư vị Hương linh gia tiên nội ngoại trong họ, cúi xin thương xót con cháu giáng về linh sàng, chứng giám tâm thành, thụ hưởng lễ vật.

Tín chủ con lại kính mời các vị vong linh tiền chủ, hậu chủ ở trong nhà này, đất này đồng lâm án tiền, đồng lai hâm hưởng, độ cho chúng con thân cung khang thái, bản mệnh bình an. Bốn mùa không hạn ách nào xâm, tám tiết hưởng vinh quang thịnh vượng.

Dãi tẩm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo!

8. TẾT CƠM MỚI

** Ý nghĩa:*

Tết Cơm mới còn gọi là tết Hạ Nguyên hay tết Thường Tân. Theo quan niệm của ông bà ta xưa, vào ngày mồng Một hoặc mồng Mười hay ngày Rằm tháng 10 Âm lịch hàng năm thì Thiên đình cử ông thần Tam Thanh xuống trần gian xem xét tình hình dân chúng ăn ở tốt xấu thế nào để về tâu lại với Ngọc hoàng. Lúc này, nhân dân ta vừa thu hoạch xong vụ lúa mùa. Vì vậy các gia đình đều

làm lễ cơm mới dâng cúng các vị thần đó để cầu phúc, tránh họa; đồng thời đây cũng là dịp “tiếp tân” cơm gạo mới để cúng Tổ Tiên.

Nhân ngày tết Hạ Nguyên, con cháu đem gạo nếp mới cùng những đặc sản Thu Đông như chim cu, chim ngói... biếu lễ ông bà, cha mẹ và những bậc được tôn kính để tỏ lòng hiếu thuận, biết ơn.

** Lễ vật dâng cúng:*

Lễ vật dâng cúng thần Tam Thanh và Tổ Tiên nhân ngày tết Hạ Nguyên gồm: hương, hoa, đèn nến, mâm lễ mặn đầy đặn thơm ngon và một thứ không thể thiếu là đĩa xôi được đồ bằng gạo nếp mới...

** Văn khấn:*

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Kính lạy Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn thần.

Kính lạy ngài Bản cảnh Thành hoàng, ngài Bản xứ Thổ địa, ngài Bản gia Táo quân cùng chư vị Tôn thần.

Kính lạy Tổ Tiên, Hiển khảo, Hiển tỷ, chư vị hương linh (nếu bố mẹ còn sống thì thay bằng Tổ khảo, Tổ tỷ).

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....

Là ngày tết Cơm Mới, tín chủ con cảm nghĩ thâm ân trời đất, chư vị Tôn thân, nhớ đức cù lao Tiên Tổ, mỗi niệm không quên. Do đó chúng con sắm sanh lễ vật, nấu cơm gạo mới, sửa sang hương đăng, trần thiết trà quả dâng lên trước án.

Trộm nghĩ rằng:

Cây cao bóng mát

Quả tốt hương bay

Công tài bồi xưa những ai gây

Của quý hoá nay con cháu hưởng.

Trước nhờ ơn Trời Đất Phật Tiên, Chư vị Tôn thân.

Sau nhờ ơn Tổ Tiên gây dựng, kẻ công tân khổ biết là bao?

Đến nay con cháu dồi dào, hưởng miếng trầu cam còn nhớ mãi.

Nay nhân mùa gặt hái

Gánh nếp tẻ đầu mùa

Nghĩ đến ơn xưa

Cày bừa vun xới

Sửa nồi cơm mới

Khấn vái Gia tiên

Kính cẩn dâng lên

“Thường tiên”: nếm trước.

Mong nhờ Tổ phước

Hoà cốc phong đăng

Thóc lúa thêm tăng

Hoa màu tươi mới

Làm ăn tiến tới

Con cháu được nhờ

Lễ tuy đơn sơ

Tỏ lòng thành kính

Chúng con kính mời:

Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương

Ngài Bản xứ Thần linh Thổ địa

*Ngài Bản gia Táo quân, Ngũ phương, Long
mạch, Tài thần.*

*Cúi xin giáng lâm trước án, chứng giám lòng
thành, thụ hưởng lễ vật.*

*Chúng con kính mời các cụ Tổ khảo, Tổ tỷ, chư
vị Hương linh gia tiên nội ngoại trong họ, cúi xin
thương xót con cháu giáng về linh sàng, chứng
giám tâm thành, thụ hưởng lễ vật.*

*Tín chủ con lại kính mời các vị vong linh tiền
chủ, hậu chủ ở trong nhà này, đất này đồng lâm án*

*tiên, đồng lai hâm hưởng, độ cho chúng con thân
cung khang thái, bản mệnh bình an. Bốn mùa
không hạn ách nào xâm, tám tiết hưởng vinh quang
thịnh vượng.*

Dãi tấm lòng thành, cúi xin chứng giám

Cẩn cáo!

CHƯƠNG II

NGHI LỄ TRONG ĐỜI SỐNG THƯỜNG NHẬT

I. NGHI LỄ THEO VÒNG ĐỜI

1. ĐÓN TRẺ SƠ SINH

Ông bà ta xưa quan niệm rằng: đứa trẻ vừa sinh ra, muốn đón về nhà phải chọn người đón. Người này phải là người nhanh nhẹn, tháo vát, khéo léo, sống thoải mái, dễ dãi. Nếu chọn được người như vậy để đón trẻ về nhà thì sau này trẻ sẽ dễ nuôi, thông minh và nhanh nhẹn.

Tục xưa cũng quy định rằng khi đón trẻ sơ sinh về nhà, phải quệt nhọ nồi vào trán trẻ, cũng có thể mang theo dao hoặc một chiếc dũa. Làm như vậy để tỏ ý rằng trẻ đã được đánh dấu rõ ràng, ma quỷ không dễ gì bắt đi được.

Ngày nay, những phong tục cổ truyền này vẫn còn nguyên giá trị trong đời sống của người Việt

Nam. Khi một gia đình có trẻ sơ sinh chào đời, người ta cũng lựa chọn kỹ càng người đón trẻ từ bệnh viện hay trạm xá về nhà. Ở nông thôn, các gia đình thường quệt nhọ nôi vào trán trẻ, nhưng ở thành thị thay bằng dùng nhọ nôi, người ta quệt một vệt son môi lên trán trẻ.

2. ĐUỐI VÍA DỮ

Tục xưa tin rằng, trẻ sơ sinh gặp người vía dữ cũng như gặp vía ma quỷ sẽ bị ốm đau, quấy khóc. Để xua vía dữ đi, người ta phải đốt vía bằng cách lấy một chiếc tờ cũ (loại áo đan bằng lá cọ) đem đốt ở cửa phòng của trẻ, trẻ sẽ khỏi ốm và không quấy khóc nữa.

Ngày nay, nếu trẻ sơ sinh không đau ốm mà bỗng dưng quấy khóc sau khi có người tới thăm thì người ta cũng cho là gặp vía dữ của người đó. Vì vậy họ cũng làm phép đuổi vía dữ. Nhưng thay vì đốt tờ cũ, người ta sẽ cầm con dao vừa chém vào khoảng không quanh nhà, vừa đọc: “Ba hồn bảy vía, vía lành thì ở vía dữ thì đi” (nếu người đến thăm là đàn ông) hoặc “Ba hồn chín vía, vía lành thì ở vía dữ thì đi” (nếu người đến thăm là đàn bà).

3. GỌI TRẺ BẰNG TÊN TỤC

Thời xưa, ở một số địa phương người ta thường gọi những bé trai là là thằng cu hoặc cu tí; gọi bé gái là cái hĩm hay con cún. Ông bà ta quan niệm rằng: gọi trẻ bằng tên tục như vậy thì ma quỷ sẽ

không nhòm ngó, đứa trẻ sẽ dễ nuôi.

Theo phong tục này, ngày nay ở một số nơi khi đứa trẻ chào đời, người ta không gọi trẻ bằng cái tên đã được đặt trong giấy khai sinh mà đặt cho chúng một tên khác để gọi như: Cún, Bì, Chíp, Tít... Mục đích của việc đặt tên này không phải là để tránh ma quỷ mà nó mang ý nghĩa: đứa trẻ lúc nào cũng bé bỏng, đáng yêu như những cái tên này.

4. TỤC CHO LÀM CON NUÔI

Tục xưa quan niệm rằng: đứa trẻ sinh ra gặp tuổi xung khắc với bố mẹ thì sống với bố mẹ thường ốm đau quặt quẹo, vì vậy bố mẹ đứa trẻ này phải tìm kiếm một người hợp tuổi với con mình để cho làm con nuôi. Người được chọn làm bố mẹ nuôi phải có một gia đình hạnh phúc, con cái khỏe mạnh để đứa trẻ được nhờ phúc. Sau khi làm lễ nhận bố mẹ nuôi, đứa trẻ được bố mẹ nuôi đưa về nuôi dưỡng. Nhưng bố mẹ đẻ của đứa trẻ vẫn trả mọi chi phí nuôi con, có khi còn muốn riêng một vú nuôi cho đứa trẻ để mẹ nuôi đỡ vất vả.

Ngày nay, tục cho làm con nuôi vẫn còn nhưng nó chỉ mang ý nghĩa tượng trưng. Vì sau khi tiến hành lễ cho làm con nuôi, bố mẹ đẻ của đứa trẻ vẫn nuôi con bình thường, bố mẹ nuôi chỉ mang danh nghĩa và thỉnh thoảng mới tới thăm nom.

5. ĐẤY THÁNG

Ông bà ta xưa quan niệm rằng: Đứa trẻ được

sinh ra là do các vị Đại Tiên (Bà chúa Đầu thai), Tiên Mụ mà trực tiếp là 12 bộ Tiên Nương (12 bà Mụ) nặn ra ban cho. Vì vậy khi đứa trẻ *đầy tháng* (đứa trẻ chào đời được 1 tháng) bố mẹ đứa trẻ phải bày tiệc cúng Mụ để tạ ơn các bà Mụ, và cầu xin các Mụ ban cho đứa trẻ mọi điều may mắn, tốt lành.

Lễ cúng Mụ phải được làm cẩn thận, chu đáo, với các lễ vật bao gồm:

12 đôi hài xanh giống hệt nhau và một đôi hài cũng màu xanh nhưng to hơn.

12 nén vàng xanh giống nhau và một nén vàng xanh to hơn.

12 bộ áo váy đẹp màu xanh giống hệt nhau và một bộ váy áo xanh cắt giống 12 bộ kia nhưng to hơn.

12 miếng trầu cánh phượng giống hệt nhau và một miếng trầu cánh phượng to hơn.

12 bộ đồ chơi: bát, đĩa, đĩa, thìa, chén cốc, con giống, xe cộ, nón, mũ... giống hệt nhau và một bộ cũng như vậy nhưng to hơn (những đồ lễ này có thể bằng nhựa, bằng sành sứ).

12 con cua, 12 con ốc to bằng nhau để sống. Và mỗi loại một con to hoặc nhiều con cũng để sống (các con này để vào bát to bày cúng, sau khi cúng xong thì đem thả xuống ao, hồ).

Phẩm oản, bánh kẹo, hoa quả chia đều thành 12 phần giống nhau và một phần có đủ phẩm oản,

bánh kẹo, hoa quả nhưng lớn hơn (hoặc nhiều hơn).

Lễ mặn: xôi, gà, cơm canh, các món lễ mặn, rượu...

Bát hương, lọ hoa tươi nhiều màu, tiền vàng, cốc nước thanh tịnh (bày ở mâm trên cùng lễ mặn).

Lễ cúng Mụ được bày biện trang trọng, đẹp để thể hiện lòng thành kính đối với các bà Mụ. Thông thường, người ta bày lễ cúng Mụ như sau:

+ Tất cả lễ vật dâng cúng bà Mụ chúa để ở chính giữa phía trên của hương án.

+ Lễ vật dâng cúng 12 bà Mụ chia thành 12 phần giống nhau xếp thành hai hàng ở hai bên.

+ Mâm lễ mặn cùng hương, hoa, trầu, nước để trên cùng.

Sau khi bày lễ xong, bố hoặc mẹ cháu bé thắp 3 nén hương, rồi bế cháu bé ra trước án khấn:

* Văn khấn cúng Mụ:

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Con kính lạy 9 phương trời, 10 phương Phật

Con lạy Chư Phật 10 phương!

Kính lạy Đệ nhất Thiên tỷ đại tiên chúa

Kính lạy Đệ nhị Thiên đế đại tiên chúa

Kính lạy Đệ tam Tiên Mụ đại tiên chúa

Kính lạy Thập nhị bộ Tiên Nương

Kính lạy Tam thập lục cung chư vị Tiên Nương.

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

*Vợ chồng con là..... sinh được con trai (gái)
đặt tên là.....*

*Nay nhân ngày đầy tháng (đầy cữ, đầy năm)
chúng con thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật và
các thứ cúng dâng bày lên trước án, trước bàn toạ
chư vị Tôn thần kính cẩn tâu trình:*

*Nhờ ơn thập phương chư Phật, chư vị Thánh
hiền, chư Tiên Bà, các đấng thần linh, Thổ công
địa mạch, Thổ địa chính thần, Tiên Tổ nội ngoại,
cho con sinh ra cháu, tên..... sinh ngày..... được mẹ
tròn, con vuông.*

*Cúi xin chư vị Tiên Bà, chư vị Tôn thần giáng
lâm trước án, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ
vật, phù hộ độ trì, vuốt ve che chở cho cháu được ăn
ngoan, ngủ yên, hay ăn chóng lớn, vô bệnh vô tật,
vô tai vô ương, vô hạn vô ách; phù hộ cho cháu bé
được tươi đẹp, thông minh, sáng láng, thân mệnh
bình yên, cường tráng, kiếp kiếp được hưởng vinh
hoa phú quý. Gia đình con được phúc thọ an khang,
nhân lành nấy nở, nghiệp dữ tiêu tan, bốn mùa
không hạn ách nghĩ lo.*

Con xin thành tâm thỉnh lễ

Cẩn cáo

Khi đã khấn xong thì bố hoặc mẹ chấp tay bé lại vái trước án 3 vái, đợi cháy hết 3 tuần hương thì lễ. Sau đó gia đình mang vàng mã, váy áo đi hoá (khi đồ mã cháy gần hết thì vẩy lên trên một chén rượu); tôm, cua, ốc được đem đi phóng sinh tại các ao, hồ, sông để cầu phúc; còn các đồ chơi bằng nhựa, sành sứ thì giữ lại cho cháu bé để lấy khước. Cuối cùng, cả gia đình và bạn bè cùng thụ lộc chúc cho cháu bé mọi điều tốt lành.

Ngày nay, khi đứa trẻ đầy tháng thì ngoài việc cúng Mụ và cúng Gia tiên, các gia đình thường bày cỗ lớn mời bạn bè người thân đến dự để mừng cho gia đình và cầu phúc cho cháu bé. Khách được mời đến dự bao giờ cũng có quà mừng cháu bé như: đồ trang sức bằng vàng, bạc; quần áo...

6. BÁN KHOÁN

Người xưa cho rằng: Nếu đứa trẻ ra đời vào giờ xấu sẽ rất khó nuôi, vì vậy phải làm lễ cúng giải trừ. Một số nhà hiếm hoi, muộn mản về đường con cái, cũng sợ khó nuôi nên thường làm lễ bán con vào chùa làm con của Phật, của Thánh, dân gian gọi là bán khoán. Mục đích của việc bán khoán là để tà ma phải kiêng sợ không dám làm hại đứa trẻ.

Cách thức bán khoán như sau:

Sau khi đứa trẻ được 100 ngày tuổi (hết ô uế lúc

mới sinh), gia đình chọn ngày lành tháng tốt để nhờ vị sư chủ trì chùa làm lễ bán khoán. Sau khi dâng lễ, vị sư chủ trì viết tên đứa bé vào tờ khoán, làm lễ đóng ấn son của chùa. Nếu đứa trẻ được bán vào cửa chùa thì lấy họ Mẫu, còn được bán vào cửa Thánh (thờ Đức Thánh Trần Hưng Đạo) thì sẽ mang họ Trần, thay họ của bố đẻ. Tờ khoán làm thành hai bản: một bản để ở bàn thờ Phật, Thánh; một bản gia đình mang về nhà giữ.

Khi trẻ lên khoảng 10 tuổi gia đình phải làm lễ chuộc về. Không được để quá tuổi ở cửa Phật, cửa Thánh.

Văn khấn lễ bán khoán như sau:

Nam mô A-di- đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Phúc tinh vô lượng thiện tôn

*Kim cử: Việt Nam quốc!.... tỉnh,..... huyện,.....y
vu, tự cử.*

Phụng.

*Phật Thánh hiển cúng..... Thiên, tiến lễ khất
mọi đồng tử, lập khoán văn kỳ bình an diên thọ sự.
Kim thân mại Chủ.... thê.....đồng phu thê đẳng.
Hỷ kiến ư..... hiên..... nguyệt..... nhật..... thời,
sinh hoạch nam (nữ) tử niên phương tuế. Lự kỳ*

hình xung, tướng khắc, quý mị vi ương. Bất bằng.

*Thánh đức dĩ khuông phù. Hạt ký duyên sinh
vu tính mạng. Vị thử ý dục thọ tràng. Đầu vu;*

Phật Thánh toạ hạ mai quy. Cung duy.

*Nam mô thập phương vô lượng thường trụ tam
bảo Kim Liên toạ hạ.*

*Nam mô đại từ đại bi, linh cảm Quan Thế âm
Bồ Tát. Hồng liên toạ hạ.*

Bản tạ thập bát Long Thần già lam chúa tể vị tiên.

*Vọng vi Thánh tộc chi môn; nguyện vi Minh
linh chi tử. Kim khất cải cử tính danh vi..... Cấm
trừ chỉ Quan sát sự. Thần phục vọng:*

*Đức đại không phi - ân hoàng hảo hữu. Vãn
thần thông lực, tiểu trừ tà quỷ vu tha phương; khứ
chúng hung đồ tốc phó doanh châu vi ngoại cảnh.
Tự tư hưởng hậu, bất đắc vãng lai. Nhược ngoan tà
đảng chúng bất tuân pháp luật chiếu lý thi hành.
Tức mại chủ..... cử tấu:*

Thánh tiên y luật trị tội. Tu chí khoán già.....

Hữu khoán ngưỡng.

Tư thiên thiên lực sĩ

Hữu vạn vạn hùng binh

Trung sai ngũ hổ đại tướng quân

Đẳng quan, chuẩn thủ.

Lễ: nhất phó phụ mẫu sở dinh dưỡng dục chí..... tuế thực khoán, tái mại bách tuế như nghi vì chiếu dụng giả.

Nhị viên chứng kiến:

Tả đương niên (vu) vương Hành Khiển, chí đức Tôn Thân. Hữu thương cảnh Thành hoàng, Bản Thổ Đại vương từ hạ vị bằng.

Tuế thứ..... niên..... nguyệt..... nhật..... thời lập khoán. Thích Ca Như Lai chỉ giáo đệ tử thân phụng hành”.

Văn khấn của lễ bán khoán có vài bản khác nhau về cách hành văn, nhưng nội dung chỉ là một, và nhất thiết phải nói được những điều cơ bản sau:

Tên tuổi cha mẹ, địa chỉ, năm tháng ngày giờ sinh con trai hay gái.

Hôm nay làm lễ Phật xin bán trẻ nhỏ tên là... làm con Phật Thánh và xin đổi tên họ thành....

Nhờ ơn chư vị phù hộ độ trì cho trẻ mạnh khỏe, thông minh. Đến tuổi thì xin chuộc lại. Nếu các thần, quỷ nào xâm phạm đến mại tử (con bán) thì Phật Thánh chiếu theo pháp luật trị tội.

Chứng minh lễ khoán có:

Thần Thành hoàng, Thổ địa làm chứng.

Lễ bán khoán tổ chức vào giờ.....ngày..... tháng..... năm.....

Vì chữ lễ tên là..... thực hiện.

Số bán khoán được đốt ngay sau khi hành lễ. Mại chư (người bán con) giữ văn khoán. Nơi làm lễ được giữ văn tự (nếu có). Đến khi làm lễ chuộc lại, lễ sấm như lúc bán và đốt văn tự cùng tờ khoán.

Trường hợp bán trọn đời thì hàng tháng hoặc các ngày lễ lớn phải làm lễ dâng cúng ở nơi bán khoán và khấn văn.

7. ĐẦY NĂM

Khi đứa trẻ được tròn một tuổi, gia đình thường tổ chức lễ đầy năm. Lễ đầy năm còn gọi là lễ Thôi nôi.

Trong ngày lễ đầy năm, người ta làm cỗ cúng Mụ và cúng Gia tiên. Có nhà tổ chức lớn còn mời rất nhiều khách khứa.

* Văn khấn:

Văn khấn Mụ thì giống như ở phần cúng đầy tháng, chỉ thay ngày đầy tháng bằng đầy năm. Sau đây là bài văn khấn Gia tiên:

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Hôm nay, ngày.... tháng..... năm..... Nay con giữ việc thờ phụng tên là....., tuổi....., ngụ tại xã.... huyện..... tỉnh..... cùng toàn gia, trước bàn thờ gia tiên cúi đầu bái lễ.

Kính dâng lễ bạc: trầu rượu, trà nước, vàng hương, hoa quả cùng phẩm vật. Lòng thành nhân dịp sinh hạ cháu trai (gái) được đầy năm, kính mời hương hồn nội ngoại gia tiên, cụ, kỵ, ông, bà, cha mẹ, cô, dì, chú, bác, anh chị em chứng giám và hưởng lễ.

Con kính xin gia tiên phù hộ độ trì cho cháu..... hay ăn chóng lớn và toàn gia khang kiện.

Cẩn cáo

8. NHỮNG ĐIỀU KIỆN KỶ ĐỐI VỚI TRẺ SƠ SINH

- Khách đến thăm trẻ không được khen bé đẹp, mập hay bụ bẫm. Người ta kiêng điều này vì cho rằng khen như vậy là đã quả quang trẻ, làm cho trẻ suy sút, đau ốm.

- Không đưa trẻ qua cửa sổ cho người khác bông bế, vì làm như vậy sau này lớn lên trẻ sẽ làm nghề trộm cắp.

- Không đưa trẻ qua mâm cơm, vì làm như vậy trẻ sẽ hay đi ngoài trong bữa ăn.

- Mỗi khi đưa trẻ hát hơi thì chúc “sống lâu trăm tuổi” để cầu phúc cho con trẻ sống khỏe mạnh, chóng lớn.

9. ĐẶT TÊN CHO CON

Thời xưa, khi đặt tên cho con, ông bà ta thường dùng những tiếng có vần miệng, hoặc có gần nghĩa

với tên bố mẹ, tên anh chị em. Ví dụ: Tên cha là Cam thì tên con đặt là Quýt, tên chị là Buổi thì tên em đặt là Bông... những tên này là tên tục.

Cho đến khi con trai đến tuổi ghi tên vào sổ đình thì thường vứt bỏ tên tục xấu xí mà đặt tên có ý nghĩa. Còn con gái cứ giữ nguyên tên tục như vậy cho đến khi lấy chồng thì được gọi theo tên chồng.

Những nhà hiền quý, có học nhiều, thường không đặt tên con ngay từ lúc mới sinh, nhưng cũng không dùng những tên thô, mà gọi là cậu bé, cô bé cho đến khi con được ba – bốn tuổi mới đặt tên tục để tạm gọi, nhưng không theo lối thuận miệng theo vần mà có ý nghĩa hẳn hoi. Đến khi vào sổ bộ mới lựa chọn tên để đặt theo cách thức riêng từng nhà.

Thời xưa, khi đặt tên cho con có một điều phải hết sức chú trọng. Đó là không được đặt tên con trùng với tên các vị thần ở làng mình và làng bên cạnh. Ngoài ra còn phải tránh cả tên ông tổ họ nội, họ ngoại, những họ khác trong làng và tên ông bà cha mẹ của người thân, bạn bè.

Dưới các triều vua, khi một ông vua lên ngôi thì tất cả những người dân có tên trùng với tên vua hoặc trùng với tên những người thân thích của vua phải đổi ngay sang tên khác. Đó là một điều cấm kị, ai không thực hiện đúng theo liệt cấm này thì sẽ bị vạ.

Ngày nay, khi đặt tên cho con cái, người ta thường lựa chọn những cái tên hay, có ý nghĩa. Việc

kiêng tên trùng cũng không còn quá khắt khe như thời xưa nữa. Cụ thể là trong nhà chị tên là Hồng Anh thì em lại đặt là Ngọc Anh; dì tên là Thu Hiền thì cháu có thể đặt tên là Thục Hiền... Thậm chí người ta đặt tên con theo tên của Chủ tịch nước hay Thủ tướng chính phủ thì cũng không bị ai ngăn cấm.

Sau khi đặt tên chính thức, các gia đình thường gọi con theo tên này ngay từ lúc còn nhỏ, nhưng cũng có một số gia đình lại đặt cho con những cái tên biệt danh khác để gọi như: Tít, Chíp, Bì, Mít... Gọi tên con như vậy không phải để tránh tà ma mà nó mang ý nghĩa đùa trẻ luôn đáng yêu, bé bỏng như những cái tên này.

10. CON CẦU TỰ

Cầu tự có nghĩa là cầu con. Đây là một tập tục có từ lâu đời mang ý nghĩa tâm lý nhằm giữ ổn định gia đình và hy vọng con cái có một tương lai tốt đẹp. Ngày nay, tập tục này vẫn được duy trì.

Nghĩa chính của từ “cầu tự” là đi cầu Thần, Phật xin cho đẻ con trai để thừa tự, nối dõi tông đường. Vì trong xã hội phong kiến, con trai rất được đề cao. Những gia đình không có con trai bị coi là tuyệt tự. Nhưng trong dân gian có rất nhiều cặp vợ chồng lấy nhau nhiều năm mà không có con. Theo tín ngưỡng xưa, các cặp vợ chồng này cũng đi cầu cúng để xin con, nhưng không nhất thiết phải là con trai. Vì vậy những cô con gái được sinh ra trong những gia đình này cũng gọi là con cầu tự.

Vào dịp lễ hội, các cặp vợ chồng hiếm muộn và sinh con một bề thường đến dâng lễ cầu tự ở một số đền chùa như: chùa Hương, Yên Tử...

Những đứa trẻ cầu tự, dù nghịch ngợm, làm điều sai trái, cha mẹ cũng hiếm khi đánh mắng như những đứa trẻ bình thường khác, mà chỉ khuyên bảo nhẹ nhàng. Sở dĩ như vậy vì người ta cho rằng chúng là con Phật, con Thánh. Nếu đối xử không tốt thì chúng sẽ giận và không ở với mình nữa.

11. TỤC ĐẶT TÊN THEO HỌ MẸ

Ở Việt Nam ta chế độ mẫu hệ đã đi qua hàng ngàn năm nay. Vì thế hầu như toàn bộ dân tộc Việt Nam nhà nào sinh con cũng đặt tên theo họ cha.

Tuy vậy, từ xưa đến nay vẫn có trường hợp đứa trẻ sinh ra được đặt tên theo họ mẹ. Đó là trường hợp người phụ nữ sinh con ngoài giá thú, không muốn tiết lộ thân phận của cha đứa trẻ nên đã đặt tên con theo họ của mình.

12. GỌI LẠI TÊN

Thời xưa, ở một số địa phương người ta có tục gọi lại tên trong trường hợp sau:

- Sau ngày lấy chồng, người vợ được gọi theo tên chồng.

- Khi con trai cả lấy vợ thì bố mẹ đều được gọi bằng tên của con trai.

- Con gái cả lấy chồng thì bố mẹ cô được gọi theo tên chàng rể.

Ngày nay, tập tục này không còn phổ biến nữa nhưng cũng vẫn còn xuất hiện ở một số địa phương, đặc biệt là tục cha mẹ được gọi bằng tên của con trai cả.

13. VÀO HỌ

Khi đứa trẻ đã được đặt tên chính thức, bố mẹ chúng phải chọn ngày lành tháng tốt làm lễ cáo Gia tiên để ghi tên con vào gia phả. Sau đó mang đồ lễ về và dẫn đứa trẻ đến nhà trưởng tộc để ghi tên con vào tộc bạ.

Khi bố mẹ trẻ mang đồ lễ tới, tộc trưởng đặt đồ lễ lên bàn thờ họ làm lễ khấn tổ họ rồi mới ghi tên đứa trẻ vào sổ. Tục này gọi là vào họ.

Ngày nay tục vào họ vẫn còn nhưng không rườm rà như trước mà đơn giản hơn nhiều. Khi đứa trẻ lên 1-2 tuổi, cha mẹ chúng chọn dịp thuận tiện đưa con đến nhà trưởng họ khai báo tên tuổi để trưởng họ ghi vào tộc bạ.

14. VÀO NGÕ, VÀO XÓM, VÀO GIÁP, VÀO LÀNG

Theo phong tục thời xưa, một làng thường chia làm nhiều giáp. Có hai tiêu chí để chia: thứ nhất là chia theo họ, thứ hai là chia theo địa lý. Ở các làng xã Việt Nam, lối chia thứ hai là phổ biến hơn cả. Một giáp được chia làm nhiều xóm và mỗi xóm lại

được chia làm nhiều ngõ.

Một đứa trẻ sinh ra (chỉ riêng con trai), sau khi vào họ, bố mẹ phải có coi trâu tới trưởng ngõ, giáp, xóm để xin cho con được trở thành người của những tập thể này. Kể từ ngày đó, đứa trẻ có bốn phận đóng góp cũng như được hưởng mọi quyền lợi của một người trong ngõ, giáp, xóm.

Sau cùng là đến tục xin cho đứa trẻ vào làng. Trước tiên bố mẹ đứa trẻ phải sắm một lễ mọn đến cáo với đức Thành hoàng làng ở đình. Sau đó phải có trà thuốc riêng cho ông tiên chỉ hoặc lý trưởng để người này ghi tên con mình vào sổ làng.

Ngày nay, việc vào ngõ, vào xóm, vào giáp, vào làng không còn nữa mà thay vào đó là việc đăng ký hộ khẩu cho đứa trẻ. Dù là con trai hay con gái cũng đều được đăng ký hộ khẩu và có quyền lợi như nhau. Việc này có thể tiến hành ngay sau khi đứa trẻ chào đời, nhưng hầu hết các gia đình đều đợi đến khi trẻ lên 1-2 tuổi. Sau khi được ghi tên vào sổ hộ khẩu của gia đình, đứa trẻ sẽ có bốn phận đóng góp cũng như hưởng mọi quyền lợi của một công dân ở nơi mình cư trú.

15. GIÁO DỤC CON CÁI XƯA VÀ NAY

Người xưa cho rằng, nuôi con và dạy con là hai việc cần phải song hành và không được coi nhẹ việc nào. Vì vậy, mới có câu: *"Dạy con từ thuở còn thơ"*.

Việc dạy con không phải là đợi đến khi chúng

chào đời hay biết nhận thức mà phải bắt đầu ngay bằng sự thai giáo, nghĩa là dạy trẻ ngay từ lúc còn ở trong bụng mẹ. Quan niệm này đến ngày nay vẫn còn nguyên giá trị. Người mẹ ngay từ lúc mang thai đã tự tu dưỡng, rèn luyện đạo đức của chính mình, tức là phải sống đúng mực, lương thiện, giữ cho tâm hồn luôn thư thái để đứa trẻ trưởng thành trong bào thai được bình an, yên lành. Các chuyên gia tâm lý còn khuyên các bà mẹ tối tối thường xuyên xoa bụng và “trò chuyện” với đứa con yêu dấu của mình, có thể cho chúng nghe nhạc ngay từ khi còn nằm trong bào thai... Đây là một trong những yếu tố quan trọng để sau khi chào đời, đứa trẻ trở nên ngoan ngoãn, đáng yêu.

Sau khi con chào đời, cha mẹ đã phải săn sóc, quan tâm thường xuyên để dạy dỗ con những đức tính tốt, lương thiện.

Người xưa có câu: Khi đứa trẻ mới sinh ra, tâm hồn còn rất ngây thơ, trong trắng. Cha mẹ cần phải cho con tập những điều hay, làm những điều tốt. Có thể ví việc dạy trẻ như chăm sóc một cành cây non, phải uốn nắn từ lúc nhỏ, kéo khi lớn lên thì chúng đã trở thành một cành cây già, uốn nắn sẽ gãy.

Trong vấn đề giáo dục, người mẹ giữ một vị trí rất quan trọng. Từ lúc con chào đời, cho con bú mớm đến khi con chập chững biết đi, rồi biết nói... người mẹ phải để ý từng chút, hướng dẫn, chỉ bảo con một cách nhẹ nhàng. Tình yêu thương, sự dìu

dắt và công lao nuôi dưỡng của người mẹ không có gì có thể so sánh nổi. Tuy vậy, người xưa lại có câu: *Con hư tại mẹ*. Sở dĩ như vậy vì người mẹ bao giờ cũng rất thương con. Sự thương con quá mức của một số bà mẹ nhiều khi hoá nhu nhược đối với con và làm cho con trở nên hư hỏng, không nghe lời. Vì vậy, khi con đã lớn, sự dạy bảo kiên quyết, nghiêm khắc của người cha lại vô cùng quan trọng. Nó át đi tính nhu nhược, chiều con không phải lỗi của các bà mẹ. Vì vậy dân ta thường gọi người cha là nghiêm phụ hoặc nghiêm đường.

Khi con cái không vâng lời, nếu như người mẹ thường dùng lời lẽ tế nhị, nhẹ nhàng khuyên bảo con, thì người cha lại dùng mệnh lệnh, thậm chí là roi vọt. Sự nghiêm khắc và uy tín của người cha khiến đứa con hư phải vào khuôn phép. Kỷ luật trong gia đình nhờ có người cha mà nghiêm minh. Tuy nhiên cũng có nhiều trường hợp sự nghiêm khắc thái quá của cha khiến đứa trẻ trở nên nhút nhát. Vì vậy, mỗi người cha, người mẹ đều phải học cách dạy dỗ con cái sao cho phù hợp để những đứa trẻ này trở thành con ngoan, thành người có ích cho xã hội.

Mọi việc ở đời đều biến đổi theo thời gian và hoàn cảnh sống, việc giáo dục con cái ngày nay tuy vẫn giữ theo nếp xưa nhưng cũng có sự thay đổi để phù hợp với thực tế.

Khi đứa trẻ còn quá nhỏ, lẽ tất nhiên sự săn sóc

chủ yếu thuộc về trách nhiệm của người mẹ. Đến khi đứa trẻ bắt đầu biết nhận thức, việc giáo dục con cái phải có được sự kết hợp hài hoà giữa cha và mẹ. Ngày nay, ở một số gia đình, vì bận nhiều công việc bên ngoài nên người cha chỉ trông nom đến con trong trường hợp con không vâng lời mẹ.

Vì điều kiện cuộc sống, nhiều khi cả bố lẫn mẹ đều bận công việc nên đứa trẻ khi thì bị phó mặc cho anh chị, ông bà, khi thì giao phó cho người giúp việc. Thời gian mà đứa trẻ được gần gũi bố mẹ chỉ là buổi tối ngắn ngủi sau khi cha mẹ chúng trải qua một ngày làm việc mệt mỏi.

Khi trẻ lên 2-3 tuổi, hầu hết các gia đình đều gửi con đến trường mẫu giáo để trẻ bắt đầu được tiếp xúc với môi trường tập thể ngoài gia đình. Tại đây, trẻ bắt đầu được nhà trường chăm sóc, dạy dỗ cả về đạo đức, nề nếp sinh hoạt và một số kiến thức cơ bản đầu tiên.

16. VIỆC HỌC HÀNH

Ngày xưa, đứa trẻ được dạy bảo bởi cha mẹ ở nhà cho đến một thời kỳ nào đó. Trong thời kỳ này, có nhiều gia đình còn dạy cho trẻ biết chữ. Nhưng việc học hành của đứa nhỏ thường được cha mẹ giao phó cho các ông thầy.

Đứa trẻ lên sáu, bảy tuổi thì được cha mẹ cho đi học thầy, nhưng chỉ con trai mới được đi học chữ. Kể từ đây chúng được coi là đã đến tuổi lớn. Việc đi

học bắt đầu một quãng đời mới của đứa trẻ, và buổi học đầu tiên được gọi là buổi học khai tâm. Ngày xưa, ở làng xã nào cũng có một vài ông đồ dạy trẻ, không lấy tiền. Hàng năm bố mẹ đứa trẻ chỉ cần mang biếu thầy đồ vào các dịp lễ tết, khi thì thúng gạo, khi thì hoa quả vườn nhà, bánh trái...

Những gia đình khá giả, giàu có thường đón hẳn thầy đồ về nhà để dạy học cho con.

Về con gái thì được bố mẹ (chủ yếu là người mẹ) dạy cách khâu vá, thêu thùa, nấu ăn, chăm lo cho gia đình và khi hơi lớn một chút đã phải giúp đỡ cha mẹ trong các công việc nhỏ.

Ngày nay, việc cho trẻ đi học văn hoá là một quyền lợi tối thiểu mà các bậc cha mẹ có thể dành cho con cái. Bất kể là con trai hay con gái cũng đều được đến trường. Tuỳ theo hoàn cảnh của từng gia đình mà người ta cho con đi học đến cấp bậc nào. Các gia đình có điều kiện thì cho con học hết lớp 12, sau đó học tiếp lên đại học hoặc học nghề để tìm việc làm. Những gia đình khó khăn hơn thì cũng cho con học hết cấp I hoặc cấp II, sau đó đứa trẻ có thể về làm ruộng hoặc làm nghề do cha mẹ truyền lại.

Nói chung, dù xưa hay nay, trong thời kỳ còn nhỏ sự săn sóc tới trẻ bao giờ cũng rất quan trọng. Con người ta hay dễ phụ thuộc rất nhiều vào sự giáo dục ngay từ lúc còn nhỏ. Bởi vậy vấn đề giáo dục hay việc học từ xưa tới nay không bao giờ bị xem thường.

17. CHỌN BẠN CHO CON

Thời xưa, cha mẹ thường có quyền định đoạt hầu hết các mối quan hệ của con cái từ quan hệ tình cảm, hàng xóm đến bạn bè. Khi đứa trẻ còn nhỏ thì cha mẹ đặc biệt xem trọng việc giao du kết bạn của chúng.

Cha mẹ thường chọn bạn cho con, ngăn cản con không được giao du chơi bời với những đứa trẻ thiếu giáo dục, và khuyên con nên gần những bạn hữu có lễ phép, chịu khó học hành.

Tục ngữ có câu *“Gần mực thì đen, gần đèn thì rạng”*. Người ta quan niệm đứa trẻ chơi với bạn tốt sẽ trở nên tốt, chơi với bạn xấu sẽ trở thành xấu.

Ngoài việc kén bạn cho con, các cụ còn kén cả láng giềng. Có những gia đình cẩn thận phải chuyển nhà đến vài lần để tìm láng giềng tốt, tránh cho con mọi ảnh hưởng xấu. Đứa trẻ được lớn lên trong vòng lễ độ, mọi việc đều tuân theo cha mẹ là điều mà mọi gia đình đều mong muốn. Đi đâu đứa trẻ cũng phải xin phép cha mẹ, lúc trở về phải trình diện. Bố mẹ gọi con, con phải dạ; bảo con, con phải vâng.

Ca dao có câu:

Bảo vâng gọi dạ con ơi

Vâng lời sau trước con thời chớ quên

Công cha nghĩa mẹ khôn đền

Vào thưa ra gửi mới nên con người

Đứa trẻ không vâng lời mẹ cha là đứa trẻ hư.
Cũng vì thế mà dân ta có câu:

Cá không ăn muối cá ươn

Con cãi cha mẹ trăm đường con hư.

Ngày nay cha mẹ không còn thay con quyết định mọi mối giao lưu như trước mà chỉ định hướng, khuyên bảo và cho con cái được tự do quyết định. Việc chọn bạn cho con cũng không còn khắt khe như trước, nhưng các bậc cha mẹ vẫn rất mực xem trọng. Bất kỳ bậc cha mẹ nào cũng muốn con cái mình chơi với bạn tốt. Vì vậy họ thường quan tâm đến việc kết bạn của con để có những định hướng kịp thời.

18. HỌC NGHỀ

Làm cha mẹ ai cũng muốn gây dựng cho con một sự nghiệp vững vàng, tùy theo hoàn cảnh cụ thể của gia đình mà người xưa cho con đi học văn hay học võ hoặc học nghề.

Từ thời xưa, dân ta đã quan niệm có nghề trong tay là quan trọng và con người dù sang hay hèn đều cần phải có một nghề. Vì vậy mới có câu: “*Ruộng be bờ không bằng nghề trong tay*” hoặc: “*Vạn khoảnh lương điền, bất như bạc nghề*”. Nghĩa là: Một vạn mảnh ruộng tốt không bằng một nghề bạc.

Ngay trong sách giáo khoa dạy trẻ cũng có những bài khuyên con người phải quý trọng nghề

ng nghiệp của mình:

Nhất nghệ tinh, nhất thân vinh.

Ai ơi phải quý nghề mình mới nên.

Hoặc buôn bán, hoặc thợ thuyền,

Nghề gì cũng sẽ làm nên sang giàu!

Ngày nay, những gia đình có điều kiện nếu con cái không theo học hết đại học thì họ cũng khuyến khích con cái học nghề. Tùy theo nghề nghiệp mà việc học nghề kéo dài một vài tháng hay một vài năm. Cũng có nghề không cần phải học nghề. Nếu muốn làm nghề này, chỉ cần theo những người đã lành nghề học hỏi kinh nghiệm một vài lần là thành nghề, hoặc có những nghề con cứ sống với cha mẹ, đến khi lớn lên, cha mẹ làm con cũng làm rồi thành nghề. Ví dụ như nghề thuyền chài, nghề làm ruộng...

Tuy nhiên cũng có những nghề, các ông thầy chỉ truyền cho một hai người học trò như nghề địa lý. Học nghề này không phải ai cũng đạt được, phải có con mắt đặc biệt để hiểu trên mặt đất, chỗ nào dưới có nước, chỗ nào có thung lũng, chỗ nào là tay hổ, chỗ nào có huyết tốt... lại biết sử dụng địa bàn để tìm đất tốt...

Tóm lại, muốn làm nghề nào thì phải có thời gian học nghề đó. Thành một người thợ giỏi hay không chính là do quá trình học nghề có chuyên tâm, chú ý hay không.

19. NGHỀ NGHIỆP Ở NƯỚC TA

Nghề nghiệp ở nước ta trước đây được xếp theo bốn thành phần dân chúng là: Sĩ, Nông, Công, Thương. Nhưng trong mỗi thành phần này, nghề nghiệp lại có nhiều ngành khác nhau.

- Trong hợp Sĩ có Nho, Y, Lý, Số. Nho là những người theo nghiệp văn chương. Y là những người theo nghề làm thuốc, thầy thuốc. Lý là những người làm nghề địa lý xem mạch đất đặt mồ mả hoặc hướng nhà. Số gồm các nghề các bói toán đoán số mệnh của con người.

Sĩ với bốn ngành Nho, Y, Lý, Số đứng đầu tứ dân.

- Nông là hạng thứ hai trong tứ dân. Dân ta quý Sĩ thì cũng quý Nông. Hiểu một cách đơn giản nhất Nông là làm ruộng, nhưng thực ra nó bao gồm nhiều nghề có liên quan đến ruộng đất. Đó là Ngư, Tiều, Canh, Mục.

Ngư là nghề đánh cá, và tất cả những nghề liên quan tới cá như muối cá, làm mắm... Tiều là nghề đốn củi đốt than. Canh là tất cả những nghề liên quan đến trồng trọt và chế biến nông sản như: trồng lúa, trồng rau, nuôi tằm dệt vải, hàng sáo, chế hoá trà, ủ nấm... Mục là nghề chăn nuôi súc vật để phục vụ cho việc canh nông cùng các súc vật khác.

- Sau Nông là đến Công bao gồm tất cả các thợ thuyền như: thợ kim hoàn, thợ rèn, thợ đúc đồ đồng, thợ mộc, thợ tiện, thợ chạm, thợ đan rối rã

nong nia, thợ nặn, thợ dấu, thợ nung vôi, thợ làm gạch, thợ hồ...

- Cuối cùng trong tứ dân là Thương, chỉ tất cả những người làm nghề buôn bán dù lớn hay nhỏ.

Trong việc cha mẹ gây dựng nghề nghiệp cho con cái, thì ai cũng mong mỗi cho con cái sẽ hơn người, đỡ vất vả. Nhưng sự mong mỏi của cha mẹ cũng còn tùy hoàn cảnh, tùy địa vị xã hội của mỗi người và nhất là tùy ở sự thông minh, ở khả năng của người đó. Bởi vậy, sự lựa chọn cho con cái một nghề cũng phụ thuộc vào nhiều yếu tố và chính cha mẹ không thể có đủ hết mọi điều kiện.

Tuy nhiên tất cả các bậc làm cha làm mẹ, dù chọn nghề nào cho con theo học cũng nhằm vào một mục đích duy nhất, đó là lương thiện, không hại tới phúc đức. Vì như vậy, trong khi hành nghề sẽ không hại tới người khác.

Thời xưa, ba nghề: trộm cắp, làm mō và đi đòi nợ thuê bị nhân dân ta rất coi thường. Vì vậy cha mẹ không bao giờ muốn con cái theo những nghề này.

Ngoài ba nghề bị xã hội khinh rẻ nói trên, ở nước ta thời xưa còn có một nghề đặc biệt bị xã hội khinh ghét, nhục mạ. Kẻ hành nghề không chỉ mang tiếng tăm ô uế cho đời mình mà còn làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời con cháu. Đó là nghề hát xướng, đàn tỉnh. Các cụ ta thường nói: “Xướng ca vô loài”.

Ông bà ta khinh rẻ nghề này như vậy là do đạo

đức Không – Mạnh đã ăn sâu trong xã hội qua nhiều thế kỷ. Theo đạo này thì luân thường đứng đầu. Giữ vững luân thường thì vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bạn bè phải có thứ vị. Không thể có sự đảo lộn. Nhưng trong các ban hát thì luân thường không còn vì: con đóng vai vua, cha đóng vai bầy tôi quỳ lạy, anh em ruột đóng vai đôi vợ chồng, vợ chồng lại đóng vai mẹ con hoặc cha con. Do đó họ bị coi là vô loài và bị xã hội tước đoạt rất nhiều quyền lợi của bản thân và cả con cháu: Ba đời con cháu họ không được đi thi và ở chốn hương thôn cũng không được cất cứ vào bất kể một chức dịch nào của làng, xã.

Ngày nay, xã hội ta đã phát triển văn minh hơn nhiều. Những thành kiến khắc nghiệt đối với nghề ca hát không còn nữa. Ngược lại, những người hoạt động nghệ thuật, trong đó có các nghệ sĩ, ca sĩ được mọi người quý trọng, mến mộ.

Việc gây dựng nghề nghiệp cho con cái thời nay cũng vẫn được xem trọng. Tuy nhiên quan niệm sắp đặt nghề sang hèn theo Sĩ, Nông, Công, Thương không còn nữa. Thay vào đó, bậc cha mẹ nào cũng muốn cho con cái học hành đến nơi đến chốn, có công ăn việc làm ổn định. Nghề nghiệp ở nước ta ngày nay cũng rất đa dạng và được phân chia theo lĩnh vực hoạt động như: cán bộ công nhân viên Nhà nước hay nghề nghiệp tự do.

Tuỳ theo năng lực của bản thân, mỗi người có

thể lựa chọn nghề nghiệp phù hợp với mình. Tuy sự phân chia nghề nghiệp thời xưa và nay có khác nhau, nhưng mục đích của việc lựa chọn nghề nghiệp thì thời nào cũng thế. Đó là có thu nhập giúp ổn định cuộc sống và lương thiện.

Tóm lại, gây dựng cho con cái là bốn phận của cha mẹ. Chính vì bốn phận này mà cha mẹ bao giờ cũng thận trọng trong việc định hướng nghề nghiệp cho con.

20. LÊN LÃO

Người Việt Nam ta có tục lệ, khi cha mẹ đến tuổi lên lão thì con cháu trong gia đình tổ chức lễ mừng thọ. Đây là một hình thức báo hiếu và là dịp vui mừng cho cả gia đình.

Trong ngày làm lễ, cha mẹ mặc quần điều áo tía ngồi trên, con cháu vào tể ba tuần rượu, có văn chúc thọ với nhạc bát âm trang trọng. Khách đến đem đồ mừng là: trà, cau, rượu và những bức thư bằng vải đại hồng chữ kim tuyến có nội dung ca ngợi tuổi thọ... Những gia đình có điều kiện thì làm tiệc thết đãi khách rất linh đình.

Khi đến tuổi lên lão, các cụ không còn phải đóng góp các khoản công ích của làng xã và các khoản sưu thuế nữa.

21. YẾN LÃO

Vì kính trọng các bậc cao niên nên vào dịp đầu

năm, tại nhiều làng quê Việt Nam người ta tổ chức một bữa tiệc để mời các cụ ông và cụ bà tuổi từ lục tuần trở lên tới dự. Bữa tiệc này gọi là Yến lão. Yến là tiệc rượu, Yến lão là thiết tiệc mừng thọ các cụ già. Đây là một lễ tục đẹp, ngày nay nhiều nơi vẫn còn giữ gìn.

Ngày yến lão được ấn định trước. Tối ngày đó, các lão ông và lão bà tụ họp tại đình để dân làng mang cờ quạt, trống kèn tới rước đi một vòng quanh xã rồi lại trở về đình. Đám rước này gọi là rước lão. Các cụ đều ăn mặc quần áo màu đỏ rực tượng trưng cho sự vui mừng và ngồi trên cang hoặc trên vồng có dân đình khiêng và có con cháu đi theo. Trong lúc rước, các cụ đi theo thứ tự tuổi tác, cụ nhiều tuổi đi lên trên.

Theo sự lần lượt hàng năm, vào ngày tổ chức Yến lão cho các cụ, các dân đình trong làng mang bánh trái đồ lễ tới đình, trước là để cúng đức Thành hoàng, sau là để thết đãi các cụ. Trong bữa yến tiệc có ca nhạc và ca nhi ngâm lên nhiều bài thơ hoặc ca trù chúc mừng các cụ.

Theo tục lệ thì cỗ yến lão thường làm rất hậu, các cụ chỉ ăn một phần, phần còn lại thì mang về chia cho con cháu cùng hưởng lộc làng.

22. THƯỢNG THỌ

Khi cha mẹ đến tuổi 70, 80 các gia đình khá giả, đông con thường làm lễ mừng thọ cha mẹ, gọi là lễ

thượng thọ.

Vào ngày làm lễ, con cháu bày cỗ rất long trọng mang đến đình lễ Thần để tạ ơn Thần hưu đã phù hộ cho cha mẹ được sống lâu. Lúc làm lễ cha mẹ ăn mặc đẹp, ngồi ghế đặt chính gian giữa, con cái lần lượt lễ bái, dâng rượu mừng thọ.

Trong ngày làm lễ thượng thọ cho cha mẹ, gia đình mời rất nhiều khách khứa, họ hàng, bạn bè đến dự. Khách đến thường đem theo lễ vật để chúc mừng và chia sẻ niềm hạnh phúc của các cụ, sự hiếu thảo của con cháu.

II. NGHI LỄ TRONG HÔN NHÂN

1. HÔN LỄ THỜI XƯA

Thời xưa, hôn lễ của người Việt Nam thường được tiến hành theo sáu lễ cổ rất rườm rà, phức tạp. Cụ thể như sau:

1. Nạp thái (kén chọn):

Nhà trai đưa lễ đến nhà gái để tỏ ý đã kén chọn cô gái này, tục gọi là chạm mặt hay giam vợ.

2. Vấn danh (hỏi vợ):

Nhà trai hỏi tên tuổi, ngày sinh tháng đẻ của người con gái định cưới làm vợ.

3. Nạp cát (bói được tốt):

Lễ này có nghĩa là nhà trai đã coi bói được một

quê tốt về hôn nhân của đôi trai gái, rồi làm lễ cáo trước bàn thờ Tổ Tiên rằng hai tuổi của đôi trẻ đã hợp, có thể thành hôn được. Sau đó nhà trai đưa lễ vật tượng trưng và thông báo cho nhà gái biết.

4. Thỉnh kỳ (định ngày):

Nhà trai hứa cưới và xin nhà gái định ngày làm lễ cưới lựa theo ngày tháng tốt xấu.

5. Nạp tỳ (đưa lễ cưới):

Nhà trai đưa sính lễ đến nhà gái.

6. Thân nghinh:

Lễ rước dâu về nhà trai.

Ngoài sáu lễ bắt buộc nói trên, cô dâu chú rể còn phải làm lễ hợp cẩn và lễ lại mặt. Lễ hợp cẩn là cô dâu chú rể cùng uống với nhau một chén rượu và ăn với nhau bữa cơm chung đầu tiên. Lễ lại mặt là nhà trai đem xôi, lợn sang lễ từ đường nhà gái sau khi hôn lễ cử hành được một ngày hoặc ba ngày.

2. HÔN LỄ NGÀY NAY

Hôn lễ của người Việt Nam tuy ban đầu chịu ảnh hưởng nặng nề theo sáu lễ cổ nhưng dần dần đã cải thiện theo phong tục tập quán và văn hoá riêng của dân tộc. Ngày nay, hôn lễ của người Việt Nam thiên về xã hội tính, dành nhiều tự do cho trai gái hơn và các nghi lễ cũng được giản lược đi nhiều. Tuy nhiên nó vẫn giữ được những nét độc đáo và ý

nghĩa riêng. Sau đây là các nghi lễ trong hôn nhân của người Việt Nam ngày nay:

a. Lễ chạm ngõ:

Sau khi hai nhà đã thoả thuận việc cưới gả, nhà trai sẽ hẹn ngày để đưa lễ vật sang nhà gái xin làm lễ ăn hỏi. Lễ này gọi là lễ chạm ngõ.

Vào ngày làm lễ chạm ngõ, nhà trai sắm một lễ mọn cúng Tổ Tiên để báo về công việc hệ trọng này. Sau đó nhà trai sửa lễ mang sang nhà gái gồm: một cơi trầu cánh phượng, cau bồ tư bẻ cánh tiên, mứt sen, trà lạng đựng trong quả sơn son thiếp vàng.

Đám người đi chạm ngõ gồm chú rể và những người trong gia đình như: bà mẹ, bà dì, bà cô... Sang đến nhà gái, lễ được chia làm hai phần, phần nhiều được đặt lên bàn thờ và cha của cô dâu sẽ khấn vái Tổ Tiên về việc con cháu họ sắp lập gia đình. Phần còn lại sẽ đưa về nhà ông cậu hoặc bác của cô gái để lễ Gia tiên bên ngoại. Trước khi nhà trai về, nhà gái thường lấy một phần lễ để biếu lại nhà trai gọi là lại quả.

Lễ chạm ngõ có ý nghĩa đánh tiếng về việc nhà trai đã chọn người con gái của một gia đình nào đó.

b. Lễ ăn hỏi:

Đây là lễ trọng thể mang tính chất chính thức trước khi cưới và cũng được chọn ngày một cách chu đáo. Nhà trai phải chu biện lễ vật trong lễ ăn

hỏi theo đòi hỏi của nhà gái, quan trọng nhất là phải có đủ cau trầu biếu khắp nội ngoại, bạn bè. Ở quê, những nhà nghèo, lễ ăn hỏi ngoài cau trầu chỉ cần một hai chai rượu.

Với những nhà giàu ở thành thị, lễ gồm có một quả phù trang để trà, chœ rượu, bánh chưng, bánh dày, lợn quay, xôi gấc với sáu đến tám mâm đựng cau trầu, bánh trái trên phủ vải đỏ. Những người đi đưa lễ đều ăn mặc đẹp đẽ, các cô gái trong họ thường mặc áo dài truyền thống màu đỏ để bưng mâm lễ. Lễ vật do nhà trai mang sang được đặt lên bàn thờ để lễ gia tiên nhà gái. Sau lễ ăn hỏi là việc bái hỷ và chia trầu. Nghĩa là nhà gái đem lễ vật nhà trai mang sang chia làm nhiều phần để biếu nội ngoại, bạn bè nhân đó mời luôn ngày tổ chức hôn lễ cho con.

Trong lễ ăn hỏi, hai họ cũng xem ngày và định ngày cưới cho đôi trẻ. Đây là một ngày rất hệ trọng của đời người nên các cụ xem rất kỹ cả ngày cưới, giờ đón dâu. Trong ngày lễ ăn hỏi, nhà trai sẽ biết nhà gái thách cưới những gì. Việc thách cưới này nhiều hay ít tùy thuộc vào từng gia đình. Sau khi hai nhà bàn bạc thêm bớt và thoả thuận xong, nhà trai sẽ định ngày dẫn lễ (tức là đưa lễ vật thách cưới sang nhà gái).

c. Lễ rước dâu:

Trong ngày làm lễ rước dâu, gia đình nhà trai và gia đình nhà gái đều làm cỗ bàn cúng Tổ tiên và

mời khách khứa, bạn bè, họ hàng... đến dự rất linh đình, vui vẻ.

Trước giờ đón dâu, nhà trai cử mấy người mang một cối trầu, một be rượu đến nhà gái để xin dâu. Mục đích là báo trước giờ mà đoàn đón dâu sẽ đến để nhà gái chuẩn bị sẵn sàng đón tiếp.

Khi đoàn đón dâu đến ngõ nhà gái, cụ già cầm hương cùng với một người đội lễ cau, trầu và rượu vào trước. Mâm lễ ấy được đặt lên bàn thờ, cụ già thắp hương vái, nhà gái vái trả lễ, rồi một vị đứng đầu họ nhà gái cùng ra đón đoàn xin dâu vào. Sau đó cô dâu cùng chú rể đến lạy trước bàn thờ Gia tiên, xin Tổ Tiên chấp nhận cho cô dâu chú rể từ nay thành vợ thành chồng.

Sau đó, cô dâu chú rể mang hộp trầu đi mời khắp mọi người trong họ, người bē trên và cao tuổi mời trước. Khi mời, cô dâu phải chủ động mời trước để chú rể biết cách xưng hô. Trước khi bước ra cửa về nhà chồng, cô gái đến lạy tạ ông bà, cha mẹ mình. Những người thân này của cô dâu thường ngồi sẵn ngay ở phía cửa chính. Khi ấy, cha mẹ cô gái tặng cho con một vật gì đó để làm kỷ niệm. Ông bà, cha mẹ cũng có vài lời dặn dò, bảo ban đôi vợ chồng trẻ. Sau đó chủ hôn nhà trai sẽ nói với chủ hôn nhà gái là đã đến giờ tốt, xin phép được rước dâu. Lúc này đoàn đón dâu mới lên đường về nhà trai.

Khi về đến nhà trai, ở ngoài cửa đã có người cầm cối trầu chực sẵn để đón mời quan khách nhà

gái. Sau đó mẹ chồng dắt cô dâu chú rể đến bên bàn thờ làm lễ Gia tiên, ý nghĩa là để Tổ Tiên tiếp nhận nàng dâu mới.

Lễ xong, mẹ chồng dắt con dâu vào phòng riêng của cô dâu chú rể. Phòng này được trang hoàng đẹp đẽ, thể hiện sự ấm cúng, hạnh phúc của đôi vợ chồng trẻ. Trong phòng có một chiếc giường, trên trải đôi chiếu mới úp vào nhau. Người trải chiếu phải là người ăn nên làm ra, con đàn cháu đống. Nếu mẹ chồng đủ điều kiện như trên thì bà sẽ trải chiếu, dọn giường cho cô dâu chú rể.

Sau khi nghỉ ngơi một lát, cô dâu chú rể đến mừng tuổi ông bà cha mẹ chồng, rồi cầm hộp trầu đi mời khắp mọi người trong họ nhà chồng.

Nghi lễ rước dâu đến đây là xong.

Ngày nay ở thành thị, người ta thường tổ chức nghi lễ cưới xin tại gia đình, sau đó mời bạn bè, người thân đến nhà hàng hay khách sạn đãi tiệc. Những gia đình khá giả còn mời cả dàn nhạc sống đến ca hát tưng bừng trong ngày tổ chức lễ thành hôn cho đôi trẻ.

d. Lễ lại mặt:

Đối với những cặp vợ chồng hai bên gia đình ở gần thì ngay sáng hôm sau họ sẽ trở về nhà gái mang theo lễ vật để lễ tạ Gia tiên, nhưng nếu nhà trai cách xa nhà gái thì sau bốn ngày mới trở về. Lễ vật trong lễ lại mặt gồm có ba lá trầu, ba quả cau,

một nậm rượu nếu nhà nghèo. Nhà giàu thì có thêm mứt sen, bánh kẹo, lợn quay, xôi gấc... Làm lễ xong, nhà gái sẽ đem lễ vật chia biếu cho những người thân trong họ. Hôm đó bố mẹ vợ làm một mâm cơm để con gái và con rể cùng ăn.

3. MỘT VÀI TỤC LỄ KHÁC TRONG CUỐI XIN

a. Cưới chạy tang

Thời xưa, luật pháp cấm nhà trai và nhà gái làm lễ cưới gả khi có tang cơ niên (trong vòng một năm). Nhưng trong dân gian, có nơi nếu là tang bố mẹ đẻ thì phải kiêng tang ba năm. Nhiều gia đình có con cái lớn chưa thành gia thất, trong nhà có ông bà hoặc có khi chính bố mẹ đột ngột qua đời, để con trẻ không phải chờ đợi mãn tang, người ta sẽ cho cử hành lễ cưới trước khi phát phục, tức là trước khi bắt đầu đám tang. Cưới như vậy gọi là cưới chạy tang.

Trong đám cưới chạy tang, người chết nằm đó vẫn được coi như còn sống. Lễ rước dâu vẫn được tiến hành nhưng mọi nghi lễ khác đều được giảm bớt, thậm chí cả lễ lại mặt cũng không còn. Người ta chỉ cốt tiến hành lễ cưới cho xong để còn cử hành lễ tang.

Nếu đám tang ở đằng nhà gái, thì ngay buổi chiều hôm rước dâu, cô dâu và chú rể trở về đằng nhà vợ để chịu tang. Nếu đám tang ở đằng nhà trai, sau khi đón dâu về, cử hành xong lễ cưới, tang lễ bắt đầu luôn.

b. Ở rể

Ở những gia đình không có con trai, cha mẹ thường lựa chọn một chàng rể tốt nét, khoẻ mạnh để gả con gái và gây dựng cho chàng rể ấy để nương tựa lúc về già, hương khói lúc nằm xuống. Trong trường hợp này, nhà gái thường không đòi hỏi những chi phí về đám cưới. Cưới xong, chú rể về ở nhà vợ và trở thành một thành viên chính thức trong gia đình.

Số phận chàng rể như vậy được coi là may mắn, nhưng không phải chàng trai nào cũng thích thế, vì họ thường đau lòng với câu nói của miệng: “ở rể như chó chui gầm chạn”. Tuy nhiên cũng có những trường hợp ở rể lại là một vinh dự được dân gian ví như “chuột sa chĩnh gạo”. Đó là khi gia đình nhà vợ khá giả, quan hệ hai gia đình tốt đẹp, quan hệ chàng rể với gia đình bên vợ hoà hợp.

Vì quan niệm thờ cúng Tổ Tiên, cha mẹ, tục ở rể vẫn còn tồn tại ở nước ta cho đến tận ngày nay.

c. Tái giá

Theo phong tục xưa, người đàn bà tái giá có hai trường hợp: ly hôn hoặc chồng chết. Nhưng cho dù ở trường hợp nào thì người phụ nữ vẫn rất thiệt thòi. Người đàn ông có quyền bỏ vợ mà không phải chịu bất cứ một trách nhiệm nghĩa vụ nào. Ngược lại, người đàn bà bỏ chồng thì phải đền số tiền gấp hai, ba lần nhà trai đã bỏ ra để tổ chức đám cưới, sêu tết...(nếu chưa có con); nếu đã có con thì toàn

bộ tài sản và con cái sẽ thuộc về người chồng.

Trong trường hợp chồng chết, người phụ nữ phải chờ ba năm đoạn tang mới được tái giá. Trước khi tái giá phải lo liệu cho chồng cũ được “mồ yên mả đẹp”, rồi mang lễ vật đến xin phép cha mẹ chồng được đi bước nữa. Đứa con (nếu có) vẫn thuộc bên nội, muốn mang con đi người phụ nữ phải xin phép cha mẹ hoặc chú bác của chồng. -

Ngày nay, người phụ nữ tái giá cũng rơi vào hai trường hợp nói trên. Bên cạnh việc duy trì những phong tục truyền thống đầy ý nghĩa của dân tộc, người phụ nữ Việt Nam đã được pháp luật bảo vệ quyền lợi và xoá bỏ những luật lệ cũ không còn phù hợp. Cụ thể là trong trường hợp vợ chồng ly hôn, người phụ nữ không phải bồi thường bất cứ khoản chi phí nào cho gia đình nhà chồng, tài sản chung và con cái của họ sẽ được chia đôi một cách hợp tình hợp lý.

Trong trường hợp người chồng chết, tuy luật pháp không quy định sau bao lâu thì người vợ mới được tái giá, nhưng vì phong tục đẹp đẽ của dân tộc ta từ ngàn đời nay mà đa phần phụ nữ Việt Nam đều lo thờ chồng đến khi sang cát, thậm chí là lâu hơn mới đi bước nữa. Rất nhiều trường hợp họ không tái giá mà ở vậy nuôi con thờ chồng cho đến cuối đời.

III. NGHĨ LỄ TRONG TANG MA

Trong bất cứ một xã hội nào, từ Đông sang Tây, dù chậm tiến hay đã văn minh, vấn đề tang lễ vẫn được coi là nghi thức quan trọng để biểu lộ tình cảm của những người còn sống đối với người quá cố.

Xã hội Á Đông nặng tình cảm, coi trọng huyết thống gia đình, nên từ hàng ngàn năm trước, vấn đề tang lễ đã có nghi thức rất chặt chẽ và được mọi người tôn trọng. Các triết gia Á Đông đã có nhiều sách vở nói đến bốn phạm của con người trong việc tang ma.

Ở Việt Nam, các nghi thức về tang lễ, tang chế đã được hình thành theo dòng thời gian và trở thành phong tục mang bản sắc riêng với nhiều lễ tiết.

1. LÂM CHUNG

Các nghi lễ trong lúc lâm chung được tiến hành như sau:

1. Thuy hiệu:

Trước hết là việc đặt tên thuy, tên hiệu. Những tên này được đặt ra dựa theo đức tính của người chết lúc sinh thời (do chính người ấy đặt hoặc chấp nhận lúc còn tỉnh).

2. Chúc khoáng:

Chúc khoáng là theo dõi chắc chắn lúc tắt thở của người chết bằng cách lấy một chút bông gòn đặt

trên lỗ mũi của người đó. Khi bông không còn động đây là lúc người đó đã chết hẳn. Ngay lúc này, thân nhân vuốt mắt cho người chết để đôi mắt nhắm hẳn lại, rồi xếp chân tay xuôi thẳng theo thân thể cho thật ngay ngắn.

3. Khiết xỉ:

Lấy một chiếc dũa cài ngang miệng người chết để “cài hàm” cho hé ra để tiện làm lễ “phạn hàm”, còn gọi là “ngậm ngọc”.

4. Hạ tịch:

Trải một chiếc chiếu xuống đất, đưa người chết nằm xuống chiếu một lát rồi lại đưa trở lên giường, dùng vải phủ kín. Tục lệ này hàm ý hy vọng rằng sinh khí ở dưới đất có thể làm hồi sinh, nhưng theo quan niệm cổ “chết là trở về cõi đất” hoặc là để lấy đủ khí âm dương cho người quá cố.

5. Thiết hồn bạch:

Trước khi người nhà tắt thở, thân nhân lấy bảy thước (bằng 2,8m ngày nay) lụa trắng đắp lên ngực. Đến khi người ấy chết hẳn, thân nhân đem lụa này kết thành hình dạng thân người có đầu, mình, chân, tay, rồi đặt lại lên mình người chết gọi là hồn bạch. Lúc nhập quan thì hồn bạch được để trong linh sàng, linh tọa, tượng trưng cho người quá cố.

Ngày nay để thay cho hồn bạch, người ta dùng một bức chân dung người quá cố.

6. Mộc dục:

Mộc dục là tắm rửa cho người chết bằng nước sạch và thơm. Thời xưa dùng nước ngũ vị hương. Nghi thức này làm trong màn kín. Thường là con trai tắm rửa cho cha, con gái tắm rửa cho mẹ.

7. Thay quần áo:

Tắm rửa xong là thay quần áo cho người chết. Tục xưa định rõ gồm có những thứ như khăn chít đầu, bông nhét lỗ tai, khăn phủ mặt bằng vải trắng có dải buộc sau, bao tay bằng vải lụa cùng với quần áo mới trang trọng, giấy tất...

Khi thay quần áo xong, phải để chân tay ngay ngắn sát nhau. Người ta thường lấy dây vải cột hai ngón tay cái vào nhau, xếp thẳng trên bụng; hai ngón chân cái cũng được cột vào nhau cho gọn. Việc cột này có mục đích tránh để khi thân thể cứng lại, tay chân bị khuynh dật ra hai bên.

8. Phạn hàm:

Lấy gạo nếp vo kỹ và ba đồng tiền chùi cho sáng bỏ chung trong một cái đĩa. Những nhà giàu ngày xưa có khi dùng ba đồng tiền vàng và chín hạt ngọc trai, vì vậy tục này còn có tên là “ngậm ngọc”.

Tang chủ đứng bên phải lấy đũa cạy răng người chết ra, bỏ gạo nếp và tiền vào trong miệng ba lần, mỗi lần một đồng tiền và ba hột gạo hoặc ba hột ngọc. Lần đầu bỏ vào mép bên phải gọi là *sơ phạn*

hàm, lần thứ hai bỏ vào mép bên trái gọi là *tái phạn hàm*, lần thứ ba bỏ vào chính giữa miệng gọi là *tam phạn hàm*.

Người xưa giải thích mục đích của tục phạn hàm là tránh cho người chết sang thế giới bên kia mà không có gì ăn. Gạo nếp là để người chết dùng thay bữa, còn ba đồng tiền sẽ dùng để đi đò và giải khát trong lúc đi đường ở cõi âm.

Lễ phạn hàm xưa kia được tiến hành theo đúng thủ tục, nhưng ngày nay ở nhiều nơi đã có cải biến đi ít nhiều, thay vì dùng tiền cho vào miệng, người ta dùng trà (để người chết giải khát).

Sau khi bỏ gạo và tiền vào miệng xong, tang chủ bỏ dũa gài miệng người chết ra, buộc hàm dưới lễ sát hàm trên cho khỏi trễ xuống. Từ lúc này con cháu mới được khóc to.

Người Việt còn có lệ đơm một bát cơm, trên để một quả trứng gà luộc bóc sạch vỏ, có cắm một đôi dũa tre mà phía cuối được vót cho tre quăn lại thành hình cái hoa. Tất cả đặt cùng với bài vị ở phía trên đầu người chết, hoặc trên áo quan sau khi đã nhập quan.

2. LỄ NHẬP QUAN

Trước khi nhập quan phải qua thủ tục liệm xác, gọi là khâm liệm. Vải và đồ khâm liệm phải được chuẩn bị đầy đủ từ trước.

Khi tiến hành liệm xác, tang chủ vào khóc quỳ

xuống, người chấp sự quỳ theo và khấn: “Được ngày giờ, xin làm lễ liệm. Cẩn cáo”. Tang chủ sụp lạy một lạy rồi đứng lên.

Trong lúc này phải kiêng kị không cho thân nhân để nước mắt khóc của mình rơi vào thi hài vì người xưa cho rằng đó là một điềm không tốt, con cháu sau này sẽ khó làm ăn.

Đồ khâm liệm được đặt theo thứ tự sau trước trên chiếu: Đại liệm, chẵn đại liệm, tiểu liệm, chẵn tiểu liệm, trên cùng là các đồ lót, đệm đầu và tay chân. Người chết được đưa xuống đặt ngay ngắn trên chẵn tiểu liệm. Lót đầu, tai, mình, chân tay cho ngay gọn, xong gấp chẵn bên trái trước, bên phải sau rồi gấp dưới chân lên và trên đầu xuống. Sau đó dùng vải tiểu liệm buộc lại theo chiều dọc và chiều ngang.

Xong tiểu liệm đến đại liệm cũng tiến hành tương tự như vậy. Cuối cùng là đặt người chết lên vải tạ quan chờ nhập quan.

Trước khi nhập quan, trong áo quan phải rải sẵn một lượt trà khô, bỏng gạo hoặc bất cứ thứ gì khác có thể hút được nước của người chết tiết ra.

Sau cùng là lễ nhập quan. Thân nhân có mặt đứng theo thứ tự xa gần, trên dưới quanh quan tài. Phải canh đúng giờ tốt do thầy cúng hay thầy tu ở chùa coi sách chọn. Khi đến giờ, những người lo việc nhập quan nâng người chết lên bằng bốn góc

tấm vải tạ quan và đặt nhẹ nhàng vào áo quan.

Chỗ trống trong áo quan được dồn đầy quần áo của người chết mà khi còn sống vẫn mặc và giấy cuốn kèn. Xong xuôi người ta gấp vải tạ quan phía trên, phía dưới, trái trước, phải sau.

Để kết thúc lễ nhập quan, người ta bôi sơn trên thành quan tài và đập nắp, đóng “cá” cho chắc. Quan tài đã được nhập xác gọi là “linh cữu”.

Linh cữu được đặt ở chính giữa nhà, đầu quay ra ngoài. Tục đặt linh cữu quay đầu ra ngoài có ý nghĩa: người đến phúng điếu sẽ lạy ở đằng đầu chứ không phải lạy ở đằng chân. Trên linh cữu để một bát cơm lông và một quả trứng luộc kẹp giữa hai chiếc đũa bông (đũa vót tua như bông hoa) cắm đứng thẳng, gọi là cơm bông. Con cháu trai rơm ngòi hai bên linh cữu, trai bên trái, gái bên phải.

3. THIẾT LINH TOẠ

Linh toạ là bàn thờ, bao giờ cũng đặt ở phía trước linh cữu. Trên linh toạ, ở chính giữa phía trong đặt bài vị để chúc tước, họ, tên huý, tên thụy, tên hiệu. Bài vị được làm bằng nan tre bẻ khung phát giấy cao chừng 40cm để đứng được vững, không đổ. Bài vị đặt đằng trước hồn bạch. Nhà nghèo khó viết tước họ tên tuổi lên một mảnh giấy trắng dài, rồi dán vào một nan tre cắm vào khúc chuối cây để cho khỏi đổ ngã.

Bát hương để trước bài vị và hồn bạch với ba đài

rượu phía ngoài, hai bên là đèn nến, ống hương. Tươm tất hơn thì có mâm ngũ quả và đồ tam sự hay ngũ sự. Phía trước bên trên tường treo bức vải trắng căng ngang có viết bốn chữ. Cha mất thì viết *Hổ sơn vấn ám*. Mẹ mất thì viết *Di linh vân mê*. Hai bên là đôi liễn cũng bằng vải trắng, viết lời con thờ cha hoặc mẹ.

4. LỄ TRIỀU TỔ

Tục xưa coi người chết còn quản trong nhà như người vẫn còn sống, vẫn có bốn phận với Tổ Tiên. Vì vậy mỗi ngày con cháu, thân nhân phải rước hồn bạch hoặc ảnh chân dung người quá cố đến bàn thờ gia tiên làm lễ một lần.

Trước ngày đưa đám cũng phải rước vong hồn người quá cố đến từ đường làm lễ yết cáo Tổ Tiên, nhằm báo cho Tổ Tiên biết ngày hôm sau sẽ an táng.

5. KÈN GIẢI

Khi còn quản linh cữu tại nhà, thân chủ mời phường kèn trống đến cử nhạc tang trong những lúc hành lễ. Phường nhạc này dân gian gọi là phường nhạc hiếu.

Phường nhạc hiếu luôn túc trực bên linh cữu người chết để khi có khách tới viếng thì thổi kèn và nổi trống cho khách làm lễ. Ngoài ra phường còn có những bài khóc thay như con khóc cha mẹ, vợ khóc chồng, cháu khóc ông bà, anh chị em khóc nhau...

6. CHUYỂN CŨU VÀ LỄ YẾT TỔ

Vài ba giờ hoặc nửa ngày trước khi đem linh cữu đi an táng, người ta làm lễ xoay linh cữu. Sau đó làm lễ rước ảnh chân dung người chết tới lễ tại nhà thờ Tổ. Người tộc trưởng thắp hương khấn với Tổ Tiên để báo tin người chết đến yết Tổ. Chủ tang và con của người chết lễ bốn lạy, không cầm gậy. Sau đó lùi xuống một bước, cầm gậy lên, lễ bốn lạy nữa. Cuối cùng rước ảnh chân dung về linh toạ. Lễ yết Tổ bắt buộc phải có trầu rượu.

Những nhà không có nhà thờ Tổ Tiên riêng biệt thì tang chủ thường dâng trầu rượu lễ khấn gia tiên và xoay linh cữu một vòng, rồi lại đặt về chỗ cũ.

Chuyển linh cữu phải do chính con cháu trong nhà đích thân bắt tay vào khiêng.

7. LỄ CÁO THẦN ĐẠI LỘ

Vào ngày đưa đám, trước khi rước linh cữu đến nơi an nghỉ cuối cùng, người ta làm lễ cáo thần đại lộ để cho đám tang đi được thanh thản.

Lễ vật gồm có trầu rượu, oản quả hoặc lễ mặn. Có thể thêm vàng hương, một đĩa xôi, một thủ lợn hoặc một chân giò, gà. Người ta lập một hương án đặt ở đầu ngõ, tế một tuần rượu. Làm lễ này có thể cử người đại diện, tang chủ không phải đích thân làm lễ.

8. PHÁT DẪN

Phát dẫn còn gọi là đưa đám. Thông thường

dân gian xem rất kỹ ngày, giờ để chôn cất người quá cố. Khi đến giờ đã định, người thân lay khóc, người chấp sự hô: “Được ngày giờ, xin rước linh cữu lên đường”. Sau đó lễ đưa đám được tiến hành.

9. NGHI TRƯỞNG Đám TANG

Nghi trượng đám tang gồm:

Hương án: Bày giá hương, đọc bình, mâm ngũ quả, có khi thêm đèn nến thành một bộ ngũ sự hoặc thất sự.

Thực án: Trên có bày lợn quay, xôi, gà, bánh kẹo, hoa quả..

Trướng đối: Được lồng vào trục mang đi trước.

Linh xa: Đi trước linh cữu, do bốn người khiêng. Trong linh xa đặt hồn bạch với bát hương, bình hoa, đèn nến. Đằng trước là đồ minh khí (đồ mã).

Phường bát âm đi trước mặt. Đi liền kề hai đầu linh xa là cờ đàn triêu.

Cờ công bố: Là 3 mảnh vải trắng treo trên cành tre đi trước.

Linh cữu đi sau cùng. Người nào là con mà không có mặt thì mũ, gậy quàng buộc trên đầu đòn khiêng. Đưa đám cha thì chống gậy tre để tròn, đưa đám mẹ thì chống gậy vông để vuông. Dọc đường đi phải rắc giấy tiền (tiền mã) để tiễn ma quỷ.

10. LỄ HẠ HUYỆT

Trước khi hạ huyệt phải cúng Thổ Thần để xin phép an táng. Lễ vật gồm có trầu rượu, vàng hương, đĩa xôi, thủ lợn hoặc chân giò, gà...

Xong xuôi, người ta trải mình tinh lên trên linh cữu một lát, rồi mang ra hướng Bắc đốt (nhiều nơi chôn luôn với linh cữu). Để tỏ lòng thương kính, trước khi lấp đất, thân nhân bằng hữu mỗi người ném xuống huyệt một nắm đất. Sau khi huyệt đã lấp thành mộ, những tràng hoa tươi xếp xung quanh mộ, còn những đồ phúng điệu khác được đem về nhà treo trên tường xung quanh bàn thờ.

11. LỄ HỒI LINH

Lễ hồi linh là lễ rước hồn bạch hoặc ảnh chân dung người quá cố từ mộ về. Một người trong hiếu chủ dẫn trước linh xa, còn những người khác theo sau. Đám tang đi một đường về một nẻo theo thứ tự như lúc đi.

Tới nhà, con trưởng hay thừa trọng tôn bưng ảnh chân dung từ linh xa vào đặt nơi bàn thờ, con cháu làm lễ “An vị” (yên chỗ) bốn lạy một vái. Bàn thờ được lập ở nơi trang trọng nhất trong nhà. Nếu nhà có bàn thờ Gia tiên ở gian giữa thì phải lập bàn thờ vong ở gian bên, không được thờ chung. Phải đợi hết tang mới được rước sang hợp tự (thờ chung cùng bàn thờ Gia tiên).

12. LỄ ẤP MỘ VÀ VIẾNG MỘ

Ba ngày liền sau lễ an táng, buổi chiều nào con cháu cũng ra mộ thắp hương và khóc người quá cố để tỏ lòng thương xót. Tục này gọi là ấp mộ.

Đến ngày thứ ba, người ta làm lễ sửa sang ngôi mộ cho đẹp để hoặc làm nhà mồ. Ngày nay có nhà làm cỗ bàn mời bà con thân thuộc. Lễ này còn gọi là cúng “mở cửa mả”.

Tục đi ấp mộ này không nhất thiết phải đi đông đủ con cháu tang gia, nhưng bao giờ cũng phải có trưởng nam hay thừa trọng tôn.

Từ sau lễ cúng mở cửa mả, ngày nào gia đình cũng phải cúng cơm người quá cố một hoặc hai bữa cho đến 100 ngày. Có nơi người ta cúng cơm đủ ba năm cho đến hết tang.

13. LỄ CHUNG THẤT

Sau khi người thân qua đời được 49 ngày, con cháu tang gia thường tổ chức làm lễ Chung thất hay còn gọi là lễ 49. Theo quan niệm của đạo Phật thì lễ Chung thất rất quan trọng vì nhờ có lễ này mà hương hồn người chết được lên chùa để nương nhờ cửa Phật. Người ta thường làm lễ Chung thất ở chùa, nhưng cũng có thể làm tại nhà. Dù làm ở đâu, người ta cũng tổ chức tế lễ và tụng kinh sám hối để cầu cho vong hồn người chết được siêu thăng tịnh độ. Nghi lễ làm chay Chung thất được tiến

hành như sau:

Lập đàn chay gồm: Trên cùng là 3 bình hương và tượng tam phủ: Thiên phủ, Địa phủ, Thủy phủ. Giữa là tượng Đức Phật Thích Ca.

Bên phải và bên trái có tượng Thiên quan và Thành hoàng. Hai bên kế tiếp có Thập Điện Diêm Vương. Ở giữa phía dưới là Địa ngục. Dưới cùng là bàn thờ chúng sinh.

Nghi thức làm lễ chay gồm:

Lễ Phật

Lễ tam phủ

Lễ cầu vong

Lễ phá ngục

Lễ giải oan

Lễ phóng đăng: thả đèn, thả chim

Lễ cúng cháo.

14. GIỖ ĐÀU

Khi người thân qua đời đúng tròn một năm thì làm giỗ đầu còn gọi là ngày Tiểu tường. Trong ngày này, con cháu phải mặc tang phục như ngày đưa đám để chứng tỏ với người khuất nỗi nhớ thương chưa nguôi. Con trai phải mặc áo sô gai, mũ rơm, chống gậy để lễ và đáp lễ khách khứa trước bàn thờ cha (mẹ). Gia đình sắm đầy đủ các thứ đồ mã dùng

trong “cuộc sống” thường nhật ở cõi âm cho người quá cố, ngoài ra còn có cả hình nhân. Người ta tin rằng hình nhân bằng giấy đốt, xuống cõi âm sẽ trở thành người hầu kẻ hạ người khuất.

Văn khấn lễ Tiểu tường:

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy: Đức Đường cảnh Thành hoàng chư vị Đại Vương.

Kính lạy: Đông Trù Tư mệnh Táo phủ Thần quân.

Kính lạy: chư gia tiên Cao tăng Tổ tỷ.

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Con trai trưởng (hoặc cháu đích tôn) là.....

Vâng theo lệnh của mẫu thân và các chú, cùng với anh rể, chị gái và các em trai gái dâu rể, con cháu nội ngoại kính lạy.

Nay nhân ngày Giỗ Đầu theo nghi lễ cổ truyền,

Kính dâng lễ mọn biểu lộ lòng thành.

Trước linh vị của: Hiển..... chân linh

Xin kính cẩn trình thưa rằng:

Than rằng:

Mây che núi Hố (hoặc núi Dĩ), muôn dặm mơ

màng;

Gió thổi càn Thung (hoặc Huyền), một vùng nghỉ ngút.

Nhớ thuở trước, một nhà sum họp, vui vầy những ước, dặng trăm năm.

Mà bấy nay, đôi ngả cách xa, nông nổi nào ngờ nên một phút.

Ơn chín chữ, trời cao biển rộng, hiềm chưa chút công đền nghĩa trả, gánh cương thường nghĩ nặng trên vai;

Đêm năm canh, than vắn thở dài, những mơ màng, tiếng nói điều ăn, lòng tưởng vọng, thấm đau trong ruột.

Cõi trần thế, xuân qua thu lại, ngày trời kể, chẵn một năm tròn;

Giỗ Tiểu tường lễ bạc lòng thành, chén rượu dâng một vài tuần rớt.

Nhà đơn bạc, còn nhiều bề khiếm khuyết, hương thơm, nến đỏ, việc lễ nghi, tạm gọi theo thời;

Bài văn ai kể mấy khúc nôm na, tâm động, thần tri, miễn mình phủ, may chi thấu chút.

Xin kính mời:

Hiển:

Hiển:

Hiển:

.....

Cùng các vị Tiên linh Tổ bá, Tổ thúc, Tổ cô và các vị vong linh phụ thờ theo Tiên Tổ về hâm hưởng.

Kính cáo: Liệt vị Tôn thân, Táo quân, Thổ công, Thánh sư, Tiên sư, Ngũ tự Gia thần cùng chứng giám và phù hộ cho toàn gia được mọi sự yên lành tốt đẹp.

Cẩn cáo!

15. GIỖ HẾT

Ngày giỗ hết còn gọi là ngày Đại tường, tức là ngày giỗ năm thứ hai kể từ khi người thân qua đời. Trong ngày này, con cháu vẫn mặc tang phục như đưa đám để cúng giỗ và đáp lễ khách tới, nhưng từ lần giỗ sau thì không mặc nữa. Vì vậy, đây là lần mặc tang phục cuối cùng để tưởng nhớ người quá cố. Vào ngày giỗ hết, người nhà đốt mã cho người chết nhiều hơn ngày giỗ đầu. Trước khi đốt mã thường có cúng lễ ở ngay tại mộ và mời tăng ni tới niệm Phật.

Những ngày giỗ năm sau chỉ còn là ngày giỗ thường, việc cúng lễ như những người đã qua đời trước.

Văn tế lễ Đại tường

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

*Kính lay: Đức Đường cảnh Thành hoàng chư vị
Đại Vương.*

Kính lay: Đông Trù Tư mệnh Táo phủ Thần quân.

Kính lay: chư gia tiên Cao tăng Tổ tỷ.

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Con trai trưởng (hoặc cháu đích tôn) là.....

*Vâng theo lệnh của mẫu thân và các chú, cùng
với anh rể, chị gái và các em trai gái dâu rể, con
cháu nội ngoại kính lay.*

Nay nhân ngày Giỗ hết theo nghi lễ cổ truyền,

Kính dâng lễ mọn biểu lộ lòng thành.

Trước linh vị của: Hiển..... chân linh

Xin kính cẩn trình thưa rằng:

Than rằng:

*Mây che núi Hố (hoặc núi Dĩ), muôn dặm mờ
màng;*

*Gió thổi càn Thung (hoặc Huyền), một vùng
nghỉ ngút.*

*Nhớ thuở trước, một nhà sum họp, vui vầy
những ước, đặng trăm năm.*

Mà bấy nay, đôi ngả cách xa, nông nổi nào ngờ

nên một phút.

On chín chữ, trời cao biển rộng, hiem chưa chút công đền nghĩa trả, gánh cương thường nghĩ nặng trên vai;

Đêm năm canh, than vẫn thở dài, những mơ màng, tiếng nói điều ăn, lòng tưởng vọng, thấm đau trong ruột.

Cõi trần thế, xuân qua thu lại, ngày trời kể, hăm bốn tháng tròn;

Giỗ Đại tường lễ bạc lòng thành, chén rượu dâng một vài tuần rớt.

Nhà đơn bạc, còn nhiều bề khiếm khuyết, hương thơm, nến đỏ, việc lễ nghi, tạm gọi theo thời;

Bài văn ai kẻ mấy khúc nôm na, tâm động, thần tri, miễn mình phủ, may chí thấu chút.

Xin kính mời:

Hiển:

Hiển:

Hiển:

.....

Cùng các vị Tiên linh Tổ bá, Tổ thúc, Tổ cô và các vị vong linh phụ thờ theo Tiên Tổ về hâm hưởng.

Kính cáo: Liệt vị Tôn thần, Táo quân, Thổ công, Thánh sư, Tiên sư, Ngũ tự Gia thần cùng chứng

giám và phù hộ cho toàn gia được mọi sự yên lành tốt đẹp.

Cẩn cáo!

16. RƯỚC LINH VỊ VÀO BÀN THỜ CHÍNH

Sau ngày giỗ hết ba tháng (tức tháng thứ 27 kể từ ngày chết), con cháu chọn ngày tốt để làm lễ Tế Đám và rước linh vị vào bàn thờ chính. Từ ngày này trở đi, thân nhân người quá cố không phải mặc tang phục (mãn tang), nhưng tang phục vẫn được giữ cẩn thận đến ngày làm lễ trừ phục mới đem đi đốt.

Văn tế lễ Tế Đám

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Đức Đương cảnh Thành hoàng chư vị Đại Vương.

Kính lạy chư gia tiên Cao tăng Tổ tỷ.

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Con trai trưởng (hoặc cháu đích tôn) là.....

Vâng theo lệnh của mẫu thân và các chú cùng với anh rể, chị gái, và các em trai gái dâu rể, con cháu nội ngoại kính lạy.

Nay nhân ngày lễ Đám tế theo nghi lễ cổ truyền,

Kính dâng lễ mọn, biểu lộ lòng thành.

Trước linh vị của Hiền..... chân linh.

Xin kính cầu trình thưa rằng:

*Than ôi! Nhớ bóng phụ thân (mẫu thân); cách
miền trần thế.*

*Tủi mắt nhà Thung (hoặc Huyền) mây khoá,
thăm thẳm sâu phiền;*

Đau lòng núi Hổ (hoặc Dị) sao mờ, đầm ãi ai lẹ.

Kể năm đã quá Đại tường

Tính tháng nay làm Đàm tế.

Tuy lễ hưng biến cát, tang phục kết trừ;

Song nhân tử sự thân, hiếu tâm lưu để.

*Lễ bạc kính dâng gọi chút, há dám quên cây cội
nước nguồn,*

*Suối vàng như có thấu chẳng, hoạ may tỏ trời
kính đất nghĩa.*

Cẩn cáo.

Sau khi làm lễ Tế Đàm thì chép sẵn linh vị mới phủ giấy (hoặc vải đỏ), sau đó đốt linh vị cũ cùng với băng đen phủ quanh khung ảnh và văn tế. Cuối cùng, rước linh vị, bát hương và chân dung đưa lên bàn thờ chính, đặt ở hàng dưới.

Văn tế lễ rước linh vị vào bàn thờ chính:

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

*Hôm nay, ngày.... tháng.... năm, tại tỉnh....
huyện..... xã..... thôn.....*

*Tín chủ là..... (nếu lễ gia thần) hoặc Hậu duệ
tôn là..... (nếu lễ gia tiên, tự xưng hô với vị được liệt
thờ cao nhất).*

*Quỳ trước linh vị của..... (đọc linh vị của vị thờ
cao nhất), liệt vị chư tiên linh.*

Kính nghĩ:

*Gót tiêu dao, mịt mù mù mịt, đâu hạc nội, đâu
mây ngàn?*

*Côi trần thế, thay đổi đổi thay, nay nương dâu,
mai bãi bể.*

*Lá rụng về cội, phách tuy giáng, hồn lại được
siêu thăng;*

*Nước chảy về nguồn, thác là quy, sinh chẳng
qua tạm ký.*

*Nhân sinh do Tổ, gốc phải vững, phúc quả mới
mong bền;*

Hiếu tử sự thân, tế như tại, nhân tâm nào dám phế.

*Nay nhân: Hiên khảo (hoặc tử)..... (đọc linh vị
bố hoặc mẹ).*

Thọ chung ngày.... tính đến nay đã:

Quý huý Đại tường;

Đến tuần Đàm tế.

Quá hai năm trừ phục, cáo tiên linh;

Đủ ba tháng dư ai, theo cổ lệ.

Cầu gia thần chứng giám, cho từ đường phảng
phất linh hồn;

Nguyện Tiên Tổ phù trì, để bạch triệu, quy hồi
phách thể.

Đến ngày giỗ chạp, con cháu nhớ tháng ngày,
làm lễ dâng hương;

Nôi gót Tổ Tiên, ông cha tiếp thế thứ, theo hàng
phôi tế.

Lễ bạc, kính dâng gọi chút, há dám quên cây
côi, nước nguồn;

Suôi vàng, như thấu cho chẳng, hoạ may tổ trời
kính, đất nghĩa.

Xin kính mời:

Hiển:

Hiển:

Hiển:

.....

Cùng các vị Tiên linh Tổ bá, Tổ thúc, Tổ cô và các vong linh phụ thờ theo Tiên Tổ về hâm hưởng.

Kính cáo: Liệt vị Tôn thân, Táo quân, Thổ công, Thánh sư, Tiên sư, Ngũ tự gia thần cùng chứng giám và phù hộ cho toàn gia được mọi sự yên lành tốt đẹp.

Cẩn cáo

17. CẢI TÁNG

Khi người thân qua đời được ba năm trở lên thì con cháu trong gia đình làm lễ cải táng. Cải táng tức là đem hài cốt của người thân đi táng ở nơi khác, còn gọi là bốc mả hay cải cát.

Dân ta rất xem trọng lễ cải táng nên thường xem ngày rất cẩn thận. Ngày cải táng phải là ngày tốt, không xung khắc với tuổi người quá cố. Trước ngày đó phải làm lễ cáo vong và cáo gia tiên. Vào ngày cải táng phải làm lễ khấn Thổ Thần nơi xin đào mả lên và cúng Thổ Thần nơi sắp đem chôn.

Hài cốt được rửa sạch bằng nước, sau rửa bằng rượu hoặc cồn, xếp gọn vào tiểu sành, rảy nước ngũ hương, phủ giấy trắng kim, dầy nắp rồi đem táng. Không bao giờ táng ở chỗ cũ.

* Chú ý: Trong suốt quá trình làm lễ cải táng không được cho ánh sáng mặt trời chiếu vào hài cốt. Mộ đắp sau lễ an táng hình chữ nhật, nhưng sau khi cải táng phải đắp mộ hình tròn có đỉnh

nhọn nhỏ hơn.

Văn khấn người quá cố trong lễ cải táng:

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Hôm nay!

*Ngày.... tháng.... năm...., tỉnh.... huyện....
xã.... thôn.....*

Hiển khảo (hoặc tử)..... mộ tiền.

*Than rằng: Thương xót cha (hay mẹ) xưa, vắng
xa trần thế.*

Thác vè, sóng gửi, đất ba thước phải vùi chôn.

Phách lạc hồn bay, hình trăm năm khó gìn để;

*Lúc trước việc nhà bối rối, đặt để còn chưa hợp
hướng phương.*

*Tôi nay, tìm đất tốt lành, sửa sang lại, cầu an
hình thế.*

Rày thân, Phần mộ đời xong, lễ Ngu kính tế.

*Hồn thiêng xin hưởng, nguyện cầu vĩnh viễn âm
phần.*

Phúc để di lưu, phù hộ vững bền miêu duệ.

Cẩn cáo.

Văn khấn Thổ thần trong lễ cải táng:

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy Hoàng thiên Hậu thổ chư vị Tôn thần.

Kính lạy các ngài Thần linh cai quản trong xứ này.

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngụ tại.....

*Nhân hôm nay ngày Cải cát (dời mộ) của..... mộ
phân tại.....*

*Chúng con cùng toàn thể gia quyến tuân theo nghi
lễ, sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng.*

*Trước án tọa Tôn thần cùng chư vị uy linh, kính
cẩn tâu trình.*

*Kính cáo Sơn thần, Thổ thần, Long mạch và các
vị thần linh, cúi xin chứng minh, phù hộ toàn gia
chúng con bình an thịnh vượng.*

Cẩn cáo!

* Những diêm hay không nên cải táng

Hầu hết các gia đình có người thân qua đời được
3 năm trở lên đều làm cải táng để cho mộ phần
được yên vị, sạch sẽ, nhưng cũng có một vài trường

hợp đặc biệt không nên cải táng. Đó là khi gặp nơi đất tốt, mả kết. Nhân dân ta coi mả kết là một điềm hay, không nên đụng chạm gì vào mà mất lộc. Sau đây là những dấu hiệu của ngôi mả kết:

1) Thấy con rắn sống ở mả hay khí vật gì. Đất ở đây thịnh, mả kết nên rắn hoặc khí vật mới sống ở đó.

2) Thấy tơ hồng quấn quýt ở cổ áo quan, hoặc có những giọt nước trắng như sữa ở bên ngoài hoặc trong áo quan, những giọt nước này hơi ấm. Mả như vậy là có sinh khí và đã kết.

3) Một hơi ấm tiết ra ở mộ, trong huyết lại khô ráo. Đất nơi đây tốt.

4) Những xương cốt dính liền vào nhau kết thành tượng. Mả kết thành tượng này rất quý.

18. NGÀY GIỖ THƯỜNG

Từ sau lễ cải táng, những ngày giỗ của người quá cố gọi là giỗ thường. Người Việt Nam ta rất coi trọng tục thờ cúng Tổ Tiên, vì vậy con cháu phải nhớ ngày giỗ của những người đã khuất để cúng lễ cho đầy đủ. Đây được xem là ngày giỗ lành nên con cháu thường tụ họp đông đủ để cúng lễ người khuất tỏ lòng thành kính tưởng nhớ.

IV. NGHI LỄ TRONG XÂY CÁT NHÀ CỬA

Người Việt Nam ta quan niệm nhà ở là một phần không thể thiếu trong đời sống thường nhật.

Vì vậy mà người ta xem làm nhà là một trong những việc trọng đại nhất của đời người, liên quan tới sinh mệnh của những người sẽ sống trong ngôi nhà đó. Bởi vậy, khi xây cất nhà cửa, người ta thường tuân thủ theo các phong tục cổ truyền một cách đầy đủ nhất. Cụ thể như sau:

1. LỄ ĐỘNG THỔ

Theo quan niệm của ông bà ta xưa thì bất kể mảnh đất nào cũng có Thổ Thần và Thần linh cai quản. Nếu muốn tiến hành việc gì trên mảnh đất đó đều phải làm lễ xin phép Thổ Thần và Thần linh để mọi việc được thuận lợi, may mắn. Vì vậy vào ngày làm nhà, người ta thường làm lễ động thổ để cúng Thổ Thần và Thần linh.

Lễ vật gồm có: hương hoa, cau trầu, con gà, đĩa xôi... được bày trên một chiếc mâm kê cao đặt ở chính giữa mảnh đất định làm nhà.

Gia chủ thắp đèn nhang, vái bốn phương tám hướng, rồi quay mặt vào mâm mà khấn. Sau khi làm lễ trình với Thổ Thần và Thần linh xin được động thổ, gia chủ trực tiếp cầm cuốc bở những nhát đầu tiên xuống mảnh đất định làm nhà, tiếp đó thợ thuyền mới được đào móng.

Nếu làm nhà cao tầng thì mỗi kỳ đổ mái, chủ nhà đều phải làm lễ dâng hương để cúng Thổ Thần và Thần linh.

* Văn khấn lễ động thổ:

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Kính lạy Hoàng thiên Hậu thổ chư vị Tôn thần.

Kính lạy quan đương niên

Kính lạy các tôn thần bản xứ -

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ chúng con là.....

Ngụ tại.....

Thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng bày ra trước án. Vì tín chủ con khởi tạo xây dựng ngôi dương cơ trụ trạch để làm nơi cư ngụ cho gia đình con cháu. Nay chọn được ngày lành tháng tốt, kính cáo chư vị linh thần, cúi mong soi xét và cho phép được động thổ. Nhân có lễ vật tịnh tài dâng cúng bày trên án tọa.

Tín chủ con kính mời

Ngài Kim niên Đương cai Thái tuế chú đức tôn thần.

Ngài Bản cảnh Thành hoàng chư vị Đại vương.

Ngài bản xứ Thần linh Thổ địa.

Ngài Định phúc Táo quân, các ngài Địa chúa, Long mạch Tôn thần

Và tất cả các vị Thần linh cai quản ở trong khu

vực này.

Cúi xin: Giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, độ cho chúng con mọi chuyện thuận lợi, công việc hanh thông; chủ thợ được bình an, ngày tháng được hưởng phần lợi lạc, âm phù dương trợ, sở nguyện tòng tâm.

Tín chủ con lại phổ cáo với các vị tiên chủ hậu chủ và các vị hương linh cô hồn y thảo phụ mộc phảng phất ở trong khu vực này. Xin mời tới đây chiêm ngưỡng tôn thần, thụ hưởng lễ vật, phù trì tín chủ cũng như chủ thợ đôi bên an lạc, công việc chóng thành, vạn sự hanh thông.

Tâm thành lễ bái, cúi xin chứng giám, phù hộ độ trì cho chúng con được sở cầu như ý.

Cẩn cáo.

2. LỄ CẤT NÓC:

Sau khi xây xong tường bao quanh nhà, người ta thường xem ngày giờ để làm lễ cất nóc. Tục xưa quan niệm, làm như vậy thì sau này những người ở trong ngôi nhà sẽ được mọi sự may mắn, tốt lành.

Đúng ngày giờ kén chọn, người đứng tuổi làm nhà sẽ bắc đòn chính của nóc nhà lên đỉnh sườn nhà. Trên đòn chính bao giờ cũng được treo một một miếng vải đỏ có đề ngày tháng cử lễ và mấy chữ Khương Thái Công Tại Thử (nghĩa là ông Khương, ông Thái, ông Công được treo vào chiếc đòn chính này. Cũng có nhà thay vì miếng vải đỏ,

người ta dán vào đòn chính một lá bùa bát quái hoặc treo vào đó một quyển lịch Tàu. Người xưa cho rằng, tục này có tác dụng xua đuổi, trừ khử tà ma.

Vào ngày làm lễ cất nóc, người ta làm lễ mời thầy pháp tới cúng, đồng thời làm lễ cáo với Gia tiên. Rất nhiều chủ nhà còn làm cỗ mời bà con họ hàng tới ăn uống vui vẻ.

Ngày nay, hầu hết các ngôi nhà đều làm mái bằng không có nóc. Vì vậy dân ta thay lễ cất nóc bằng lễ cúng khi đổ mái cho mỗi tầng.

* Văn khấn lễ cất nóc:

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Nam mô A Di Đà Phật!

Kính lạy: Hoàng thiên Hậu Thổ chư vị Tôn Thần

Kính lạy Quan đương niên

Kính lạy các Tôn thần bản xứ.

Hôm nay là ngày.... tháng..... năm.....

Tín chủ con là..... Ngụ tại.....

Thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng bày ra trước án. Vì tín chủ con khởi tạo..... (cất nóc, làm nhà...), căn nhà ở địa chỉ..... ngôi dương cơ trụ trạch để làm nơi cư ngụ cho gia đình, con cháu. Nay chọn được ngày lành tháng tốt,

kính cáo chư vị Linh Thần, cúi mong soi xét và cho phép được cất nóc.

Nhân có lễ vật tịnh tài dâng cúng, bày lên án tọa.

Tín chủ con thành tâm kính mời:

Ngài Kim niên Thái tuế chi đức Tôn Thần

Ngài Bản cảnh Thành hoàng Chư vị Đại Vương,

Ngài Bản xứ Thần linh Thổ Địa

Ngài định phúc Táo quân, các ngài Địa chúa Long mạch Tôn thần và tất cả các vị Thần linh cai quản ở khu vực này.

Cúi xin: giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành, thụ hưởng lễ vật, độ cho chúng con mọi chuyện thuận lợi, công việc hanh thông, chủ thợ được bình an, ngày tháng hưởng phần lợi lạc, âm phù dương trợ, sở nguyện tòng tâm. Tín chủ lại xin phổ cáo với các vị tiền chủ hậu chủ và các vị hương linh, cô hồn y thảo phụ mộc, phảng phất ở trong khu vực này. Xin mời tới đây chiêm ngưỡng Tôn Thần, thụ hưởng lễ vật, phù trì tín chủ, cũng như chủ thợ đôi bên, khiến cho an lạc, công việc chóng thành.

Dãi tẩm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo.

3. LỄ NHẬP TRẠCH

Khi di chuyển chỗ ở từ ngôi nhà này tới ngôi

nhà khác hoặc khánh thành nhà mới đều phải làm lễ nhập trạch. Người Việt Nam có những tục lệ riêng trong ngày lễ này như sau:

1. Chọn ngày giờ:

Muốn chuyển đến nhà mới, người ta phải chọn ngày giờ rất cẩn thận. Ngày chuyển nhà nhất định phải là ngày tốt và không xung với tuổi của gia chủ. Giờ chuyển nhà phải là giờ hoàng đạo.

Thời gian chuyển nhà nhất định phải là buổi sáng sớm, giữa buổi trưa hoặc trước lúc mặt trời lặn. Tránh đến nhà mới vào buổi tối.

2. Sắm lễ:

Lễ vật dâng cúng trong lễ nhập trạch gồm: hương hoa, cau trầu, rượu, gà luộc, xôi và mâm cỗ mặn với đầy đủ các món.

3. Thủ tục nhập trạch:

- Tất cả đồ đạc, của cải của gia đình đều phải do đích thân chủ nhà và những người trong gia đình chuyển đến nhà mới. Toàn gia đình không thể tay không đến nơi ở mới.

- Khi tới nơi, gia chủ tự tay mang bài vị cúng Tổ Tiên, các Thần vào nhà mới trước. Những người khác trong gia đình đi theo sau, mỗi người đều phải cầm trong tay tiền tài, của cải.

- Vật đầu tiên mang vào nhà mới sau bài vị cúng Tổ tiên, các Thần là cái chiếu (hoặc đệm) đang

sử dụng, sau đó là bếp lửa (tuyệt đối không mang bếp điện), chổi quét nhà, gạo, nước...

- Bày lễ vật dâng cúng lên bàn hoặc mâm, kê vào nơi có hướng đẹp với gia chủ. Tự tay gia chủ thắp nhang vào một bát nhang tạm thời. Thắp nhang và khấn lễ, tiếp ngay sau đấy gia chủ châm bếp và đun nước.

Nước đun trên bếp lần đầu tiên ở nhà mới phải cho sôi 5 đến 10 phút (lâu hơn càng tốt) mới tắt lửa. Đun nước mục đích là để khai bếp, pha trà dâng Thần linh và Gia tiên. Nếu có khách, có thể lấy nước đó mời khách.

Nếu chỉ nhập trạch lấy ngày tốt chưa có nhu cầu ở ngay thì gia chủ phải ngủ một đêm ở nhà mới.

Sau khi khấn Thần linh xong, gia chủ làm lễ cáo yết Gia tiên rồi mới dọn dẹp đồ đạc.

Sau khi dọn xong, để cầu bình yên, toàn gia phải tổ chức lễ bái tạ Tổ Tiên và các Thần Phật.

4. Những điều kiêng kỵ trong việc nhập trạch

- Nếu nhà có người chữa thì tốt nhất không nên tiến hành lễ nhập trạch. Trong trường hợp cấp bách không thể không dời nhà, nên mua một cái chổi mới tinh, để đích thân người chữa quét qua các đồ đạc một lượt rồi mới chuyển. Như vậy mới không phạm tội “Thần thai”.

- Những người giúp dọn nhà, chuyển đồ đạc

không được là người cầm tinh con Hổ.

Văn khấn lễ nhập trạch gồm hai phần: Cáo yết Thần linh và Gia tiên. Bao giờ cũng khấn lễ cáo yết Thần linh trước rồi mới đến cáo yết Gia tiên.

* Văn khấn cáo yết Thần linh:

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Kính lạy:

Hoàng thiên Hậu thổ chư vị Tôn Thần.

Kính lạy các ngài Thần linh bản xứ cai quản trong khu vực này.

Hôm nay là ngày.... tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngụ tại.....

Thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật và các thứ cúng dâng bày lên trên án, trước bàn toạ chư vị Tôn thần kính cẩn tâu trình:

Các ngài Thần linh thông minh chính trực giữ ngôi Tam thái, nắm quyền tạo hoá, thể đức hiếu sinh của trời đất, phù hộ dân lành, bảo vệ sinh linh, nêu cao chính đạo.

Nay gia đình chúng con hoàn tất công trình,

chọn được ngày lành dọn đến cư ngụ, phần sài nhóm lửa, kính lễ khánh hạ cầu xin chư vị minh thân gia ân tác phúc, độ cho gia quyến chúng con an ninh khang thái, làm ăn tiến tới, tài lộc dồi dào. Người người được chữ bình an, xuất nhập hưởng phần lợi lạc. Cúi mong ơn đức cao dày thương xót, phù trì bảo hộ.

Tín chủ lại mời các vong linh tiền chủ, hậu chủ ở trong nơi này, đất này, xin cùng về đây chiêm ngưỡng Tôn Thân, thụ hưởng lễ vật, phù trì tín chủ thịnh vượng an khang. Bốn mùa không hạn ách nào xâm, tám tiết có điều lành tiếp ứng.

Dãi tẩm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

* Văn khấn cáo yết Gia tiên:

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Kính lạy Tổ Tiên nội ngoại

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Gia đình chúng con mới dọn đến đây là... Địa chỉ...

Thiết lập linh sàng, sửa biện lễ vật, bày trên bàn thờ, trước linh toạ kính trình các cụ nội ngoại Gia tiên. Nhờ hồng phúc Tổ Tiên, ông bà cha mẹ,

chúng con đã tạo lập được ngôi nhà mới, hoàn tất công trình, chọn được ngày lành tháng tốt, thiết lập án thờ, kính lễ khánh hạ.

Cúi xin các cụ, ông bà cùng chư vị hương linh nội ngoại thương xót con cháu, chứng giám lòng thành, giáng phó linh sàng thụ hưởng lễ vật, phù hộ độ trì cho chúng con, lộc tài vượng tiến, gia đạo hưng long, cháu con được chữ bình an, xuất nhập hưởng phần lợi lạc.

Anh linh chiếu giám, cảm thiện ơn dày

Dãi tấm lòng thành cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo.

4. LỄ TÂN GIA

Sau khi làm lễ nhập trạch, dọn đến ở nhà mới, gia chủ chọn ngày thích hợp làm lễ tân gia cáo Táo quân, Thổ thần và Gia tiên. Ngày lễ tân gia, người ta thường làm cỗ bàn thịnh soạn, long trọng mời bà con bạn bè.

Những người được mời đến mang theo lễ vật tới mừng gia chủ. Lễ vật là câu đối, bức đại tự, trầu cau...

* Văn khấn lễ tân gia:

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Kính lạy Hoàng thiên Hậu thổ chư vị Tôn Thần.

*Kính lạy các ngài Thần linh Bản xứ cai quản
trong khu vực này.*

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....

Tại thôn..... xã..... huyện..... tỉnh.....

Tín chủ là.....

Trước án toạ Đông trù Tư mệnh Táo phủ Thần Quân.

Kính cẩn tâu rằng:

Ngài giữ ngôi tam thái

Nắm quyền tạo hoá

Trừ tai cứu hoạ, bảo vệ dân lành.

Nay bản gia hoàn tất công trình,

Chọn ngày lành gia đình nhóm lửa

Nhân lễ tân gia, kính cẩn tâu trình:

Xin cầu gia đình, an ninh khang thái

Làm ăn tiến tới, tài lộc dồi dào

Cửa rộng nhà cao, ngoài trong êm ấm,

Vợ chồng hoà thuận, con cháu sum vầy.

Cúi nhờ ân đức cao dày

Đoái thương phù trì bảo hộ.

Cẩn cáo!

5. MƯỢN TUỔI LÀM NHÀ:

Theo quan niệm của ông bà ta xưa, những người có tuổi phạm vào năm Kim Lâu và Hoang ốc thì không nên làm nhà. Nhưng nếu điều kiện cấp bách bắt buộc phải làm nhà thì phải mượn tuổi người khác để tránh những điều không may mắn. Trong trường hợp mượn tuổi làm nhà, gia chủ cần chú ý những điều sau:

1) Lễ động thổ:

Gia chủ tìm một người có tuổi thích hợp làm nhà để nhờ họ khấn lễ và động thổ thay mình. Trong khi làm lễ động thổ, gia chủ phải lánh khỏi nơi làm nhà xa từ 50m trở lên. Sau khi hoàn tất việc động thổ mới được trở về.

2) Lễ đổ mái:

Nếu xây nhà cao tầng thì mỗi kỳ đổ mái, người mượn tuổi vẫn tiếp tục dâng hương, khấn lễ cúng Thổ Thần thay cho gia chủ. Gia chủ vẫn phải lánh mặt trong thời gian đó.

3) Lễ nhập trạch:

Khi nhà của được xây xong, muốn dọn đến ở thì gia chủ phải làm lễ nhập trạch. Vào ngày này, người mượn tuổi tiến hành mọi thủ tục dâng hương và khấn việc bàn giao nhà cho gia chủ thành lời.

Gia chủ khấn nhận bàn giao nhà và khấn cầu theo ý nguyện khi vào nhà mới (nhập trạch).

6. LỄ KHAI TRƯƠNG CỦA HÀNG

Theo tín ngưỡng truyền thống của dân tộc ta, mỗi khi khai trương cửa hàng, cửa hiệu hay công xưởng... người ta đều làm lễ cúng Thổ thần và Thần linh. Sở dĩ như vậy vì chủ nhân của những cơ sở này mong muốn Thổ thần và Thần linh phù hộ cho việc làm ăn của mình luôn may mắn, thuận lợi.

Lễ vật dâng cúng Thổ thần và Thần linh vào ngày này là: hương, hoa quả, phẩm vật, trầu rượu... được bày biện đẹp để thể hiện lòng thành kính.

* Văn khấn:

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Kính lạy quan Đương niên Hành Khiển Thái tuế chí đức Tôn Thần.

Kính lạy các ngài Bản cảnh Thành hoàng chư vị Đại Vương.

Kính lạy các ngài Ngũ phương, Ngũ thổ, Long mạch, Tài thần định phúc Táo quân, chư vị Tôn Thần cùng các Thần Linh cai quản trong khu vực này.

Hôm nay là ngày..... tháng.... năm.....

Tín chủ con là..... Ngụ tại.....

Thành tâm sửa biện hương hoa lễ vật các thứ

cúng dâng, bày ra trước án. Vì tín chủ con có xây cất (hoặc thuê) được một ngôi hàng ở tại xứ này là: địa chỉ..... (nếu là cơ quan, công xưởng thì khẩn: tín chủ con là..... (giám đốc hay thủ trưởng cùng toàn thể công ty), nay muốn khai trương khởi đầu việc kinh doanh (hoặc sản xuất) phục vụ nhân sinh, buôn bán tài vật giúp cho sinh hoạt. Do đó chúng con chọn được ngày lành tháng tốt, sắm sanh lễ vật, cáo yết Tôn Thần, dâng cúng Bách linh..... cúi mong soi xét.

Chúng con xin kính mời quan Đương Niên, quan Đương Cảnh, quan Thần linh Thổ địa, định phúc Táo quân cùng các ngài Đại chúa Long Mạch và tất cả Thần linh cai quản ở khu vực này.

Cúi xin, thương xót tín chủ giáng lâm trước án, chứng giám lòng thành thụ hưởng lễ vật, độ cho chúng con buôn bán hanh thông làm ăn thuận lợi, lộc tài vượng tiến, nhân vật bình an. Bốn mùa không hạn ách tai ương, tám tiết có điềm lành tiếp ứng, cầu gì cũng được, nguyện gì cũng thành.

Tín chủ lại mời các vị tiền chủ, hậu chủ cùng chư Hương linh y thảo phụ mộc phảng phất ở trong khu vực này, xin hãy tới đây chiêm ngưỡng Tôn Thần, thụ hưởng lễ vật, phù trì tín chủ vận đạo hanh thông, tài lộc như gió mây tập hội.

Dãi tẩm lòng thành, cúi xin chứng giám.

Cẩn cáo

V. NGHI LỄ TRONG TỤC THỜ CÚNG TẠI GIA

1. THỜ CÚNG TỔ TIÊN

** Ý nghĩa:*

Người Việt Nam ta rất xem trọng tục thờ cúng Tổ Tiên. Vì vậy, ở mỗi gia đình người Việt dù giàu hay nghèo cũng phải có bàn thờ Gia tiên đặt chính giữa ngôi nhà chính. Xuất phát từ quan niệm vong hồn Gia tiên luôn ở gần mình nên vào các dịp lễ Tết, sóc vọng hay trước mỗi biến cố quan trọng của gia đình như: sinh con, dựng vợ gả chồng, làm nhà... dân ta đều làm lễ dâng hương tại bàn thờ Gia tiên để cáo yết và cầu mong Tổ Tiên phù hộ cho toàn gia được an ninh khang thái. Việc cúng bái cúng Tổ Tiên bao giờ cũng do gia trưởng đảm nhiệm. Khi cúng phải có đồ lễ.

Nghi lễ trong việc thờ cúng Tổ Tiên được tiến hành như sau:

1. Chuẩn bị:

Lễ vật dâng cúng Tổ tiên gồm có: trầu, rượu, hoa quả, vàng hương và nước lạnh. Nếu có điều kiện thì ngoài những đồ lễ tối thiểu trên, tùy gia đình có thể sắm thêm các đồ lễ khác như: xôi, chè, oản, chuối, cỗ mặn hoặc đồ mã.

Trong trường hợp khẩn cấp thì chỉ cần một chén nước lạnh, một nén hương là đủ. Cốt là ở tấm lòng thành kính.

Trước khi làm lễ dâng hương tại gia vào bất kể dịp nào, gia trưởng cũng phải ăn mặc sạch sẽ, chỉnh tề để tỏ rõ sự tôn nghiêm trước vong linh Tổ Tiên.

2. Dâng hương:

Gia trưởng sửa sang bàn thờ cho sạch sẽ rồi đặt đồ lễ lên, thắp đèn, nến cho sáng (nếu nhà có đỉnh trầm thì đốt đỉnh trầm).

Tiếp đó, gia trưởng đốt hương rồi làm lễ kính cẩn dâng các nén hương lên vị trí ngang trán, vái ba vái rồi mới cắm hương lên tất cả các bát hương trên bàn thờ. Thắp hương bao giờ cũng thắp số lẻ (1, 3, 5...) vì theo quan niệm của người xưa số lẻ thuộc về cõi âm.

Khi hương đèn đã thắp đầy đủ, gia trưởng đứng nghiêm trang trước bàn thờ, hay bàn tay úp vào nhau để trước ngực vái 3 vái rồi khấn cầu Thần linh, Gia tiên giáng lâm chứng giám lòng thành phù hộ độ trì cho gia đình mình đạt được mọi điều mong muốn. Trong bài văn khấn phải có nói rõ ngày, tháng, năm làm lễ; lý do; liệt kê lễ vật; những điều xin (nếu có).

Sau khi khấn xong thì vái thêm 4 vái dài, 3 vái ngắn.

Thời xưa, trong lễ dâng hương tại gia, khi gia trưởng khấn lễ xong, những người khác trong gia đình (trừ trẻ nhỏ) lần lượt tới lễ trước bàn thờ bốn lễ và ba vái.

Ngày nay, ở nhiều gia đình thường chỉ người vợ gia chủ và một vài người trong nhà vái là đủ. Chỉ trong những ngày giỗ, mọi người trong gia đình mới cần lễ.

3. Lễ tạ

Sau khi mọi người lễ vái xong, chờ cho tàn một tuần hương (những nén hương thấp lên cháy gần hết), gia trưởng tới trước bàn thờ lễ tạ rồi lại thắp lên một tuần hương nữa. Lễ tạ xong, gia trưởng hạ vàng mã trên bàn thờ đem hoá (đốt đi). Lúc hoá vàng thường lấy chén rượu cúng đổ vào đồng tàn vàng. Tục xưa tin rằng: có như vậy người chết mới nhận được số vàng người sống cúng và đồ vàng mã mới biến thành tiền thật, đồ đặc thật dưới cõi âm. Đốt vàng mã xong, đồ lễ mới được hạ xuống.

4. Văn khấn gia tiên

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm..... Nay con giữ việc thờ phụng tên là..... tuổi, sinh tục xã..... huyện..... tỉnh..... cùng toàn gia trước bàn thờ Tổ Tiên cúi đầu bái lễ.

Kính dâng lễ bạc: trầu, rượu, trà, nước, vàng hương, hoa quả cùng phẩm vật. Lòng thành nhân dịp....., kính mời hương hồn nội ngoại Gia tiên, kỵ, cụ, ông, bà, cha, mẹ, cô dì chú bác, anh chị em

chứng giám và hưởng lễ.

Con kính xin Gia tiên phù hộ độ trì cho con cháu toàn gia khang kiện.

Cẩn cáo

5. Một số nguyên tắc chung của tục dâng hương tại gia

- Vào ngày tuần tiết: Dâng hương phải khấn Gia thần trước, Gia tiên sau.

- Vào ngày giỗ Gia tiên, phải cáo yết Thần linh trước, sau mới cúng Tổ Tiên. Cúng giỗ ai thì phải khấn người đó trước, rồi tiếp đến Tổ Tiên nội ngoại. Sau cùng mới là Tiên chủ, Hậu chủ.

- Khi dâng hương lễ thần ngoại (Thổ công, Táo quân hay Thần Thánh) thì buộc phải nhập quán và xưng quốc hiệu (nêu địa chỉ).

- Khi dâng hương lễ thần nội (Tổ Tiên) thì không được nhập quán và xưng quốc hiệu.

2. THỜ CÚNG CÁC VỊ THẦN

*** Ý nghĩa:**

Tín ngưỡng thờ Thần đã được truyền tụng trong dân gian từ rất lâu đời. Người ta thờ Thần để cầu mong sự bình an, may mắn. Tâm thức này giúp con người có thêm ý chí, nghị lực, niềm tin để vượt qua những khó khăn của cuộc sống, đồng thời làm hạn chế điều ác, gia tăng điều thiện.

Theo quan niệm của ông bà ta xưa thì có nhiều vị Thần khác nhau. Thần nào cũng rất linh thiêng và có quyền năng vô hạn. Tuy nhiên hai vị Thổ Công và Thần tài được nhân dân ta thờ phụng nhiều hơn cả.

1. Thổ Công

** Bàn thờ Thổ Công*

Theo quan niệm truyền thống thì Thổ Công là vị Thần trông coi, cai quản và định sự hoạ phúc cho mỗi gia đình. Vì vậy Thần được mệnh danh là Đệ nhất gia chi chủ.

Bàn thờ Thổ công thường được đặt ở gian bên, cạnh bàn thờ Tổ Tiên. Nếu không có bàn thờ Tổ Tiên thì đặt bàn thờ Thổ công ở gian chính giữa nhà.

Bàn thờ Thổ công không chỉ thờ một vị, mà thờ ba vị Thần với ba danh hiệu khác nhau nên trong bài vị có đề danh hiệu của cả ba vị thần này là:

Bản gia Đông trù Tư mệnh Táo phủ Thần Quân,

Bản gia Thổ địa Long mạch Tôn thần,

Bản gia Ngũ phương ngũ thổ Phúc đức chính thần.

Mỗi gia đình có riêng một Thổ công. Hàng năm các Thổ công này được thay thế vào ngày 23 tháng Chạp (gọi là ngày ông Táo lên trời). Vào ngày này, gia đình sửa lễ cúng ông Công, rồi đốt bài vị cũ, thay bài vị mới.

** Cúng Thổ Công*

Ngày cúng Thổ Công quan trọng nhất là ngày 23 tháng Chạp, còn gọi là ngày Tết Táo Quân. Theo tín ngưỡng, trong ngày này, các gia đình thường làm cỗ cúng rồi hoá mũ, áo, hia, vàng của năm trước và phóng sinh con cá chép để làm ngựa cho Táo Quân cưỡi lên châu trời tâu lại với Ngọc hoàng mọi việc tốt xấu của gia đình một năm qua.

Ngoài ra, vào các dịp giỗ, Tết, sóc vọng hay việc lớn của gia đình... nhân dân ta cũng cúng Thổ Công. Có thể cúng chay hoặc mặn. Khi cúng bao giờ cũng phải khấn đủ các vị Thần ghi trong bài vị.

** Văn khấn Thổ công*

Bài văn khấn này được dùng cho cả năm. Tuy theo cúng vào lúc nào mà sửa lại ngày tháng cho phù hợp.

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nước Việt Nam năm.... tháng..... ngày....

Tín chủ là... cùng toàn gia cư trú tại... trăm bái.

Kính cẩn dâng lên rượu, nước, vàng, bạc, đèn hương, hoa quả, cỗ bàn, phẩm vật cùng mọi đồ lễ.

Cùng mời: Bản gia Thổ công tại vị ở trước.

Thổ địa tại vị ở trước

Thổ kỳ tại vị ở trước

Giáng lâm chứng giám.

Cầu xin phù hộ gia chủ từ già đến trẻ hạnh phúc bình an, không bệnh không tật.

Thượng hưởng.

2. Thần tài

** Bàn thờ Thần tài:*

Thần tài là vị thần mang tài lộc đến cho gia đình. Mỗi khi làm việc gì, gia chủ thường cầu khẩn Thần tài.

Bàn thờ Thần tài thường đặt ở góc nhà. Sở dĩ như vậy là do xuất phát từ điển tích xưa. Bài vị được viết bằng mực nhũ kim với nội dung sau:

Ngũ phương Ngũ thổ Long thần,

Tiền hậu Địa chúa Tài thần.

** Cúng Thần tài*

Người xưa cúng Thần tài quanh năm, không chỉ ngày giỗ, Tết, sóc vọng mà bất kỳ lúc nào cần cầu xin. Có thể cúng lễ chay hoặc lễ mặn nhưng thường chỉ cúng vào buổi chiều.

** Văn khấn Thần tài*

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nước Việt Nam năm.... tháng..... ngày....

Tín chủ là... cùng toàn gia cư trú tại...trăm bái.

Kính dâng lên rượu, nước, vàng, bạc, đèn hương, hoa quả, cỗ bàn, phẩm vật cùng mọi đồ lễ.

Kính mời: Thân tài vị tiên

Giáng lâm chứng giám.

Câu xin phù hộ gia chủ từ già-đến trẻ hạnh phúc bình an, không bệnh không tật, làm ăn phát đạt, tấn tài tấn lộc.

Thượng hưởng.

VI. NGHI LỄ DÂNG SAO GIẢI HẠN

** Ý nghĩa:*

Ông bà ta xưa quan niệm rằng: Mỗi người vào mỗi năm đều có một ngôi sao chiếu mệnh. Đàn ông và đàn bà cùng năm, cùng tuổi lại có những ngôi sao chiếu mệnh khác nhau. Có 9 ngôi sao chiếu mệnh hết 9 năm lại luân phiên trở lại. Trong 9 ngôi sao đó có sao tốt, sao xấu. Nếu bị sao xấu chiếu mệnh thì con người sẽ hay đau ốm, bệnh tật, không may mắn... gọi là vận hạn. Để giảm nhẹ vận hạn, cầu bình an, may mắn... người xưa thường làm lễ cúng dâng sao giải hạn. Lễ dâng sao giải hạn phải tổ chức ở ngoài trời, có thể tiến hành vào đầu năm hoặc hàng tháng.

Theo tín ngưỡng truyền thống thì mỗi ngôi sao chiếu mệnh xuất hiện vào một ngày khác nhau

trong tháng. Từ đó hình thành tục dâng sao giải hạn vào các ngày cụ thể theo từng sao. Nghi lễ tiến hành như sau:

1. SAO THÁI DƯƠNG:

Sắm bài vị màu vàng cùng hương hoa phẩm oản, tiền vàng và 36 đồng tiền. Dâng sao vào ngày 27 hàng tháng, thấp 12 ngọn nến. Hướng về phương Đông làm lễ.

Văn khấn:

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Con kính lạy 9 phương trời, 10 phương Phật

Con lạy Chư Phật 10 phương!

*Nam mô Hiệu Thiện chí tôn Kim Quyết Ngọc
Hoàng thượng đế.*

*Kính lạy Đức Trung Thiện tinh chúa Bắc Cực
tử vi Trùng Sinh Đại đế,*

Kính lạy Tả Nam tào lục ty Duyên Thọ Tinh quân,

*Kính lạy Đức Hữu Bắc Đẩu cửu hàm Giải ách
Tinh quân,*

*Kính lạy Đức Nhật cung Thái Dương Thiên tử
Tinh quân*

*Kính lạy Đức Thượng Thanh Bản mệnh
Nguyên Thân Chân quân.*

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là..... tuổi.....

Ngụ tại.....

*Thành tâm sửa biện hương hoa, lễ vật thiết lập
tại..... làm lễ giải sao Thái Dương chiếu mệnh.*

*Cúi mong chư vị chấp kỳ bạc lễ, phù hộ độ trì,
giải trừ vận hạn, ban phúc lộc thọ cho chúng con
gặp sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên, an
khang thịnh vượng.*

*Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất
tâm bái lạy.*

Cẩn tấu!

2. SAO THÁI ÂM

Sắm bài vị màu vàng, mũ vàng, hương, hoa, quả, phẩm oản, tiền vàng, và 36 đồng tiền. Dâng sao vào ngày 26 hàng tháng, thấp 7 ngọn nến. Hướng về chính Tây làm lễ.

Văn khấn:

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Con kính lạy 9 phương trời, 10 phương Phật

Con lạy Chư Phật 10 phương!

*Nam mô Hiệu Thiên chí tôn Kim Quyết Ngọc
Hoàng Thượng đế.*

*Kính lạy Đức Trung thiên tinh chúa Bắc cực Tử
vi Tràn Sinh Đại đế.*

Kính lạy Tả Nam Tào lục ty Duyên Thọ Tinh quân.

*Kính lạy Đức Hữu Bắc Đẩu cứu hàh Giải ách
Tinh quân.*

*Kính lạy Đức Nguyệt cung Thái Âm Hoàng hậu
Tinh quân.*

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngu tại.....

*Thành tâm sửa biện hương hoa, lễ vật thiết lập
tại (địa chỉ)....*

Làm lễ giải hạn sao Thái Âm chiếu mệnh:

*Cúi mong chư vị chấp kỳ lễ bạc, phù hộ độ trì,
giải trừ vận hạn; ban phúc, lộc, thọ cho chúng con
gặp mọi sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên,
an khang thịnh vượng.*

*Chúng con cúi đầu chí thiết chí thành, nhất
tâm bái lạy.*

Cẩn tấu!

3. SAO MỘC ĐỨC

Sắm bài vị màu xanh, mũ xanh, hương, hoa, phẩm oản, tiền vàng và 36 đồng tiền. Dâng sao vào ngày 25 hàng tháng, thấp 20 ngọn nến. Hướng về chính Đông để làm lễ.

Văn khấn:

Nam mô A-di-đà Phật !

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Con kính lạy 9 phương trời, 10 phương Phật

Con lạy Chư Phật 10 phương!

*Nam mô Hiệu Thiên chí tôn Kim Quyết Ngọc
Hoàng thượng đế.*

*Kính lạy Đức Trung thiên tinh chúa Bắc cực Tử
vi Trùng Sinh Đại đế.*

Kính lạy Tả Nam Tào lục ty Duyên Thọ Tinh quân.

*Kính lạy Đức Hữu Bắc Đẩu cứu hà môn Giải ách
Tinh quân.*

*Kính lạy Đức Đông phương Giáp Ất Mộc Đức
Tinh quân.*

*Kính lạy đức Thượng Thanh Bản mệnh Nguyên
Thần chân quân.*

Hôm nay là ngày 25 tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngu tại.....

Thành tâm sửa biện hương hoa, lễ vật thiết lập tại (địa chỉ)....

Làm lễ giải hạn sao Mộc Đức chiếu mệnh.

Cúi mong chư vị chấp kỳ lễ bạc phù hộ độ trì, giải trừ vận hạn; ban phúc, lộc, thọ cho chúng con gặp mọi sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên, an khang thịnh vượng.

Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất tâm bái lạy.

Cẩn tấu!

4. SAO VÂN HÁN

Sắm bài vị màu đỏ, mũ đỏ, hương, hoa, tiền vàng, phẩm oản và 36 đồng tiền. Dâng sao vào ngày 29 hàng tháng, thấp 15 ngọn nến. Hướng về phương Nam làm lễ.

Văn khấn:

Nam mô A-di-đà Phật !

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Con kính lạy 9 phương trời, 10 phương Phật

Con lạy Chư Phật 10 phương!

*Nam mô Hiệu Thiên chí tôn Kim Quyết Ngọc
Hoàng thượng đế.*

*Kính lạy Đức Trung thiên tinh chúa Bắc cực Tử
vi Trùng Sinh Đại đế.*

Kính lạy Tả Nam Tào lục ty Duyên Thọ Tinh quân.

*Kính lạy Đức Hữu Bắc Đẩu cửu hàm Giải ách
Tinh quân.*

*Kính lạy Đức Nam phương Bính đình Hoả Đức
Tinh quân.*

*Kính lạy đức Thượng Thanh Bản mệnh Nguyên
Thần chân quân.*

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngụ tại.....

*Thành tâm sửa biện hương hoa, lễ vật thiết lập
tại (địa chỉ)....*

Làm lễ giải hạn sao Vân Hán chiếu mệnh.

*Cúi mong chư vị chấp kỳ lễ bạc phù hộ độ trì,
giải trừ vận hạn; ban phúc, lộc, thọ cho chúng con
gặp mọi sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên,
an khang thịnh vượng.*

*Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất
tâm bái lạy.*

Cẩn tấu!

5. SAO THỔ TÚ

Sắm bài vị màu vàng, mũ vàng, hương hoa, tiền vàng, phẩm oản và 36 đồng tiền. Dâng sao vào ngày 19 hàng tháng, thấp 5 ngọn nến. Hường về chính Tây làm lễ.

Văn khấn:

Nam mô A-di-đà Phật !

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Con kính lạy 9 phương trời, 10 phương Phật

Con lạy Chư Phật 10 phương!

*Nam mô Hiệu Thiên chí tôn Kim Quyết Ngọc
Hoàng thượng đế.*

*Kính lạy Đức Trung thiên tinh chúa Bắc cực Tử
vi Trùng Sinh Đại đế.*

Kính lạy Tả Nam Tào lục ty Duyên Thọ Tinh quân.

*Kính lạy Đức Hữu Bắc Đẩu cửu hàm Giải ách
Tinh quân.*

*Kính lạy đức Trung ương Mậu Kỷ Thổ Đức
Tinh quân.*

*Kính lạy đức Thượng Thanh Bản mệnh Nguyên
Thần chân quân.*

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngụ tại.....

*Thành tâm sửa biện hương hoa, lễ vật thiết lập
tại (địa chỉ)....*

Làm lễ giải hạn sao Thổ Tú chiếu mệnh.

*Cúi mong chư vị chấp kỳ lễ bạc phù hộ độ trì,
giải trừ vận hạn; ban phúc, lộc, thọ cho chúng con
gặp mọi sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên,
an khang thịnh vượng.*

*Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất
tâm bái lạy.*

Cẩn tấu!

6. SAO THÁI BẠCH

Sắm bài vị màu trắng, mũ trắng, hương hoa, tiền vàng, phẩm oản và 36 đồng tiền. Dâng sao vào ngày 15 hàng tháng, thấp 8 ngọn nến. Hướng về chính Tây làm lễ.

Văn khấn:

Nam mô A-di-đà Phật !

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Con kính lạy 9 phương trời, 10 phương Phật

Con lạy Chư Phật 10 phương!

*Nam mô Hiệu Thiên chí tôn Kim Quyết Ngọc
Hoàng thượng đế.*

*Kính lạy Đức Trung thiên tinh chúa Bắc cực Tử
vi Tráng Sinh Đại đế.*

Kính lạy Tả Nam Tào lục ty Duyên Thọ Tinh quân.

*Kính lạy Đức Hữu Bắc Đẩu cửu hàm Giải ách
Tinh quân.*

*Kính lạy đức Tây Phương Canh Tân Kim đức
Thái Bạch Tinh quân.*

*Kính lạy đức Thượng Thanh Bản mệnh Nguyên
Thần chân quân.*

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngụ tại.....

*Thành tâm sửa biện hương hoa, lễ vật thiết lập
tại (địa chỉ)....*

Làm lễ giải hạn sao Thái Bạch chiếu mệnh.

*Cúi mong chư vị chấp kỳ lễ bạc phù hộ độ trì,
giải trừ vận hạn; ban phúc, lộc, thọ cho chúng con
gặp mọi sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên,
an khang thịnh vượng.*

*Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất
tâm bái lạy.*

Cẩn tấu!

7. SAO THUỶ DIỆU

Sắm bài vị màu đen, mũ đen, tiền vàng, hương hoa, phẩm oản và 36 đồng tiền. Dâng sao vào ngày 21 hàng tháng, thắp 7 ngọn nến. Hướng về chính Bắc làm lễ.

Văn khấn:

Nam mô A-di-đà Phật !

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Con kính lạy 9 phương trời, 10 phương Phật

Con lạy Chư Phật 10 phương!

*Nam mô Hiệu Thiên chí tôn Kim Quyết Ngọc
Hoàng thượng đế.*

*Kính lạy Đức Trung thiên tinh chúa Bắc cực Tử
vi Tráng Sinh Đại đế.*

Kính lạy Tả Nam Tào lục ty Duyên Thọ Tinh quân.

*Kính lạy Đức Hữu Bắc Đẩu cửu hàm Giải ách
Tinh quân.*

*Kính lạy đức Bắc phương Nhâm quý Thủy đức
Tinh quân.*

*Kính lạy đức Thượng Thanh Bản mệnh Nguyên
Thần chân quân.*

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngụ tại.....

*Thành tâm sửa biện hương hoa, lễ vật thiết lập
tại (địa chỉ)....*

Làm lễ giải hạn sao Thuỷ Diệu chiếu mệnh.

*Cúi mong chư vị chấp kỳ lễ bạc phù hộ độ trì,
giải trừ vận hạn; ban phúc, lộc, thọ cho chúng con
gặp mọi sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên,
an khang thịnh vượng.*

*Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất
tâm bái lạy.*

Cẩn tấu!

8. SAO LA HẦU:

Sắm bài vị màu vàng, mũ vàng, hương hoa, tiền
vàng, phẩm oản và 36 đồng tiền. Dâng sao vào
ngày mồng 8 hàng tháng, thắp 9 ngọn nến. Hướng
về chính Bắc làm lễ.

Văn khấn:

Nam mô A-di-đà Phật !

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Con kính lạy 9 phương trời, 10 phương Phật

Con lạy Chư Phật 10 phương!

Nam mô Hiệu Thiên chí tôn Kim Quyết Ngọc

Hoàng thượng đế.

Kính lạy Đức Trung thiên tinh chúa Bắc cực Tử vi Tráng Sinh Đại đế.

Kính lạy Tả Nam Tào lục ty Duyên Thọ Tinh quân.

Kính lạy Đức Hữu Bắc Đẩu cửu hàm Giải ách Tinh quân.

Kính lạy đức thiên cung Thần thủ La Hầu Tinh quân.

Kính lạy đức Thượng Thanh Bản mệnh Nguyên Thần chân quân.

Hôm nay là ngày..... tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngụ tại.....

Thành tâm sửa biện hương hoa, lễ vật thiết lập tại (địa chỉ)....

Làm lễ giải hạn sao La Hầu chiếu mệnh.

Cúi mong chư vị chấp kỳ lễ bạc phù hộ độ trì, giải trừ vận hạn; ban phúc, lộc, thọ cho chúng con gặp mọi sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên, an khang thịnh vượng.

Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất tâm bái lạy.

Cẩn tấu!

9. SAO KẾ ĐÔ

Sấm bài vị màu vàng, mũ màu vàng, hương hoa, tiền vàng, phẩm oản, và 36 đồng tiền. Dâng sao vào ngày mồng 18 hàng tháng, thắp 21 ngọn nến. Hướng về chính Tây làm lễ.

Văn khấn:

Nam mô A-di-đà Phật !

Nam mô A-di-đà Phật!

Nam mô A-di-đà Phật!

Con kính lạy 9 phương trời, 10 phương Phật

Con lạy Chư Phật 10 phương!

*Nam mô Hữu Thiên chí tôn Kim Quyết Ngọc
Hoàng thượng đế.*

*Kính lạy Đức Trung thiên tinh chúa Bắc cực Tử
vi Trùng Sinh Đại đế.*

Kính lạy Tả Nam Tào lục ty Duyên Thọ Tinh quân.

*Kính lạy Đức Hữu Bắc Đẩu cửu hàm Giải ách
Tinh quân.*

Kính lạy đức Địa Cung Thần Vỹ Kế Đô Tinh quân.

*Kính lạy đức Thượng Thanh Bản mệnh Nguyên
Thần chân quân.*

Hôm nay là ngày.... tháng..... năm.....

Tín chủ con là.....

Ngụ tại.....

Thành tâm sửa biện hương hoa, lễ vật thiết lập tại (địa chỉ)....

Làm lễ giải hạn sao Kế Đô chiếu mệnh.

Cúi mong chư vị chấp kỳ lễ bạc phù hộ độ trì, giải trừ vận hạn; ban phúc, lộc, thọ cho chúng con gặp mọi sự lành, tránh mọi sự dữ, gia nội bình yên, an khang thịnh vượng.

Chúng con cúi đầu chí thiết, chí thành, nhất tâm bái lạy.

Cẩn tấu!

*** Bảng xem tuổi để biết sao chiếu mạng**

TUỔI									SAO ĐÀN ÔNG	SAO ĐÀN BÀ
10	19	28	37	46	55	64	73	82	La Hầu	Kế Đô
11	20	29	38	47	56	65	74	83	Thổ Tú	Vân Hân
12	21	30	39	48	57	66	75	84	Thủy Diệu	Mộc Đức
13	22	31	40	49	58	67	76	85	Thái Bạch	Thái Âm
14	23	32	41	50	59	68	77	86	Thái Dương	Thổ Tú
15	24	33	42	51	60	69	78	87	Vân Hân	La Hầu
16	25	34	43	52	61	70	79	88	Kế Đô	Thái Dương
17	26	35	44	53	62	71	80	89	Thái Âm	Thái Bạch
18	27	36	45	54	63	72	81	90	Mộc Đức	Thủy Diệu

VII. NGHI LỄ THỜ CÚNG TẠI CHÙA, ĐÌNH, ĐỀN, MIẾU, PHỦ

* Ý nghĩa:

Theo tín ngưỡng truyền thống của người Việt Nam, Chùa là nơi thờ Đức Phật cùng chư vị Bồ Tát, Hiền thánh có quyền năng vô biên. Vì vậy mà trong những dịp Lễ Tết hay ngày Rằm, mùng Một, nhân dân ta thường đến Chùa lễ Phật với tấm lòng thành kính, cầu mong các đấng siêu nhiên phù hộ cho bản thân và gia đình, dân tộc mọi điều may mắn, tốt lành... Bên cạnh việc cầu nguyện cho người sống, dân ta cũng tin rằng việc cầu siêu cho người quá cố ở Chùa sẽ giúp vong hồn người đó được siêu thăng tịnh độ. Vì vậy mà khi người thân qua đời được 49 ngày, một số gia đình thường làm chay ở chùa để cầu siêu cho người quá cố.

Cũng như vậy, Đình, Đền, Miếu, Phủ là nơi thờ tự các đấng Thần linh, Thành Hoàng, Thánh Mẫu theo tín ngưỡng văn hoá truyền thống của người Việt Nam từ rất lâu đời. Đây là những bậc tiền nhân có công với làng xã, đất nước trong lịch sử được nhân dân ta tôn làm Thần Thánh để phụng thờ và cứ thế lưu truyền từ đời này sang đời khác cho đến tận ngày nay.

Với đạo lý “Uống nước nhớ nguồn”, hàng năm vào những dịp tuần tiết, sóc vọng hay lễ hội, nhân dân ta đều đến các Đình, Đền, Miếu, Phủ tế lễ để

tỏ lòng tôn kính, nhớ ơn các vị Thánh Thần, đồng thời cầu mong các vị độ trì cho bản thân, gia đình, cộng đồng được bình yên, may mắn, thịnh vượng... Đây là một tập quán sinh hoạt tâm linh không thể thiếu của nhân dân ta. Nó góp phần quan trọng vào việc giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc; đồng thời thể hiện lòng yêu nước nồng-nàn của mỗi con người Việt Nam.

Thời xưa, người đến Chùa hay Đình, Đền, Miếu, Phủ để lễ Phật, Thánh, Thần bao giờ cũng ăn mặc khăn đóng áo dài thật trang trọng, chỉnh tề. Vì nơi đây được xem là nơi tôn nghiêm nên mọi hành động, cử chỉ phải đúng phép tắc để tỏ rõ lòng thành kính. Từ việc đi lại, nói năng hết sức nhẹ nhàng, cho đến việc vái lạy trước các ban thờ Phật, Thánh, Thần đều phải kính cẩn, thành tâm. Ngày nay, tuy xã hội đã phát triển hơn nhiều, văn hoá Việt Nam cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều của văn hoá phương Tây nhưng lễ nghi tại các nơi thờ tự này vẫn được xem trọng và gìn giữ. Khi đến những nơi tôn nghiêm này, tuy người ta không mặc áo tứ thân, khăn xếp như xưa nhưng cũng ý tứ, ăn mặc kín đáo, nghiêm túc, lịch sự. Không bao giờ người ta ăn mặc hở hang hay có những hành động, thái độ khiếm nhã, bất kính ở nơi này. Đây là một phong tục cổ truyền, một lối sinh hoạt văn hoá đẹp đẽ của dân tộc mà mỗi người Việt Nam chúng ta đều phải biết trân trọng, giữ gìn.

1. NGHI LỄ THỜ CÚNG TẠI CHÙA

1. Sắm lễ:

Theo phong tục, lễ vật dâng hương tại Chùa chỉ là những lễ chay như: hương, hoa tươi, quả chín, xôi chè... (tuyệt đối không được dâng lễ mặn tại bàn thờ Phật).

Nếu Chùa có điện thờ Đức Ông xây riêng thì có thể dâng lễ mặn ở điện này.

2. Hành lễ:

Trước tiên phải đặt lễ và làm lễ ở ban thờ Đức Ông. Sau đó tiếp tục đặt lễ lên hương án của chính điện, thắp đèn nhang, thỉnh 3 hồi chuông rồi làm lễ chư Phật, Bồ Tát.

Sau khi lễ ở chính điện xong thì đi thắp hương ở tất cả các bàn thờ khác của nhà Bái Đường. Khi thắp hương lên đều có lễ 3 (hoặc 5) lễ. Nếu chùa nào có điện thờ Mẫu, Tứ Phủ thì đến đó đặt lễ, dâng hương cầu khẩn theo ý nguyện.

Cuối cùng thì lễ ở nhà thờ Tổ (nhà Hậu).

3. Lễ tạ

Đợi khi tuần hương cháy hết thì đến các ban lễ tạ để hạ lễ. Lễ tạ cũng tuần tự như lúc dâng lễ.

Sau khi lễ tạ xong, người dâng hương nên đến nhà trai giới hay phòng tiếp khách để thăm hỏi các vị sư, tăng trụ trì và có thể tùy tâm công đức.

Ngày nay, nhiều Chùa thường đặt sẵn hòm công đức ở trước mỗi ban. Khách thập phương tới lễ có thể tùy tâm bỏ tiền công đức vào đó

2. NGHI LỄ THỜ CÚNG TẠI ĐÌNH, ĐỀN, MIẾU, PHỦ

1. Sắm lễ:

Theo phong tục cổ truyền, khi đi lễ ở Đình, Đền, Miếu, Phủ bao giờ người ta cũng mang theo lễ vật. Lễ vật nhiều hay ít, sang hay mọn là tùy tâm mỗi người, có thể dâng lễ chay hoặc lễ mặn.

- Lễ chay gồm: hương hoa, trà quả, phẩm oản, tiền vàng, nón, hia... dùng dâng cúng ở ban Thánh Mẫu.

- Lễ mặn gồm những món chín như: giò, chả, bánh chưng, gà, lợn... dùng dâng cúng ở bàn thờ Ngũ vị quan lớn (ban công đồng).

- Lễ đồ sống gồm: trứng, gạo, muối, thịt... kèm theo tiền vàng mã, dùng dâng cúng riêng ở ban thờ Ngũ hổ, Bạch xà, Thanh xà đặt ở hạ ban công đồng tứ phủ.

- Lễ mặn sơn trang gồm: 15 con ốc, 15 con cua, 15 quả ớt, 15 quả chanh (hoặc 1 quả khế làm 15 phần) dùng dâng cúng ở ban sơn trang.

- Lễ Thành Hoàng gồm: chân giò lợn luộc, xôi, rượu, tiền vàng...

- Lễ ban thờ cô, cậu: phẩm oản, hương hoa, và những đồ dùng, đồ chơi hàng mã được làm bằng

giấy xinh xắn, đẹp mắt...

2. Hành lễ:

Khi đến lễ ở Đình, Đền, Miếu, Phủ thì bao giờ cũng lễ thần Thổ địa trước. Theo tín ngưỡng truyền thống thì những nơi này đều có Thần linh Thổ địa trông coi, vì vậy phải lễ vị thần này trước để Ngài cho phép vào dâng lễ tại Đình, Đền, Miếu, Phủ.

Tiếp đó, người ta bày biện lễ vật ra khay và dâng lên các ban. Khi dâng lễ phải kính cẩn dùng hai tay đặt cẩn thận lên bàn thờ. Đặt lễ theo thứ tự từ ban chính trở ra ban ngoài. Khi đặt xong lễ vật mới bắt đầu thắp hương.

Thắp hương bao giờ cũng thắp số lẻ và thắp từ ban chính trở ra. Dùng hai tay dâng hương lên ngang trán, vái ba vái rồi kính cẩn cắm vào bình hương. Sau đó thỉnh ba hồi chuông rồi khấn lễ.

3. Lễ tạ

Đợi khi tuần nhang cháy hết thì thắp thêm một tuần nhang nữa lên các ban. Thắp xong, vái ba vái trước mỗi ban rồi hạ tiền vàng, đồ mã... đem hoá (đốt). Khi hoá vàng cũng phải hoá thứ tự từ lễ của ban thờ chính cho tới các ban ngoài, cuối cùng là ban thờ Cô, Cậu.

Hoá tiền vàng xong thì hạ các lễ dâng cúng khác. Khi hạ lễ phải hạ từ ban ngoài trở vào ban chính. Riêng các đồ lễ (đồ mã) ở bàn thờ Cô, Cậu thì

để nguyên hoặc gom vào nơi để chung mà không đem về.

Từ xưa tới nay, bao giờ trước khi ra về, các con hương tới lễ cũng dành một phần lộc nhỏ và một số tiền tùy tâm đặt vào khay để biếu lại người thủ Đình, Đền, Miếu, Phủ. Vị này thường dùng số tiền ấy để mua hương đăng, đèn nến cho nơi thờ tự.

Ngày nay, ở một số Đình, Đền, Miếu, Phủ người ta thường đặt sẵn hòm công đức ở lối cửa ra vào. Khách thập phương đến lễ thường bỏ một số tiền nhỏ tùy tâm vào đó. Số tiền này được gom góp lại để mua hương đăng và tu sửa nơi thờ tự khi cần thiết.

CHƯƠNG III

CÁC PHONG TỤC KHÁC

I. PHONG THUỶ VỚI NGÔI NHÀ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM

1. VÀI NÉT VỀ PHONG THUỶ CỔ TRUYỀN

Phong thủy cổ truyền được coi là lý luận kiến trúc cổ đại của người Phương Đông. Vì vậy có thể nói đây là một bộ phận quan trọng tạo nên văn hoá kiến trúc truyền thống Phương Đông. Với nội dung phong phú về mọi phương diện bao hàm tri thức tự nhiên, triết lý nhân sinh, mỹ học truyền thống, quan niệm lý luận... trên thực tế, phong thủy chính là một học thuyết nghiên cứu về mối tương quan giữa con người và môi trường sống trên mọi phương diện. Căn cứ vào những kết quả nghiên cứu này, Phong thủy giúp ta trọn lành tránh dữ trong việc kiến trúc thành phố, khuôn viên, khu dân cư, khu thương mại, nhà ở, lăng tẩm, mộ phần...

Từ đó nó mang đến cho con người một môi

trường sống tốt nhất cả về sức khoẻ lẫn tinh thần.

Đối với người Việt Nam, Phong thủy về nhà ở đặc biệt được xem trọng. Nó không chỉ là một học thuyết lý thuyết mà đã trở thành tư duy tín ngưỡng của nhân dân ta về sự hoà hợp Âm - Dương, Trời - Đất với con Người. Vì vậy mà khi xây cất nhà cửa, người ta thường xem xét các yếu tố về mặt phong thủy một cách kỹ lưỡng. Sau đây xin giới thiệu một vài quan điểm phong thủy về nhà ở của người Việt Nam để bạn đọc tham khảo.

2. PHONG THỦY VÀ NGÔI NHÀ CỦA BẠN

1. Chọn đất làm nhà

Trong việc chọn đất làm nhà, chủ trương của Phong thủy là phải chọn được mảnh đất vừa hài hoà với tự nhiên, vừa có lợi cho sinh hoạt, sức khoẻ, công danh sự nghiệp... của những người sống trong ngôi nhà đó. Phong là gió, tức là hiện tượng không khí chuyển động; Thủy là nước, tức là long mạch của đất. Phong thủy lợi dụng cái “khí” của trời và “mạch” của đất để tìm được nơi dương trạch mà khi ở đó, con người có thể “nhận được linh khí, thu được ánh sáng của trời đất; bồi bổ tinh thần, bồi dưỡng khí hao”. Theo Phong thủy thì khi chọn đất làm nhà phải chú ý những điều sau:

a. Chất đất

Trước khi mua đất làm nhà, bạn phải xem chất đất thật cẩn thận vì nó sẽ ảnh hưởng tới tài vận của

cả gia đình bạn. Bạn có thể xem chất đất như sau:

Đào sâu xuống nền đất khoảng 1m. Nếu thấy đất đỏ là rất tốt vì về mặt địa chất nó thuộc diện cứng nên khi xây dựng sẽ không bị lún, về mặt phong thủy nó thuộc diện đất lạnh. Đất lý tưởng nhất là đất sét pha cát hoặc đất sét.

Nếu thấy đất mềm, đất lầy toàn gạch đá, đất quá khô cằn hay quá ẩm thấp thì đều là tướng đất rất xấu (hung). Bạn không nên xây nhà trên những mảnh đất có địa chất như thế để tránh bất hạnh về sau.

b. Tướng đất

Về tướng đất, trước hết bạn không nên làm nhà trên những mảnh đất có vết tích xấu như: di tích của đền chùa, di tích của mồ mả, đất ruộng vườn, những nơi có chất bẩn không sạch sẽ, những nơi đã từng xảy ra hỏa hoạn. Ngoài ra bạn còn phải chú ý đến hình thế đất:

Đất hình tròn, hình tam giác, hình quả trám, hình thang, hình chữ U là những tướng đất xấu. Nếu làm nhà trên mảnh đất có một trong các hình thế trên thì vận của chủ nhà suy vong hoặc là người trong nhà đau yếu, ly tán.

Đất hình chữ nhật, hình bầu dục là tướng tốt, thích hợp cho việc làm nhà. Đất hình vuông thích hợp cho việc mở cửa hàng kinh doanh, đất hình chữ T thì tùy theo cách sử dụng mà nó trở thành tốt hay xấu, vì vậy khi làm nhà trên đất có hình thế

này thì nên mời chuyên gia thiết kế.

c. Địa hình địa thế:

Coi “tựa núi, nước bề mặt và hướng mặt trời” là phương vị tự nhiên tốt nhất để chọn nền móng xây dựng nhà cửa.

d. Hướng gió:

Chọn phương vị tự nhiên về “cửa gió, luồng gió” (kể cả cửa lớn và cửa sổ). Cửa lớn không được đối diện thẳng với cửa gió. Nếu cần phải làm bình phong chắn gió, còn cửa sổ làm sao để ánh sáng lọt vào nhà.

e. Nước:

Chọn “nước” thì quan trọng nhất là chọn cho được việc cấp và thoát nước cho nhà cửa. Để lấy nước và cũng để thoát nước.

f. Hướng nhà (phương vị)

Hướng nhà tốt nhất là chính Nam. Nam lệch Tây 30^0 hoặc Nam lệch Đông 30^0 . Còn việc không gian nhà cao hay thấp, to hay nhỏ, mức độ chiếu sáng tường phòng làm sao cho thích hợp là được.

2. Xây dựng nhà

a. Tướng pháp xây dựng nhà

- Nhà vừa sâu vừa hẹp là tướng tốt. Mọi người sống trong nhà luôn vui vẻ, hoà thuận, công việc hanh thông.

- Nhà vừa nông vừa rộng là tướng xấu. Công việc của chủ nhà không tập trung, tài sản phân tán.

- Nhà có chiều rộng gấp 5 hoặc 8 lần chiều sâu là tướng xấu. Người trong nhà thường bất hoà, đau ốm hoặc phá sản.

- Nhà vuông vắn nếu làm nhà thờ hoặc đền miếu thì tốt, nhưng làm nhà ở là tướng xấu. Người trong nhà sự nghiệp khó tiến triển, vận khí trở ngại.

- Nhà có hai gian hợp thành một, hoặc phá tường ngăn giữa hai gian làm một là tướng xấu. Gia vận dần dần suy yếu.

- Nhà mái bằng mà lên tầng hai là tướng xấu. Vận của chủ nhà dần dần suy thoái.

- Nhà có gian phòng lòi ra để làm bàn thờ cúng là tướng xấu. Con cái của chủ nhà thường ốm đau, gãy còm, chết yểu.

- Nhà mà tầng hai để thông lên sân thượng là tướng xấu, chủ nhà dễ phá sản.

- Nhà mà cửa chính đặt ở quanh cột trụ là tướng xấu. Nó cản trở sự tiến triển của gia vận, còn gây nên bệnh nan y, bị trộm cướp, gia đình bất hoà.

- Nhà mà dựng ngược cột hoặc có cột trên to dưới bé là tướng xấu. Người trong nhà dễ bị tai nạn.

- Nhà có dầm bằng gỗ nổi là tướng xấu. Người kế thừa sẽ bị thương vong hoặc kết cục cuối đời thê thảm.

- Nhà mà cầu thang ở chính giữa nhà là tướng

xấu. Gia vận nhanh chóng suy thoái.

b. Tương pháp của cửa sổ

- Cửa sổ hướng Đông thì sự thông gió tốt, bốn mùa trong năm đều có ánh sáng mặt trời. Chủ nhà làm ăn thuận lợi, gia đình hạnh phúc đoàn viên, gia vận tiến tới.

- Cửa sổ hướng Tây mùa đông thì lạnh, mùa hè thì nóng, khi không cần thiết vẫn bị ánh sáng mặt trời chiếu vào. Người ở trong nhà dễ sinh bệnh tật, bất hoà.

- Cửa sổ hướng Nam là tướng cát, nếu hướng này cửa được mở rộng toàn phần thì càng tốt. Người ở trong nhà luôn khoẻ mạnh, may mắn, gia vận hưng vượng.

- Cửa sổ hướng Bắc thì vợ chủ nhà thường mắc bệnh phụ nữ, cả đời đau ốm.

c. Tương pháp của cổng vào nhà

- Nhà nhỏ mà cổng to là tướng xấu, người trong nhà thường bất hoà, ly tán, sự nghiệp khó thành đạt.

- Cổng lớn và tường bao nằm trên cùng một đường thẳng là tướng xấu, người trong nhà hay đau ốm.

- Đứng ở ngoài có thể nhìn xuyên qua cổng vào cửa chính của ngôi nhà là tướng xấu rất xấu. Gia vận suy vong.

d. Sáu điều thuận về “phong thủy” cho nhà ở

+ Địa thế nền nhà tốt nhất là trước thấp, sau cao; ngược lại là không tốt.

- Trước mặt địa hình có khoảng trống là tốt; không có là xấu.

- Địa chất nền nhà phải cứng, chặt mịn; đất mềm thì xấu.

- Địa thế nhà thuận lợi giao thông ra vào, yên tĩnh an toàn; ra cửa là gặp đường thông thoáng; tạp âm, bụi cát vào nhà là xấu.

- Tường vây quanh nhà quá cao là không tốt, có hại cho sức khoẻ.

- Tường vây quanh nhà mà sát vào tường nhà là không tốt, tính an toàn kém.

e. Những điều cấm kỵ “phong thủy” cho nhà ở:

- Không làm nhà trên sống núi hoặc nơi ra vào của thung lũng.

- Không làm nhà trên giếng cạn bỏ hoang.

- Không làm nhà ở chỗ ngã ba, ngã tư đường, ở góc rẽ đường cái, ở ngõ cụt.

- Không làm nhà ở cạnh miếu mạo chùa chiền.

- Khi làm nhà không được để con đường hay ngõ đâm thẳng vào cửa nhà.

- Không làm nhà ở nơi có cầu chĩa thẳng vào nhà.

- Không làm nhà có cửa nhìn ra núi hoặc đồng đá lớn không di dời đi được.

- Không làm nhà có cửa chính nhìn ra con

đường hình vòng cung dạng chữ S.

- Không làm nhà trên nền kho, bãi cũ.

- Không làm nhà ở chỗ đầu đường chữ T vì dễ bị gió bão lật đổ, hoả hoạn và tai nạn do xe cộ.

f. Những điều không nên “phong thủy” cho nhà ở:

- Không nên phạt cây cối phía Tây Bắc nhà, nếu không có cây thì nên trồng cây và trồng nhiều, vì gió Tây Bắc vừa mạnh lại vừa lạnh, trồng cây để tránh gió, cát.

- Không nên làm nhà cao hơn xung quanh, vì chim chóc sẽ kéo đến ở lại dễ bị gió, an toàn kém, bốn bề lộ liễu, làm cho người xung quanh mất an tâm, không có điều kiện che nắng, không lợi cho sức khỏe.

- Khi trong nhà có người mang thai thì không nên sửa nhà. Vì khi sửa chữa trang trí có dùng đến nhiều loại hoá chất, chất độc dễ bốc bay không có lợi cho thai nhi, có thể gây ra quái thai, đẻ non và truy thai.

3. HƯỚNG NHÀ VỚI TUỔI CỦA BẠN

Khi xây cất nhà cửa, nhân dân ta không chỉ xem xét cẩn thận về mặt Phong thủy mà còn xem cả sự hoà hợp giữa hướng nhà với tuổi cầm tinh con giáp của chủ nhà. Theo quan niệm truyền thống, nếu có được hướng nhà phù hợp thì chủ nhà và những người sống trong ngôi nhà ấy sẽ luôn khỏe

manh, may mắn và ngược lại. Sau đây là hướng nhà phù hợp với các tuổi:

1. Tuổi Tý

** Hướng nhà ở phù hợp là:*

Toạ Đông hướng Tây ⁽¹⁾. Toạ Bắc hướng Nam.
Toạ Tây hướng Đông.

** Hướng nhà ở không hợp là:*

Toạ Nam hướng Bắc.

** Hướng đặt bàn làm việc để mọi việc may mắn, thuận lợi:*

Người sinh năm Giáp Tý hợp hướng Đông Nam.

Người sinh năm Bính Tý hợp hướng chính Tây.

Người sinh năm Mậu Tý hợp hướng chính Bắc.

Người sinh năm Canh Tý hợp hướng chính Đông.

Người sinh năm Nhâm Tý hợp hướng Đông Nam.

2. Tuổi Sửu:

** Hướng nhà ở phù hợp là:*

Toạ Bắc hướng Nam. Toạ Tây hướng Đông. Toạ Nam hướng Bắc.

** Hướng nhà ở không hợp là:*

Toạ Đông hướng Tây. Toạ Nam hướng Bắc.

(1) Toạ Đông hướng Tây: là lưng nhà hướng Đông, mặt nhà hướng về Tây.

** Hướng đặt bàn làm việc để mọi việc may mắn, thuận lợi:*

Người sinh năm Ất Sửu hợp hướng Đông Nam.

Người sinh năm Đinh Sửu hợp hướng chính Tây.

Người sinh năm Kỷ Sửu hợp hướng chính Bắc.

Người sinh năm Tân Sửu hợp hướng chính Đông.

Người sinh năm Quý Sửu hợp hướng chính Nam.

3. Tuổi Dần

** Hướng nhà ở phù hợp là:*

Toạ Đông hướng Tây. Toạ Nam hướng Bắc. Toạ Tây hướng Đông.

** Hướng nhà ở không hợp là:*

Toạ Bắc hướng Nam. Toạ Tây hướng Đông.

** Hướng đặt bàn làm việc để mọi việc may mắn, thuận lợi:*

Người sinh năm Giáp Dần hợp hướng Đông Nam.

Người sinh năm Bính Dần hợp hướng chính Tây.

Người sinh năm Mậu Dần hợp hướng chính Đông.

Người sinh năm Canh Dần hợp hướng chính Đông.

Người sinh năm Nhâm Dần hợp hướng chính Nam.

4. Tuổi Mão

** Hướng nhà ở phù hợp là:*

Toạ Bắc hướng Nam. Toạ Tây hướng Đông. Toạ

Đông hướng Tây.

** Hướng nhà ở không hợp là:*

Toạ Tây hướng Đông.

** Hướng đặt bàn làm việc để mọi việc may mắn, thuận lợi:*

Người sinh năm Ất Mão hợp hướng Đông Nam.

Người sinh năm Đinh Mão hợp hướng Tây Nam.

Người sinh năm Kỷ Mão hợp hướng chính Bắc.

Người sinh năm Tân Mão hợp hướng chính Đông.

Người sinh năm Quý Mão hợp hướng chính Nam.

5. Tuổi Thìn

** Hướng nhà ở phù hợp là:*

Toạ Tây hướng Đông. Toạ Bắc hướng Nam. Toạ Đông hướng Tây.

** Hướng nhà ở không hợp là:*

Toạ Nam hướng Bắc.

** Hướng đặt bàn làm việc để mọi việc may mắn, thuận lợi:*

Người sinh năm Giáp Thìn hợp hướng chính Đông.

Người sinh năm Bính Thìn hợp hướng chính Bắc.

Người sinh năm Mậu Thìn hợp hướng chính Tây.

Người sinh năm Canh Thìn hợp hướng Đông Nam.

Người sinh năm Nhâm Thìn hợp hướng chính Nam.

6. Tuổi Tị:

** Hướng nhà ở phù hợp là:*

Toạ Nam hướng Bắc. Toạ Bắc hướng Nam.

** Hướng nhà ở không hợp là:*

Toạ Đông hướng Tây.

** Hướng đặt bàn làm việc để mọi việc may mắn, thuận lợi:*

Người sinh năm Đinh Tỵ hợp hướng chính Tây.

Người sinh năm Kỷ Tỵ hợp hướng chính Bắc.

Người sinh năm Tân Tỵ hợp hướng chính Nam.

Người sinh năm Quý Tỵ hợp hướng chính Nam.

Người sinh năm Ất Tỵ hợp hướng Tây Bắc.

7 Tuổi Ngọ:

** Hướng nhà ở phù hợp là:*

Toạ Đông hướng Tây. Toạ Tây hướng Đông. Toạ Nam hướng Bắc.

** Hướng nhà ở không hợp là:*

Toạ Bắc hướng Nam.

** Hướng đặt bàn làm việc để mọi việc may mắn, thuận lợi:*

Người sinh năm Giáp Ngọ hợp hướng Đông Nam.

Người sinh năm Bính Ngọ hợp hướng chính Tây.

Người sinh năm Mậu Ngọ hợp hướng chính Bắc.

Người sinh năm Canh Ngọ hợp hướng chính Đông.

Người sinh năm Nhâm Ngọ hợp hướng chính Nam.

8. Tuổi Mùi:

** Hướng nhà ở phù hợp là:*

Toạ Đông hướng Tây. Toạ Nam hướng Bắc. Toạ Bắc hướng Nam.

** Hướng nhà ở không hợp là:*

Toạ Tây hướng Đông.

** Hướng đặt bàn làm việc để mọi việc may mắn, thuận lợi:*

Người sinh năm Ất Mùi hợp hướng Đông Nam.

Người sinh năm Kỷ Mùi hợp hướng chính Bắc.

Người sinh năm Tân Mùi hợp hướng chính Nam.

Người sinh năm Quý Mùi hợp hướng chính Nam.

Người sinh năm Đinh Mùi hợp hướng chính Tây.

9. Tuổi Thân:

** Hướng nhà ở phù hợp là:*

Toạ Bắc hướng Nam. Toạ Tây hướng Đông. Toạ Đông hướng Tây.

** Hướng nhà ở không hợp là:*

Toạ Nam hướng Bắc. (Hướng Bắc là hướng rất xấu đối với tuổi Thân).

** Hướng đặt bàn làm việc để mọi việc may mắn,*

thuận lợi:

Người sinh năm Giáp Thân hợp hướng Đông Nam.

Người sinh năm Bính Thân hợp hướng chính Tây.

Người sinh năm Mậu Thân hợp hướng chính Bắc.

Người sinh năm Canh Thân hợp hướng chính Đông.

Người sinh năm Nhâm Thân hợp hướng chính Nam.

10. Tuổi Dậu:

** Hướng nhà ở phù hợp là:*

Toạ Bắc hướng Nam. Toạ Nam hướng Bắc. Toạ Tây hướng Đông.

** Hướng nhà ở không hợp là:*

Toạ Đông hướng Tây.

** Hướng đặt bàn làm việc để mọi việc may mắn, thuận lợi:*

Người sinh năm Ất Dậu hợp hướng Đông Nam.

Người sinh năm Đinh Dậu hợp hướng chính Tây.

Người sinh năm Kỷ Dậu hợp hướng chính Bắc.

Người sinh năm Tân Dậu hợp hướng Đông Nam.

Người sinh năm Quý Dậu hợp hướng chính Nam.

11. Tuổi Tuất:

** Hướng nhà ở phù hợp là:*

Toạ Đông hướng Tây.

** Hướng nhà ở không hợp là:*

Toạ Bắc hướng Nam.

** Hướng đặt bàn làm việc để mọi việc may mắn, thuận lợi:*

Người sinh năm Bính Tuất hợp hướng chính Tây.

Người sinh năm Mậu Tuất hợp hướng chính Bắc.

Người sinh năm Canh Tuất hợp hướng Đông Nam.

Người sinh năm Nhâm Tuất hợp hướng chính Nam.

Người sinh năm Giáp Tuất hợp hướng Tây Nam.

12. Tuổi Hợi:

** Hướng nhà ở phù hợp là:*

Toạ Bắc hướng Nam. Toạ Đông hướng Tây. Toạ Nam hướng Bắc.

** Hướng nhà ở không hợp là:*

Toạ Tây hướng Đông.

** Hướng đặt bàn làm việc để mọi việc may mắn, thuận lợi:*

Người sinh năm Ất Hợi hợp hướng Đông Nam.

Người sinh năm Đinh Hợi hợp hướng Tây Bắc.

Người sinh năm Tân Hợi hợp hướng chính Đông.

Người sinh năm Quý Hợi hợp hướng chính Nam.

Người sinh năm Kỷ Hợi hợp hướng chính Nam.

4. NGÀY HOÀNG ĐẠO, NGÀY HẮC ĐẠO

Theo tính toán của các nhà Chiêm tinh, Thiên văn lịch pháp cổ phương Đông thì trong mỗi tháng của các năm đều có những ngày tốt gọi là Hoàng đạo, và ngày xấu gọi là ngày Hắc đạo.

Ngày Hoàng đạo dùng để tiến hành các việc lớn như: cưới hỏi, động thổ xây dựng, khai trương, an táng, cải táng... thì sẽ rất thuận lợi, hanh thông.

Ngày Hắc đạo thì không nên làm những việc như: động thổ xây dựng, xây cất nhà bếp, cưới hỏi, an táng, cải táng...

Dưới đây là bảng tính ngày Hoàng đạo và Hắc đạo cho vạn năm:

Tháng âm lịch	Ngày Hoàng Đạo	Ngày Hắc Đạo
Giêng – Bảy	Tý, Sửu, Tị, Mùi	Ngọ, Mão, Hợi, Dậu
Hai – Tám	Dần, Mão, Hợi, Dậu	Thân, Tị, Hợi, Sửu
Ba - Chín	Thìn, Tị, Dậu, Hợi	Tuất, Mùi, Mão, Sửu
Tư - Mười	Ngọ, Mùi, Hợi, Sửu	Tý, Dậu, Mão, Tị
Năm – Mười Một	Thân, Dậu, Sửu, Mão	Dần, Hợi, Mùi, Tị
Sáu – Chạp	Tuất, Hợi, Mão, Tý	Thìn, Sửu, Mùi, Dậu

II. BIỂU TƯỢNG CỦA CÁC LOÀI HOA

Anh Đào

Hoa Anh Đào cánh mỏng và chóng tàn, chỉ cần một làn gió thoảng qua là đã rụng. Vì vậy nó biểu trưng cho cái chết lý tưởng, không vương vấn lợi ích trần gian.

Hoa Bướm (Hoa Păngxê)

Hoa Bướm có năm cánh. Con số đó rơi đúng vào biểu tượng của con người. Nó chỉ rõ cái chỉ có riêng ở con người, đó là tư duy. Vì vậy loài hoa bướm biểu trưng cho sự trầm tư và suy nghĩ.

Hoa Cúc

Những cánh hoa Cúc được sắp xếp có quy củ như những tia sáng phát ra từ một tâm khiến người ta liên tưởng đến hình tượng Mặt trời. Vì vậy hoa Cúc biểu trưng cho sự trường thọ và bất tử. Cúc là hoa của mùa thu, mùa của sự thanh bình, êm ả nên hoa Cúc còn biểu trưng cho niềm vui, sự hoan hỉ.

Hoa Cúc gai

Cúc gai được coi như một thứ cây khó tính và khó chịu. Cũng như các thực vật có gai, nó là biểu tượng của sự tự vệ từ xa, bảo vệ trái tim khỏi những tấn công nguy hại từ bên ngoài. Và như vậy nó biểu trưng cho tính hà khắc, lòng thù ghét người đời và tình thần báo thù.

Hoa Hồng

Hoa Hồng biểu thị một sự toàn thiện, toàn mỹ. Nó tượng trưng cho phần thưởng của cuộc sống, tâm hồn, trái tim và tình yêu. Nó còn là biểu tượng cho sự phục sinh và bất tử.

Hoa Hồng trở thành biểu tượng của tình yêu và còn hơn thế nữa, của sự dâng hiến tình yêu, của tình yêu trong trắng.

Hoa Huệ Tây

Hoa Huệ Tây tượng trưng cho sự trong trắng, ngây thơ và trinh bạch, được coi là biểu tượng của vẻ trong trắng thuần khiết.

Hoa Hướng Dương

Hoa Hướng Dương tượng trưng cho sự bất lực trong việc chế ngự niềm say đắm của bản thân và sự nhạy cảm dưới ảnh hưởng của người yêu. Với hương thơm nhẹ nhàng, hoa hướng dương tượng trưng cho sự say sưa vinh quang và ái tình.

Hoa Mận

Hoa Mận đôi khi tượng trưng cho mùa đông vì nó nở về cuối đông. Do đó, nó là biểu tượng của sự đổi mới, tuổi thanh xuân chớm nở. Nó cũng là biểu tượng của sự thuần khiết vì những đoá hoa Mận nở trên cành khi cây chưa có lá.

Hoa Mẫu Đơn

Với người Trung Quốc, hoa Mẫu Đơn là biểu

tượng của cảnh phú quý vì loài hoa này có dáng vẻ đẹp và màu đỏ rực rỡ. Nhưng với người Việt Nam, loài hoa này lại là biểu tượng của sự e thẹn hoặc xấu hổ.

Hoa Sen

Hoa Sen nở trong trắng, thơm ngát giữa vùng nước bẩn là một hình ảnh của đức hạnh, vẫn có thể thanh khiết và nguyên vẹn giữa xã hội đầy những điều xấu xa mà không cần phải lui về nơi hoang vắng.

Hoa Thu Mẫu Đơn

Hoa Thu Mẫu Đơn trước hết tượng trưng cho tính phù du của cuộc đời. Là bông hoa màu máu, nở bởi gió và cũng bị gió cuốn đi, Thu Mẫu Đơn biểu trưng cho sự phong phú và hoang phí; đồng thời là tính mong manh, bấp bênh của cuộc sống.

Hoa Thuỷ Tiên

Ở Châu Á, hoa Thuỷ Tiên là một biểu tượng của hạnh phúc và thường dùng để bày tỏ những lời chúc mừng năm mới. Đối với các nhà thơ Ai Cập, hoa Thuỷ Tiên với cánh hoa thẳng tượng trưng cho con người ngay thẳng, người đầy tố siêng năng, người sùng đạo muốn chuyên tâm phụng sự Chúa Trời.

Hoa Trinh Nữ

Trong các loài hoa, hoa Trinh Nữ là biểu tượng của an toàn, theo nghĩa rộng là biểu tượng của niềm tin.

Hoa Lan

Hoa Lan (Phong Lan, Địa Lan) là biểu tượng

của tính toàn mỹ và trong sáng về tinh thần. Người Việt Nam coi Phong Lan gắn liền với các lễ hội xuân, nó biểu trưng cho sự quan tâm sâu sắc và sức sống bền bỉ.

Hoa Cẩm chướng

Đây là loài hoa tượng trưng cho tình bạn, mong muốn hoà hảo. Bởi vậy nên tặng hoa cẩm chướng cho bạn mình sau một cuộc cãi cọ, một sự hiểu lầm.

2. Ý NGHĨA CỦA CÁC LOÀI HOA

Trong nghệ thuật tặng hoa, mỗi loài hoa đều mang một ý nghĩa riêng. Sau đây xin giới thiệu để bạn đọc tham khảo:

Hoa Đào: chúc mừng một năm mới hạnh phúc, báo hiệu một mùa xuân đẹp.

Hoa Đại: thể hiện sự tương tư, ngậm biểu thị người tặng hoa đang tương tư đấy.

Hoa Đồng tiền đỏ: người được tặng hoa chính là ngọn lửa sưởi ấm tình yêu.

Hoa Đồng tiền hồng: chúc người được tặng hoa làm ăn phát đạt.

Hoa Đồng tiền trắng: bạn là thần tượng của người tặng hoa.

Hoa Bưởi: thể hiện một tình yêu thâm lặng, kín đáo.

Hoa Bằng lăng: hãy giữ mãi những kỷ niệm đẹp.

Hoa Bất tử: một tình yêu mãi mãi.

Hoa Cẩm chương: tình bạn sẽ mãi ở trong chúng ta.

Hoa Đồng tiền đỏ: tin tưởng nhau.

Hoa Cẩm chương trắng: tình cảm nồng nàn.

Hoa Cẩm chương vàng: dành cho bạn một tình cảm nồng nàn.

Hoa Cúc tím: bạn là người tôi luôn yêu mến.

Hoa Thạch thảo: nổi lưu luyến chia tay.

Hoa Cúc trắng: giận dỗi.

Hoa Dâm bụt: bạn thật ngu xuẩn.

Hoa Dạ lan: tình cảm kín đáo, sâu nặng.

Hoa Giấy: có lẽ chúng mình không hợp nhau.

Hoa Hương dương: chung thủy sắt son.

Hoa Hải đường: mong chúng ta là bạn thân.

Hoa Hồng đỏ: tôi yêu bạn say đắm và mãnh liệt.

Hoa Hồng đen: tình cảm thâm lặng.

Hoa Hồng bạch: tình yêu rất trong sáng và hy vọng.

Hoa Hồng màu phấn hồng: tình yêu ban đầu.

Hoa Hồng vàng: có sự không chung thủy, chia xa vĩnh viễn.

Hoa Hồng màu xác pháo: luôn đau khổ vì tình cảm hiện tại.

Hoa Lưu ly: xin đừng quên tôi.

Hoa Lưu: không nên tự kiêu quá.

Hoa Lay ơn: tình cảm thiêng liêng nhất, xe hoa
đỗ ngoài ngõ.

Hoa Loa kèn: bạn là người kiên nghị, tài trí
nhưng xin bạn hãy tế nhị.

Hoa Lý: nổi thâm kín thanh cao.

Hoa Mười giờ: mong bạn luôn đúng giờ, hẹn gặp lại.

Hoa Mào gà: tình yêu luôn rực cháy không bao
giờ tắt ở tôi.

Hoa Mỡm sỏi: tôi luôn vui vẻ vì có bạn.

Hoa Mẫu đơn: tha thứ cho bạn.

Hoa Mai: tình bạn thân thiết, tình yêu thắm
thiết và trong sáng.

Hoa Mai đào: chúc tương lai của bạn tốt đẹp.

Hoa Mua trắng: giận dỗi.

Hoa Ngâu: đó là thời điểm thuận lợi để tỏ tình.

Hoa Ngọc lan: tình yêu thâm kín ấp ủ trong lòng.

Hoa Nhài trắng: tôi đam mê bạn, bạn thanh cao
tinh khiết.

Hoa Phăng đỏ: tình bạn của chúng mình rất đẹp.

Hoa Phăng nữ hoàng: mong chúng mình trở
thành bạn thân.

Hoa Phăng-xê: tôi rất nhớ bạn.

Hoa Phượng: hứa hẹn mai sau, báo hiệu mùa chia tay của tuổi học trò.

Hoa Phù dung: vĩnh biệt bạn.

Hoa Phong lan: đừng quên em (anh) nhé, em (anh) sẽ rất buồn vì thiếu vắng anh (em).

Hoa Sen: lòng từ bi độ lượng.

Hoa Sen hồng: sự tinh khiết.

Hoa Sim tím: trách giận vì sự lỡ hẹn.

Hoa Tường vi: tôi ngại thổ lộ tình cảm cùng bạn.

Hoa Tường vi trắng: tôi đã có cảm tình với bạn.

Hoa Thạch thảo: tôi mặc cảm vì tôi không đẹp.

Hoa Thuộc dục: mong tình bạn của chúng mình luôn trong sáng.

Hoa Thuộc dục đỏ: bạn là thần tượng của tôi đấy.

Hoa Thuộc dục vàng: chúc mừng sự vinh quang và thành đạt của bạn.

Hoa Tigôn: nhớ lại tình cảm ngày ấy.

Hoa Tigôn hồng: tôi đau khổ vì bạn.

Hoa Tigôn trắng: buồn và trách yêu bạn vì sự lỡ hẹn.

Hoa Vạn thọ trắng: vì sao bạn buồn.

Hoa Viôlet: một lời thể tình yêu chung thủy.

V. CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

BÁCH

THẾ

BẢN

CHI

THỪA

CUU

ẨM

百世本枝承旧荫

THIÊN

THU

HƯƠNG

HOẢ

TRĂNG

TRÂN

CƠ

千秋香火壮新基

DỊCH

TRĂM SỰ THẾ GIAN LƯU CÀNH GỐC
NGHÌN THU HƯƠNG KHÓI MÃI BỀN LÂU

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

TỔ

ĐỨC

VĨNH

THUY

THIÊN

TÀI

THỊNH

祖德永垂千載盛

GIA

PHONG

HÀM

LẠC

TỬ

THỜI

XUÂN

家風咸乐四时春

DỊCH

ĐỨC TỔ DÀI LÂU MUÔN THUỞ THỊNH
NẾP NHÀ ĐAM ẤM BỐN MÙA XUÂN

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

ĐỨC

THỪA

TIÊN

TỔ

THIÊN

NIÊN

THỊNH

德承先祖千年盛

PHÚC

ẤM

NHI

TÔN

BÁCH

THẾ

VINH

福荫兒孫百世榮

DỊCH

TỔ TIÊN TÍCH ĐỨC NGHÌN NĂM THỊNH
CON CHÁU NHỜ ƠN VẠN ĐẠI VINH

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

HƯỚNG

DƯƠNG

LẬP

TRẠCH

XUÂN

VÔ

HẠN



向阳立宅春无限

TÍCH

THIỆN

TRÌ

GIA

KHÁNH

HỮU

DƯ



积善持家庆有余

DỊCH

CỦA HƯỚNG ÁNH TRỜI, XUÂN ẤM ÁP
NHÀ GOM ĐIỀU THIỆN, PHÚC DỒI DÀO

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

BÁCH

KẾ

BẤT

NHU

NHÂN

ĐỨC

THIỆN

百計不如仁德善

THIÊN

KIM

MẠC

NHUỘC

TỬ

TÔN

HIỀN

千金莫若子孫賢

DỊCH

TRĂM KẾ CHẴNG BẰNG NHÂN ĐỨC TỐT
NGHÌN VÀNG KHÓ SÁNH CHÁU CON HIỀN

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

THẾ
THƯỢNG

GIAI

THAM

CHÂU

NGỌC

MỸ

世上皆貪珠玉美

GIA
TRUNG

ĐÔ

ÁI

TỬ

TÔN

HIỀN

家中都愛子孫賢

DỊCH

THẾ GIAN ĐỀU THAM CHÂU NGỌC ĐẸP
GIA ĐÌNH CHỈ CHUỘNG CHÁU CON HIỀN

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

TÀI

NHÂN

KHẢ

TÁC

QUỐC

GIA

SỰ

才人可作国家事

HIẾU

TỬ

NĂNG

YÊN

PHỤ

MẪU

TÂM

孝子能安父母心

DỊCH

NGƯỜI TÀI GÁNH VIỆC NON SÔNG
CON HIẾU THẢO YÊN LÒNG CHA MẸ

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

SỰ

ĐẠI

TẢO

HÀNH

TẤT

TẢO

ĐẠT



事大早行必早达

TỬ

HIỀN

TĂNG

GIÁO

TIỆN

TĂNG

MINH



子贤增教便增明

DỊCH

VIỆC LỚN SỚM LÀM TẤT SỚM ĐẠT
CON HIỀN NĂNG DẠY SẼ NÊN NGƯỜI

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

HIẾU

THUẬN

HOÀN

SINH

HIẾU

THUẬN

NHI

孝順
還生
孝順
兒

NHÂN

TỪ

TÁI

XUẤT

NHÂN

TỪ

TỬ

仁
慈
再
出
仁
慈
子

DỊCH

HIẾU THẢO MỚI SINH CON HIẾU THẢO
NHÂN TỪ LẠI CÓ TRẺ NHÂN TỪ

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

NHẬT

NGUYỆT

QUANG

CHIẾU

THẬP

PHƯƠNG



日月光照十方

TỔ

TÔNG

LƯU

THUY

VẠN

THẾ



祖宗留垂萬世

DỊCH

VÀNG NHẬT NGUYỆT MƯỜI PHƯƠNG RẠNG RỠ
ĐỨC TỔ TÔNG MUÔN THUỞ SÁNG NGỜI

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

ÁI
QUỐC
MẠC
VONG
TỔ



NHÂN
DÂN
TIÊN
MỤC
THÂN



DỊCH

YÊU NƯỚC CHớ QUÊN TIÊN TỔ
THƯƠNG DÂN PHẢI HOÀ THÂN THÍCH

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

GIA

ĐÌNH

HOÀ

DẪN

XUÂN

PHONG

MÃN



家
庭
和
引
春
风
满

DIÊN

KỶ

QUANG

ĐẰNG

THỌ

DIỆN

CAO



延
几
光
騰
寿
曜
高

DỊCH

NHÀ ĐẦM ẤM GIÓ XUÂN PHƠI PHỐI
TIỆC MỪNG VUI SAO THỌ NGỒI NGỒI

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

THIÊN

THÊM

TUẾ

NGUYỆT

NHÂN

THÊM

THỌ

天添歲月人添壽

XUÂN

MÃN

CÀN

KHÔN

PHÚC

MÃN

ĐƯỜNG

春滿乾坤福滿堂

DỊCH

TRỜI THÊM NĂM THÁNG NGƯỜI THÊM THỌ
XUÂN RẠNG NON SÔNG PHÚC RẠNG NHÀ

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

TANG

SƠ

MÃN

PHỔ

CUNG

NHÀN

THÚ

桑蔬满圃供闲趣

LAN

QUẾ

SUM

ĐÌNH

HIẾN

THỌ

CHƯƠNG

兰桂森庭献寿章

DỊCH

HƯỞNG THÚ NHÀN RAU DƯA THANH ĐAM
VUI TUỔI THỌ LAN QUẾ SUM VẦY

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

TỨ

THỜI

XUÂN

TẠI

THỦ

四时春在首

NGŨ

PHÚC

THỌ

VI

TIÊN

五福寿为先

DỊCH

TRĂM BỐN MÙA XUÂN TRƯỚC HẾT
SỰ NĂM PHÚC THỌ ĐẦU TIÊN

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

PHÚC

NHƯ

ĐÔNG

HẢI

福如东海

THỌ

TỶ

NAM

SƠN

寿比南山

DỊCH

TRĂM PHÚC NHƯ BIỂN ĐÔNG
SỰ THỌ CÙNG NÚI NAM

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

THỜI

ĐÁO

HƯNG

LONG

PHÚC

THỌ

HỘI

时到兴隆福寿会

VẬN

PHÙNG

PHÁT

ĐẠT

LỘC

TÀI

SINH

运逢发达禄财生

DỊCH

ĐƯỢC THỜI PHÚC THỌ PHỒN VINH
GẶP VẬN LỘC TÀI PHÁT ĐẠT

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

PHÚC

TUỖ

THIÊN

ĐỊA

TUẦN

HOÀN

CHÍ

福隨天地循環至

TÀI

CỘNG

XUÂN

THU

TIẾP

TỤC

LAI

財共春秋接續來

DỊCH

PHÚC NHỜ TRỜI ĐẤT TUẦN HOÀN TỚI
TÀI CỘNG XUÂN THU TIẾP TỤC VÀO

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

XUÂN

ĐÁO

KHÁCH

PHÒNG

XUNG

HỖ

KHÍ

春到客房冲喜气

HOA

KHAI

THƯƠNG

ĐIỂM

PHÚC

HƯƠNG

PHONG

花開商店馥香風

DỊCH

PHÒNG KHÁCH XUÂN SANG ĐẸP
CỦA HÀNG HOA NỞ NÚC MÙI HƯƠNG

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

ĐẮC

ĐỊA

AN

CƯ

THU

HẬU

PHÚC



得地安居收厚福

PHÙNG

THỜI

SINH

NGHIỆP

HƯỞNG

PHONG

TÀI



逢时生业享丰财

DỊCH

ĐƯỢC ĐẤT TỐT Ở YÊN THU PHÚC HẬU
GẶP THỜI MAY SINH NGHIỆP HƯỞNG TÀI DƯ

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

XUÂN

ĐÁO

CHU

THIÊN

ĐÀO

THỰC

KHÍ

春到周天陶淑气

THỜI

LAI

QUÁN

ĐỊA

MỘC

VINH

BA

时来贯地沐荣葩

DỊCH

CHÀO XUÂN MỚI, NƠI NƠI TRÀN KHÍ ẤM
GẶP THỜI HAY, CHỖN CHỖN RỘ HOA TƯƠI

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

THU

CHÍ

MÃN

SƠN

ĐA

TÚ

SẮC



秋至满山多秀色

XUÂN

LAI

VÔ

XỨ

BẤT

HOA

HƯƠNG



春来无处不花香

DỊCH

THU TỚI ĐẦY NON CHEN VẺ ĐẸP
XUÂN VỀ KHẮP CHỐN NGÁT HOA THƠM

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

THU

THẢO

PHÙNG

XUÂN

CHI

ĐIỆP

MẬU

树草逢春枝叶茂

TỔ

TÔNG

TÍCH

ĐỨC

TỬ

TÔN

VINH

祖宗积德子孙荣

DỊCH

CÂY CỎ CHÀO XUÂN CÀNH LÁ THẮM
TỔ TÔNG TÍCH ĐỨC CHÁU CON VINH

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

THIÊN

QUANG

ẨN

ƯỚC

TÌNH

VÔ

HẠN

天光隐约情无限

NGUYỆT

ẢNH

ĐOÀN

VIÊN

SẮC

BỘI

NGHIÊN

月影团圆色倍妍

DỊCH

BẦU TRỜI MẠN MÁC, TÌNH VÔ HẠN
 ÁNH NGUYỆT MÔNG LUNG, SẮC NGUYỆT TRẦN

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

HÚNG

LAI

VĂN

TỰ

TAM

BÔI

TỬU

兴来文字三杯酒

LÃO

CHÍ

SINH

NHAI

VẠN

QUYỂN

THƯ

老至生涯万卷书

DỊCH

RUỘT BA CHÉN NGÂM NGA KHI HÚNG
SÁCH VẠN PHO TIÊU KHIỂN TUỔI GIÀ

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

DỤC

CẦU

BẢO

AN

VU

HẬU

DUỆ

欲求保安于後裔

TU

BẰNG

CẢM

CÁCH

Ư

TIÊN

LINH

須凭感格於先灵

DỊCH

NHỜ TIÊN TỔ ANH LINH PHỦ TRỢ
 DÌU CHÁU CON TIẾN BỘ TRƯỞNG THÀNH

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

QUÂN

THÂN

ÂN

NGHĨA

TÔN

THIÊN

ĐỊA

君親恩义存天地

TỔ

KHẢO

TINH

THẦN

TẠI

TỬ

TÔN

祖考精神在子孙

DỊCH

ÔN NGHĨA QUÂN THÂN C ÒN MÃI VỚI ĐẤT TRỜI
TINH THẦN TỔ TIÊN SỐNG LUÔN CÙNG CON CHÁU

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

VẠN

CỔ

CÔNG

THÀNH

DANH

HIỂN

ĐẠT

萬古功名顯達

THIÊN

THU

ĐỨC

THỊNH

TÍNH

PHỒN

VINH

千秋德盛姓繁榮

DỊCH

MUÔN THUỞ CÔNG THÀNH DANH HIỂN ĐẠT
 NGHÌN THU ĐỨC SÁNG HỌ PHỒN VINH

CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN

NGHĨA

NHÂN

TÍCH

TỤ

THIÊN

NIÊN

THỊNH

义仁积聚千年盛

PHÚC

ĐỨC

TÀI

BỒI

VẠN

ĐẠI

HÀNH

福德栽培萬代亨

DỊCH

GÓP NHIỀU NGHĨA NHÂN, NGHÌN THUỞ THỊNH
TRAU DỒI PHÚC ĐỨC, VẠN ĐỜI Tươi

MỤC LỤC

CHƯƠNG I

CÁC LỄ TIẾT TRONG NĂM

I. TẾT NGUYÊN ĐÁN	7
1. Tết Táo quân	7
2. Lễ Tất niên	11
3. Lễ giao thừa (Lễ trừ tịch)	14
4. Lễ chính Đán	21
5. Lễ cúng đưa	23
II. CÁC LỄ TIẾT KHÁC	25
1. Tết Nguyên tiêu	25
2. Tết Hàn thực	27
3. Tiết Thanh minh	29
4. Tết mưa đông (Lễ phật dẫn)	33
5. Tết Đoan ngọ	33
6. Tết Trung nguyên (Lễ xá tội vong nhân)	36
7. Tết Trung thu	42
8. Tết cơm mới	44

CHƯƠNG II

NGHI LỄ TRONG ĐỜI SỐNG THƯỜNG NHẬT

I. NGHI LỄ THEO VÒNG ĐỜI	49
1. Đón trẻ sơ sinh	49

2. Đuổi vía dữ	50
3. Gọi trẻ bằng tên tục	50
4. Tục cho làm con nuôi	51
5. Đẩy tháng	51
6. Bán khoán	55
7. Đẩy năm	59
8. Những điều kiêng kỵ đối với trẻ sơ sinh	60
9. Đặt tên cho con	60
10. Con cầu tự	62
11. Tục đặt tên theo họ mẹ	63
12. Gọi lại tên	63
13. Vào họ	64
14. Vào Ngõ, vào Xóm, vào Giáp, vào Làng	64
15. Giáo dục con cái xưa và nay	65
16. Việc học hành	67
17. Chọn bạn cho con	70
18. Học nghề	71
19. Nghề nghiệp ở nước ta	73
20. Lên lão	76
21. Yến lão	76
22. Thương thọ	77
II. NGHI LỄ TRONG HÔN NHÂN	77
1. Hôn lễ thời xưa	77
2. Hôn lễ ngày nay	79
3. Một vài tục lệ khác trong cưới xin	83
III. NGHI LỄ TRONG TANG MA	87
1. Lâm chung	87

2. Lễ nhập quan	90
3. Thiết linh toạ	92
4. Lễ triều tổ	93
5. Kèn giải	93
6. Chuyển cữu và lễ yết tổ	94
7. Lễ Cáo thần đại lộ	94
8. Phát dẫn	94
9. Nghi trượng đám tang	95
10. Lễ hạ huyết	96
11. Lễ Hồi linh	96
12. Lễ ấp mộ và viếng mộ	97
13. Lễ Chung thất	97
14. Giỗ đầu	98
15. Giỗ hết	101
16. Rước linh vị vào bàn thờ chính	103
17. Cải táng	108
18. Ngày giỗ thường	111
IV. NGHI LỄ TRONG XÂY CẤT NHÀ CỦA	111
1. Lễ động thổ	112
2. Lễ cất nóc	114
3. Lễ nhập trạch	116
4. Lễ Tân gia	121
5. Mượn tuổi làm nhà	123
6. Lễ khai trương cửa hàng	124
V. NGHI LỄ TRONG TỤC THỜ CÚNG TẠI GIA	126
1. Thờ cúng Tổ Tiên	126
2. Thờ cúng Các vị thần	129

VI. NGHI LỄ DÂNG SAO GIẢI HẠN	133
1. Sao Thái Dương	134
2. Sao Thái Âm	135
3. Sao Mộc Đức	137
4. Sao Văn Hân	138
5. Sao Thổ Tú	140
6. Sao Thái Bạch	141
7. Sao Thủy Diệu	143
8. Sao La Hầu	144
9. Sao Kế Đô	146
VII. NGHI LỄ THỜ CÚNG TẠI CHÙA, ĐÌNH, ĐỀN, MIẾU, PHỦ	148
1. Nghi lễ thờ cúng tại Chùa	150
2. Nghi lễ thờ cúng tại Đình, Đền, Miếu, Phủ	151

CHƯƠNG III

CÁC PHONG TỤC KHÁC

I. PHONG THUỶ VỚI NGÔI NHÀ CỦA NGƯỜI VIỆT NAM	
1. Vài nét về Phong thủy cổ truyền	153
2. Phong thủy và ngôi nhà của bạn	155
3. Hướng nhà với tuổi của bạn	161
4. Ngày hoàng đạo, ngày hắc đạo	169
II. HOA BIỂU TƯỢNG	170
1. Biểu tượng của các loài hoa	170
2. Ý nghĩa của các loài hoa	173
III. CÂU ĐỐI CỔ TRUYỀN	205

CẨM NANG ỨNG DỤNG PHONG TỤC DÂN GIAN

NHÀ XUẤT BẢN HẢI PHÒNG

Chịu trách nhiệm xuất bản: Nguyễn Thế Bình
Biên tập: Mai Uyên
Bìa: Hải Anh
Sửa bản in: Bích Hằng

Giữ bản quyền xuất bản và phát hành:
Công ty Văn hoá & Truyền thông Võ Thị
Nhà sách Võ Thị:

90 Lý Thường Kiệt-Quận Hoàn Kiếm-Hà Nội

Tel: (04) 9424539 - 0913232149

Email: vothi_company@yahoo.com.

In tại: Xưởng in Tạp chí Tin học & Đời sống
Phố Phùng Chí Kiên, Hà Nội, ĐT: 7567556
Số lượng: 1.000 cuốn
Giấy phép xuất bản số: 922 - 2006/CXB/16-40/HP
Nộp lưu chiếu Quý I năm 2007



CẨM NANG ỨNG DỤNG

PHONG TỤC DÂN GIAN



Bạn có biết cách tổ chức một lễ giao thừa hoặc một lễ giỗ tết, lễ đặt tên hoặc một lễ tân hôn đúng với phong tục Việt Nam và tâm lý của người phương Đông?

Bạn có am hiểu cách chọn thế đất, hướng nhà sao cho hợp với tố chất của bạn và hợp với nhịp tuần hoàn của vũ trụ và môi trường?

Bạn có biết nội dung của những bài văn khấn để tỏ lòng hiếu thảo với song thân và tổ tiên?

Và nhiều vấn đề khác mà bạn luôn gặp phải trong cuộc sống thường nhật, khiến bạn luôn lúng túng, thậm chí mắc lỗi với người thân sơ vì không am hiểu phong tục?

Cuốn cẩm nang này đến với bạn như một cuốn từ điển giản dị, dễ tra cứu về cách tổ chức và lễ nghi phong tục của các trường hợp không thể thiếu trong cuộc sống.

Võ Thị giới thiệu



Liên hệ mua sách và hợp tác:

CÔNG TY VĂN HOÁ & TRUYỀN THÔNG VÕ THỊ

90 Lý Thường Kiệt

Tel: 04 94

Email: ha

Website: http

cẩm nang ứng dụng phong



Giá: 27.000đ